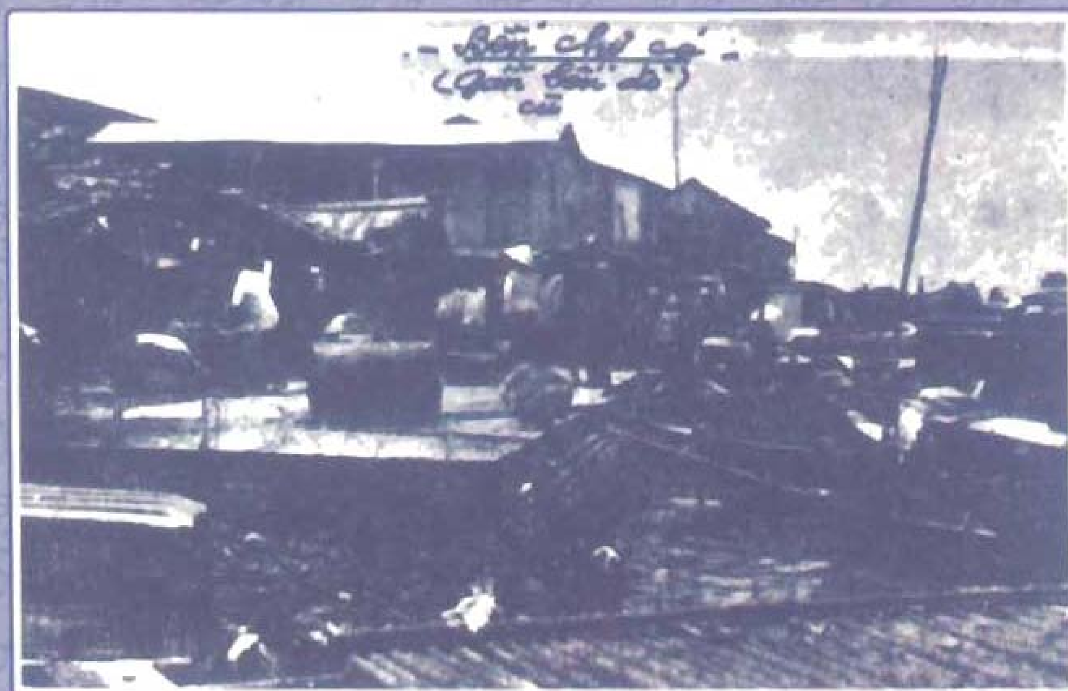
NGHÊ VĂN LƯƠNG - HUỲNH MINH

CÀ MAU XƯA

"Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa"



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NGHỆ VĂN LƯƠNG - HUỲNH MINH
(Biên soạn)

CÀ MAU XƯA

LOẠI SÁCH SƯU KHẢO CÁC TỈNH THÀNH NĂM XƯA

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG II

Bài bổ túc

CHƯƠNG III

Bài bổ túc

CHƯƠNG IV

Lời nói đầu

Quyển sách này gồm cả thảy 5 chương và mỗi chương gồm 2 phần:

1. Phần thứ nhất trình bày những khái niệm cơ bản thông thường về địa lý, để giúp đồng bào địa phương tìm sự ích lợi thực dụng, biết rành rẽ xứ sở của mình, về các phương diện; người khác tỉnh thì có cơ hội hiểu chút ít lịch sử tỉnh An Xuyên (Cà Mau cũ). Tuy là tỉnh cuối cùng của miền Nam nước Việt, nhưng rẫy đầy rừng cấm, lâm sản, thổ sản và hải sản quí báu. Lại còn nhiều phong tục tập quán, tục lệ cổ truyền, thổ ngữ, ca dao, từ tỉnh lỵ đến đồng quê hẻo lánh, từ mũi Cà Mau đến Hòn Khoai và Hòn Đá Bạc...

2. Trong phần nhì, chúng tôi thêm "bài bổ túc" để ghi lại vài gốc tích các sông rạch, chùa, miễu, phong cảnh đẹp cùng nhiều mẩu chuyện vui và lạ như: cách hầm than, đặt ống trúm bắt lươn, chụp ba khía, muối cua gạch son, ăn ong mật, đốn đuôn chà là, săn khỉ và lọ nồi, trục sấu mắc câu, săn kỳ đà, đốt đồng bắt rùa, cọp Cà Mau, đỉa, vắt muỗi và bồ mắt v.v...

- Chúng tôi rất tiếc là nhiều hình ảnh sưu tập từ nhiều năm để viết quyển sách này lại bị thất lạc trong lúc tản cư năm 1946 và không thể tìm lại được, để làm "sống" thêm những mẩu chuyện

vừa kể trên. Đó là lý do chánh khiến quyển sách này xuất bản rất trễ. Còn những tài liệu tháu thập tại chỗ do mấy bậc lão thành mộc mạc kể lại có thể sai lệch chút ít, nhưng chúng tôi cũng ghi ra đây, mong quí bạn đọc vui lòng cải chánh và bổ túc, chúng tôi rất tri ân và vui lòng lãnh hội.

Quyển sách nhỏ này giúp ích phần nào cho học sinh trong tỉnh An Xuyên và người đồng hương cũng như đồng bào ở mấy tỉnh khác ít có dịp lặn lội đến vùng quê xa xôi Cà Mau, đặng biết một cách tận tường:

Cà Mau là xứ quê mùa,

Muỗi bằng gà mái, cọp tùa [1] bằng trâu.

và

Cà Mau khỉ khọt trên bưng,

Dưới sông sấu lội, trong rừng cọp um.

thì đó là phần tưởng lệ lớn lao cho tác giả:

NGHÊ VĂN LƯƠNG

HUỲNH MINH

(1) **Tùa** (tiếng Triều Châu): lớn.

Ghi chú

Những tài liệu về địa dư và lịch sử mà chung tôi tham khảo và góp nhặt đều dựa theo sách. báo chữ Pháp và Việt, do những cơ quan chánh phủ và những bậc lão thành, kẻ còn người mất, cùng nhiều bạn thân ở rải rác trong tỉnh An Xuyên, vẫn còn nhiều con cháu hiện nay đang sống tại vùng Cà Mau.

Sách Pháp:
- Monographie de la Province do Bạc Liêu của Louis Girerd, in năm 1929 tại nhà in An Ha Cần Thơ
- Bulletin administratif de la Cochinchine

Sách Việt:
- Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim).
- Việt Nam văn học sử yếu (Dương Quảng Hàm).
- Tạp chí Tri Tân

Các cơ quan:
- Nha Địa Dư quốc gia Đà Lạt
- Nha Lâm vụ Sài Gòn.
- Nhà Điền địa Sai Gòn
- Ty Thông tin An Xuyên.
- Phòng Kinh tế An Xuyên.
- Ty Tiểu học An Xuyên.

QUÍ ÔNG GIÚP TÀI LIỆU

Trần Văn Từ, Tri phủ tai Cà Mau.

Lâm Kim Huyền, cựu Hội đồng địa hạt tổng Quản Long

Trần Hữu Tựu, Nghiệp chủ Cà Mau.

Lâm Tự Khương, cựu Hương Quản Cà Mau.

Vạn Đức Xương, cựu Bang Trưởng Triều Châu Cà Mau

Phó Tổng Lời, Cái Rắn (xã Tân Hưng).

Nguyễn Văn Thôn, nguyên Trưởng Ty Thủy Lâm Tân Ân. Cà Mau.

Tiêu Văn Phến; cựu Hương cả Năm Căn.

Ông Quản Sáng, chủ vườn dừa và dưa hấu tại Rẫy Chẹc.

Hương hào Mú, chủ ghe lưới tai Rạch Gốc (xã Tân An)

Tào Cui, chủ ghe lưới tại Vàm sông ông Đốc

Nguyễn Quang Trinh, cựu Hội đồng Địa hạt tại ông Trang (xã Viễn An)

Hương thân Khỏa, Nghiệp chủ tại Rạch Tàu (xã Viễn An).

TỈNH AN XUYÊN (Tỷ lệ 1/400.000)



CHÚT ÍT SỬ LIỆU

CÀ MAU do tiếng Miên "Tuk-Khmâu" nghĩa là: nước đen, gọi trại "Khmâu" thành ra Cà Mau.

Thật vậy, trong rừng U Minh, gồm Cán gáo, Tân bằng, Trèm trẹm, Cái tàu và phía bên hữu ngạn sông Ông Đốc, có nhiều đớn[1], nước ngập quanh năm, chảy ngang qua rừng cấm đầy lá mục như: dừa nước, tràm, gừa, ráng, lát, sậy, năn, cỏ nước mặn v.v... nên nước màu vàng như nước trà đậm, nhiều khi đen, hôi và chua, vì có phèn.

Vùng đất Cà Mau ngày nay nguyên là lãnh thổ của nước Phù Nam, rồi sau đó Thủy Chân Lạp, của Vương quốc Cao Miên. Mãi đến nay, chưa ai tìm thấy di tích nào đáng kể về đền đài, pho tượng của người xưa để lại.

Cuối thế kỷ thứ 17, Mạc Cửu dẫn một số người Trung Hoa bài Mãn phục Minh đến Hà Tiên, chiêu tập đám lưu

---

(1) Đớn là loại ráng thấp, chiếm khu vực rộng, trong đó có xen mây vóc và dây choại, loại rau nầy dài cả chục thước. Người ta tìm gốc mà chặt, rồi níu dây rút, đem về phơi khô, nhúng nước cho mềm, dùng bện đăng bắt cá hay cột đòn tay nhà, chắc chắn và bền bỉ.

dân, lập nên 7 xã dọc theo bờ biển, hai xã ở phía cực Nam là Rạch Giá và Cà Mau.

Năm 1714, Mạc Cửu dâng phần đất nầy cho Chúa Nguyễn. Mạc Thiên Tứ, con Mạc Cửu, chỉnh đốn cơ nghiệp của cha và vâng lệnh triều đình lập ra đạo Long Xuyên (ở vùng Cà Mau ngày nay), có tánh chất tổ chức quân sự. Năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi ra huyện Long Xuyên, năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đặt một tri huyện để cai trị.

Vùng Cà Mau có địa thế tốt, giúp vua Gia Long ẩn náu và làm bàn đạp để qua Xiêm cầu viện. Vài nhân vật sinh trưởng ở Cà Mau (huyện Long Xuyên ngày xưa) đã lập công giúp vua Gia Long: Ngô Văn Lựu, Trần Phước Chất, Ngô Công Quí và một nhân vật lỗi lạc khác là Dương Công Trừng.

Đến khi Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh đuổi chạy đến vùng Cà Mau thì ngài đã ẩn trú tại:

1.- CÁI TÀU: (xã Khánh An) còn một nền mộ ở gần đầu xóm mà đồng bào gọi là "Nền Công Chúa" nơi chôn cất một nàng công chúa chạy theo Nguyễn Ánh. Nền nầy cao ráo, trong khi chung quanh thì ngập nước mênh mông trong mùa mưa. Nền bỏ hoang đầy dây nhãn lồng, gai óc ó. Hài cốt đã di táng trước khi Ngài rời khỏi nơi đây.

2.- CÁI RẮN: (xã Tân Hưng). Nơi đây còn một cái nền đất cao hơn các vùng chung quanh. Đây là chỗ trước kia, có cất cái đồn lớn đặng dừng binh.

Cách nền trại lính lối 80 th, và cách mé rạch Cái Rắn chừng 30 th còn một cái ao lịch sử hình tròn, chừng 10 th đường kính mà mấy ông kỳ lão gọi là "Ao ngự", nước ngọt quanh năm, trong khi toàn quận Cà Mau, qua mùa hạn, không có cái ao nào được nước ngọt như nước mưa, mặc dầu đào xa sông rạch. Khi quan sát kỹ lưỡng, ta biết ao nầy nằm nhằm chỗ toàn là đất sét, nên nước mặn không thể thấm vào được. Chính ao nầy đã cung cấp nước uống trong mấy tháng hạn cho xóm Cái Rắn, Rạch Muỗi và Ông Tự.

Tên rạch và tên xóm Cái Rắn, theo mấy ông kỳ cựu, còn gọi là rạch "Long Ẩn" và xóm "Long Ẩn" đặng nhắc tích xưa.

3.- SÔNG ÔNG ĐỐC: trước kia gọi là Khoa Giang, chạy dài theo xã Khánh An và Khánh Bình bên hữu ngạn, xã Tân Lợi và Phong Lạc bên tả ngạn, là con sông Ngài đã chạy từ vịnh Xiêm La đến hòn Thổ Châu (Poulo Panjang).

Thuở xưa, dân Cao Miên lần lượt đến ở miệt Cà Mau khá đông đảo. Hiện giờ tại nhiều nơi, họ còn ở từ "Sốc" [1] như sốc Ông Muộn (xã Phong Lạc), Rạch Giồng (xã Tân Lợi), Đầu Nai (xã Tân Phú), Rach Cui (xã Khánh Bình) và Giồng Nổi (xã Tân Thuận).

Việc cai trị vào thời ấy giao cho một quan Miên, đến

(1) **sốc:** do tiếng Miên (Srok) có nghĩa là xóm hay làng, như: **sốc Trăng** (Srôk Treâng), **sốc Đồn** (Bac Liêu), sốc Sải (Bến Tre) sốc Sơn (Trà Vinh).

sau thời cuộc thay đổi, khi vị Tổng Đốc Cao Miên bị bại binh thì quyền hạn giao lại cho người Việt Nam. Thường thường, cai trị quận là một ông huyện, như ông huyện Nguyễn Hiền Năng.

Dưới triều vua Tự Đức, vào khoảng năm 1868-1869, ông huyện Năng trấn nhậm tại Cà Mau. Ông bị người Tàu họ Quách do bọn phủ Liếm cầm đầu (chức phủ lúc ấy cũng như bang trưởng), nổi lên giết ông và vợ con ông.

Qua thời Pháp thuộc, từ khi Cà Mau thuộc về tỉnh Bạc Liêu, thì thường bổ nhiệm một ông phủ, hoặc một ông đốc phủ sứ làm chủ quận. Ông quận đầu tiên là ông Phủ Y, kế tiếp là ông phủ Trương Ngọc Báu, ông đốc phủ Trứ, sau rốt là ông đốc phủ sứ Trần Quang Phước, chết tại nha quận năm 1909.

Lần lần, Cà Mau trở nên thị tứ, có viên quan người Pháp đến cai trị như: tào cáo [1] sở thương chánh, hạt Thủy Lâm, sở Cảnh sát, Hải Đăng tại Hòn Khoai, và còn nhiều người Pháp khác đến điều khiển đồng bào địa phương khai khẩn đất hoang để canh tác, nên quận trưởng luôn luôn là người Pháp, hoặc là Pháp tịch.

Viên chủ quận đầu tiên là ông Mélaye đã bắt dân "công sưu rừng" [2], đào một con kinh bề ngang 16 th, trước kia

---

(1) Tào cáo: do tiếng Triều Châu "Tùa Cáo" có nghĩa là chó lớn, đây ám chỉ loại chó "bẹt rê" của nhân viên sở Thương chánh dùng để đi bắt rượu do dân nấu

trong bản đồ châu thành ghi là kinh Mélaye, đến sau gọi thành tục là "kinh 16" tới bây giờ.

Tiếp theo, nhiều vị phó tham biện được luân phiên bổ nhậm đến Cà Mau: Plantié, Oscar, Campana, Delcambre, Boutonnet, Nguyễn Phú Xuân, Viala, Denys, Sylvestre, Monlau, De Montaigut, De Beauregard, Bailly, Fressenge, De Chaume Melin. Ông quận chót hết là Wagnon.

Ngày 09-03-1945, Nhật đảo chánh Pháp, quân đội Nhật dưới quyền điều khiển của đại úy Satoh thành lập một ủy ban hành chánh tạm thời do ông đốc phủ Kế và ông huyện Trang cầm đầu. Kế đó Nhật đầu hàng, giao chánh quyền cho Việt Minh với ông tú tài Năm làm chủ tịch quận bộ.

Trong thời gian trên 3 tháng Ô.Đ.K.T lên kế vị cũng trong vài tháng cho đến ngày có lịnh Trung ương bảo tổ chức lại guồng máy cai trị quận bộ cho hoàn mỹ hơn.

Kỳ nầy, nhiều nhà tai mắt được mời đến đặng tham khảo ý kiến về việc cải tổ nầy, và kết quả cuộc bỏ thăm kín đưa Ô. Phủ Đ.C.H lên làm Chủ tịch ủy ban hành chánh. Nhờ ông là một công chức hoàn toàn, nên từ đây đến cuối năm, dân chúng tại quận lỵ được sống trong một bầu không khí vui tươi hơn.

---

(2) Công sưu rừng: (prestation) Trước kia, dưới trào Pháp thuộc, chẳng những người dân phải đóng thuế thân, mà còn phải đi làm xâu mỗi năm 5, 3 ngày tùy nhu cầu địa phương. Ai có tiền đóng đặng mướn người làm xâu thế cho mình thì được miễn. Số tiền đóng nầy có ghi trong giấy thuế thân (gọi là miễn phu rachat des prestations)



Rồi qua đầu năm 1946, Việt Minh lại ra lệnh tản cư triệt để.

Hơn một tháng sau, quân đội Pháp chiếm lại Cà Mau (đúng mồng một Tết). Chúng không dám đi sâu vô ruộng, cho rằng trong bộ đội kháng Pháp của khu trưởng là Vũ Đức có vũ khí sẵn sàng giao chiến. Vì vậy mãi đến 3 tháng sau, chúng mới dám kéo xuống Rau Dừa mà đóng đồn .

Trên đây là 1 dãy phố lầu bê tông cốt sắt của Ô. Mã Ngân tự Bang Tắc cất trước năm 1922, phía trệt có nhà hàng "Á Đông" bán cơm tây còn trên lầu có 10 phòng ngủ đầy đủ tiện nghi.

Năm 1934, vì kinh tế khủng hoảng nên nhà hàng ngưng hoạt động và đến năm 1945, thì nhà ngủ cũng dẹp nữa.

Hiện giờ, dãy phố này vẫn còn đứng sừng sựng tại Công trường Bạch Đằng và chia ra từng căn phố buôn bán, bên hông chợ.

Đúng ngày 01-05-1946, công chức và thường dân bắt đầu trở về thành, nhưng phải đến xin giấy hồi cư tại đồn Pháp do Trung úy Masse chỉ huy, đóng tại dãy phố gần cầu sắt Rau Dừa.

Cũng may là lúc ấy, lối 4 000 người Miên tản cư ra chợ hầu tránh bom đạn, bị nhà binh Pháp đuổi về hậu bối đặng trả lại nhà cửa cho đồng bào hồi cư.

Châu Thành lúc ấy dơ dáy và hôi tanh, nếp sống bừa bãi của dân Miên chen chít nhau đôi ba chục người trong một căn nhà chật hẹp, và cũng vì khí trời oi bức, nên bệnh trái giống nổi lên hoành hành dữ dội.

Quang cảnh đau thương diễn ra trước mặt mọi người: nhiều nhà bị lính Pháp đốt cháy khói lên nghi ngút, nhất là phía bên xóm Phước Kiến và dọc theo kinh 16. Nhà chức trách quân sự Pháp cho biết rằng bệnh thổ tả lại phát ra.

Lính Tây và Lê Dương da đen cứ đập phá nhà vách tường cột gạch đặng lấy vật liệu xây lô-cốt. Vì vậy một số đồng bào hồi cư về thành, thấy nhà cửa mình cháy hết, không nơi nương tựa, đâm ra uất hận, quày lại bưng biền với cách mạng.

Có điều tai hại nữa, là khi đi càn quét, bọn Pháp lại dắt theo một người thông ngôn Cao Miên có quốc tịch Pháp để chỉ đường dẫn lối: mấy chiếc tàu dòng theo một đoàn xuồng ba lá và ghe lườn, chở đầy người Miên đi "hôi" của cải đồng bào trong ruộng. Tại chợ, phố xá nhà cửa của người Huê Kiều không bị tàn phá.

Vật thực khan hiếm, thuốc men thiếu thốn; ai nấy hồi cư về thành không còn một xu dính túi, phải kéo lê chuỗi ngày hồi hộp và sống chật vật. Lúc ấy, cũng may là vì chủ quận, ông Jean Marie, có vợ chánh thức người Việt, am hiểu tình cảnh khổ sở của dân chúng, nên thường điều đình với nhà binh Pháp đặng họ đừng bắn giết những người nghi theo VM; trong số nầy có 6 thầy giáo bị bắn. Vì thấy can thiệp vô hiệu quả, ông Jean Marie xin đổi về Sài Gòn, đặng cho khỏi chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt vẫn còn tiếp tục xảy ra hằng ngày.

Trong năm 1947, quân đội Pháp nhận thấy Bộ đội Cao Đài có nhiều uy tín với quần chúng, nên giao quyền hành chánh lẫn quân sự lại cho Đại úy Xương, có Thiếu úy Hồng Sơn Đông phụ tá lập văn phòng tạm, trước trên nhà ngủ Á Đông, sau dời về dinh quận là Tòa án bây giờ.

Kế đến là Đại úy Chiêm làm quận trưởng, sau rốt là một vị sĩ quan trong bộ đội "Vệ binh đoàn tình nguyện giải phóng" Pháp gọi là G.V.L (Garde volontaire de la Libération). Ấy là ông Reichart.

Còn đến năm 1953, khi quân đội viễn chinh Pháp rút dần, thì quận Cà Mau mới bắt đầu kiến thiết lại. Nhưng dấu vết tàn phá vẫn còn là hình ảnh u buồn và đau thương cho đồng bào ở quận lỵ.

Qua đến 20-10-1945, hiệp định Genève, Cà Mau được chỉ định là vùng "tập kết". Tại vàm sông Ông Đốc, tàu Nga đậu chực sẵn sàng để chở ra Bắc những người tình

nguyện đi tập kết.

Một lần nữa, quang cảnh Cà Mau trở lại buồn tẻ: phần đông đồng bào sống trong những ngày hồi hộp: vật thực và thuốc men khan hiếm, không ai làm mướn cho ai, xe đò bị hạn chế, bộ hành phải xin giấy lưu thông trình cho nhiều trạm kiểm soát từ Cà Mau đến Bạc Liêu.

Cách 2 năm sau, do sắc lệnh số 32 NV ngày 09-03-1956, quận Cà Mau chính thức trở thành tỉnh **An Xuyên.**

An Xuyên chính là tên của làng sở tại trước kia thuộc về tổng Quản Long. Quận Châu Thành hiện nay lại lấy tên là Quản Long, đặt tại Tắc Vân, cách tỉnh lỵ 12 c.s 200 trên quốc lộ Cà Mau - Sài Gòn.

Còn xã sở tại lấy lại tên cũ là Tân Xuyên, như trước năm 1900.

ĐỊA THẾ

Bản đồ tỉnh An Xuyên giống như cái bánh lái ghe, ở chót phía Tây, đất lồi ra thành mũi Cà Mau, nhô ra ngoài vịnh Thái Lan, và phía Nam teo lên, dọc theo biển Nam Hải: Mỗi bên đều có 3 chỗ hũng vô sâu: phía Tây: cửa sông ông Đốc, vàm sông Đồng Cùng và vàm sông Bảy Háp, phía Đông Nam: vàm sông Gành Hào, cửa Bồ Đề và vàm rạch Đường Kéo.

Phần chót bánh lái nói trên (mũi Cà Mau) tuy nhô ra ngoài biển cả, nhưng không còn nhọn như chúng ta thường thấy trên bản đồ nhiều sách địa dư, vì đất phù sa bồi lấp một ngày một ít. Thậm chí, bãi Cửa Lớn hiện nay (xưa kia khởi sự khỏi Năm Căn chừng 5 c.s đến xóm rạch Thùng bên sông Bảy Háp) không còn tồn tại trọn vẹn, chỉ còn lối 9 c.s bề ngang nữa là bị lấp hết bởi đất phù sa, từ mũi Ba Quan qua mũi Ông Trang.

Kể từ ngày có vẽ kỹ lưỡng địa đồ miền Nam Việt Nam đến nay, nghĩa là trên 80 năm, đất phù sa đã bồi lấp bãi Cửa Lớn, trên một chiều dài lối 13cây số Vậy thì căn cứ theo đà nầy, người ta đoán rằng, trong thời gian ngắn hơn, chừng 65 năm nữa (?) 9 c.s bề ngang còn lại sẽ bị lấp trọn.

Từ mũi Ba Quan chạy dọc theo vịnh Thái Lan đến vàm rạch Tiểu Dừa, nơi giáp ranh với tỉnh Kiên Giang, thì đất cũng bồi chút ít, cũng như từ mũi Cà Mau đến vàm rạch Đường Kéo gần xóm Rạch Gốc.

Trái lại, từ đây chạy ngược lên tới cửa Gành Hào, nhất là đến cửa Bồ Đề, thì bờ biển một ngày một lở thêm, và nhà chức trách rất e ngại cho xóm Rạch Gốc, vì theo đà bực lở, trong thời gian cũng lối 65 năm nữa, xóm nầy hiện nay chỉ cách bờ biển vài cây số mà thôi sẽ bị lở hết, vậy đồng bào nơi đây cần chuẩn bị dời sâu nhà vô trong rạch thêm năm, ba cây số nữa.

VỊ TRÍ - RANH GIỚI - CHẤT ĐẤT.

Tỉnh An Xuyên nằm về phía cực Nam của nước Việt Nam. Kể từ năm 1956, ranh giới của tỉnh là ranh giới cũ của quận Cà Mau, nhưng về phía Đông Bắc, có gần 100 mẫu tràm của vùng U Minh Hạ thuộc tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá cũ) sáp nhập.

Trái lại, phía trên Tây Bắc, diện tích Cà Mau mất hết lối 600 mẫu thuộc về xã Thới Bình và Khánh Lâm, nằm trong khoảng giữa sông Trèm Trẹm và rạch Tiểu Dừa.

Vậy thì, tỉnh An Xuyên:

Bắc : giáp tỉnh Kiên Giang và Chương Thiện.

Nam : giáp biển Nam Hải.

Đông : giáp tỉnh Bạc Liêu và biển Nam Hải

Tây : giáp vịnh Thái Lan.

Đất ruộng thì ít phân, phần nhiều là đồng bằng bao la đầy sậy, cỏ, lát, năn, ráng v.v... có phèn, làm ruộng ít trúng mùa. Muốn cải tiến, phải đào kinh xổ nước phèn, hoặc đắp bờ bao chứa nước mưa và bón phân hóa học.

Còn về miệt rừng cấm: tràm, gừa và cây tạp ở Trèm Trẹm, Cái Tàu và Khánh Bình, một số nông dân tự tiện phá ven rừng, trước làm rẫy, vài năm sau mới cấy lúa.

Ở vùng rừng cấm: vẹt, đước, chà là, là nơi đất không có chân, nhiều người cũng choán đất một cách bất hợp pháp, đặng làm rẫy và cấy lúa sớm, mặc dầu nước mặn quanh năm, như ngọn rạch Cái Ngay và dọc theo sông Đầm Dơi, phía trong hậu bối.

DIỆN TÍCH

Diện tích tỉnh An Xuyên được 495.210 mẫu tây, nhưng rừng cấm choán hết 120.175 mẫu, nghĩa là gần 1/4 diện tích chung.

Như đã nói, nhiều đồng bào lén lút khai phá ven rừng cấm đặng chiếm công nghiệp, lần lần vô khỏi ranh rất nhiều, nhất là ở Cái Bát, Trèm Trẹm, Cái Ngay và Tân Thuận. Nên ngày nay, nhiều miếng ruộng đã thành thuộc, cò bay thẳng cánh. Bởi lẽ ấy, diện tích rừng cấm giảm rất nhiều, còn lại lối 100.000 mẫu mà thôi.

BỜ BIỂN

Gành bãi tỉnh An Xuyên chạy dài trên 320 c.s, một

phần tư là bùn lầy do đất phù sa bồi lên, nhất là từ vàm rạch Tiểu Dừa giáp tỉnh Kiên Giang đến mũi Cà Mau, chạy luôn qua phía Nam đến xóm Rạch Gốc, gần vàm Rạch Đường Kéo. Cần ghi nhớ là: cách mũi Cà Mau lối 10 c.s, bờ biển có bãi cát, nơi đây là Rẫy Chệc (xem bài bổ túc).

Từ vàm Rạch Gốc đến vàm sông Gành Hào, thì bực hẩm nhất là từ cửa Bồ Đề đến vàm rạch Đường Kéo.

Trong vịnh Thái Lan, từ ranh giới tỉnh đến vàm sông Đồng Cùng, chừng 60 c.s dài theo mé biển là: tràm, cây tạp, bần sẻ, mấm và giá. Từ đó trở xuống mũi Cà Mau và tiếp luôn qua mé biển Nam Hải, toàn là vẹt, đước, chà là có lẫn lộn chút ít cây dừa nước.

Cho nên, căn cứ vào thực tế, người địa phương đoán rằng: theo luật bù trừ của tạo hóa, hay nói đúng hơn, là của hai giọt nước đối lập, một ở bên vịnh Thái Lan và một ở bên biển Nam Hải, nếu bờ biển bồi thêm được 6 phần, thì lại mất đi hết 1 phần.

Dọc theo mé biển, có hai hòn: Hòn Đá Bạc, nằm im lìm trong vịnh Thái Lan và Hòn Khoai, đứng chập chờn ngoài biển Nam Hải.

a) Hòn Đá Bạc, cách xa đất liền 460 th, và vàm sông ông Đốc chừng 16 c.s, diện tích phỏng lối 67.500 m², mõm cao nhất chỉ có 24 th, thuộc xã Khánh Bình Đông, quận sông Ông Đốc.

b) Hòn Khoai, cách bờ biển 12 c.s 250, diện tích chung

kể luôn 3 hòn nhỏ ở phía Bắc và Đông Nam, phỏng chừng 5 c.s vuông 600, mỏm cao nhất đến 318 th, thuộc xã Viên An, quận Năm Căn. (Xem bài bổ túc chương hai).

KHÍ HẬU

Trong 46 tỉnh hiện hữu của nước Việt Nam, An Xuyên là tỉnh gần đường xích đạo nhất, có khí hậu chung của miền Nam, nghĩa là ẩm thấp, oi bức và nê địa.

Nhiệt độ từ 18 đến 28, tương đối mát mẻ hơn nhiều tỉnh khác, vì ở gần biển gió thổi quanh năm: ấy là gió mùa, mỗi năm thổi 6 tháng một hướng.

Từ tháng 5 đến tháng 10 d.l gió thổi từ Tây Nam qua Đông Bắc, trong 6 tháng còn lại, thì ngọn gió đổi từ Đông Bắc qua Tây Nam.

Ngọn gió trước từ ngoài biển thổi vô đất liền và đem lại mùa mưa. Còn ngọn gió sau thì trong mùa hạn, từ đất liền ra biển.

Tại nhiều vùng Cà Mau, vì cỏ cây rậm rạp làm nơi ẩn trú của loài muỗi đen, muỗi cỏ và nhất là muỗi đòn xóc (anophèle), nên đồng bào thường mang bệnh rét ngã nước (paludisme).

Nhưng trong vài chục năm sau nầy, nhờ đồng bào khai phá thêm đất hoang vu đặng làm ruộng, nên muỗi có phần bớt nhiều.

Trái lại, ở miệt xa xôi, nhất là Năm Căn, Xóm Thủ,

Ông Trang, Cái Tàu, Trèm Trẹm, Cái Bát, Đầm Chim, v.v... vì rừng cấm còn rậm rạp nên bệnh rét vẫn tiếp tục hoành hành, mặc dầu Ty Y tế đã mở thêm nhiều trạm ở nông thôn cung cấp thuốc men cho đồng bào.

oOo

SÔNG - RẠCH - KINH

Tất cả sông rạch trong tỉnh đều phát nguyên từ vùng đồng lầy nước đọng, lá mục cho nước, vì thế nước có ngọt cũng không thể uống được.

Sông rạch tạm chia ra làm 2 hệ thống:

1) CHẢY RA VỊNH THÁI LAN

a) Sông Trèm Trẹm: 30 c.s, thuộc xã Thới Bình, chạy qua xóm Tân Bằng và Cán Gáo, ăn thông vào kinh Xáng đi đến Xẽo Rô, sông Cái Lớn tỉnh Kiên Giang.

b) Rạch Cái Tàu: 25 c.s chảy ngang qua xóm Cái Tàu, Lâm An và Biện Nhi. Còn chừng lối 15 c.s mới tới vịnh Thái Lan, lại lấy tên mới là Rạch Tiểu Dừa.

c) Sông Ông Đốc: 58 c.s chảy ngang qua các xóm Rạch Giếng, Rạch Cui, Rạch Ráng bên hữu ngạn; xóm Cán Dù, Nổng Kè, Tắc Thủ, Ông Tư, Rạch Vọp và Bà Kẹo bên tả ngạn.

d) Sông Đồng Cùng: 22cây số thuộc xã Phú Mỹ, bề ngang có chỗ rộng gần 1 c.s, nhưng rất cạn, vì đây là một cái đầm không thông thương với sông rạch nào cả, chỉ nhờ

nước rút chút đỉnh qua kinh xáng Bà Keo, từ khi kinh nầy được đào (Đúng ra, phải gọi là Đầm Cùng).

e) Sông Bảy Háp: 55 c.s. chảy xuyên qua các xã Tân Hưng, Hưng Mỹ, Tân Hưng Đông, Tân Hưng Tây và Năm Căn. nước chảy lờ đờ từ Rạch Muỗi đến vàm kinh xáng Đội Cường, tại điền Huyện Kệ, rồi từ đó bắt đầu chảy mạnh đến Cái Keo. Từ đây ra tới mé biển, lại chảy lờ đờ. Vì vậy, tại cửa, gần xóm Rạch Thùng, bãi cạn, tàu bè vô ra không được và bị đất bồi một ngày một thêm.

f) Sông Cửa Lớn: 48cây số bề ngang nhiều chỗ rộng đến 500 th, là con sông lớn nhất, sâu nhất và nước chảy mạnh nhất trong tỉnh, nguồn bắt đầu từ ngã ba Tam Giang. Sông này xuyên qua các xóm Tam Giang, Xóm Lớn, Hàng Vịnh và quận Năm Căn bên hữu ngạn, các xóm: Ông Định, ông Như, Tất Biến. Biện Nhạn, Nhưng Miên, Cây Me và ông Trang, bên tả ngạn.

Con sông nầy có đặc điểm là lúc nước lớn, tại vàm ở mũi ông Trang, giọt nước không chảy từ ngoài biển vô, mà lại chảy ngược ra biển, vì dòng nước lớn của sông Bồ Đề bên Nam Hải chảy qua mạnh, đẩy giọt nước ra biển. Cũng như đến con nước ròng, thì dòng nước từ ngoài biển ông Trang chảy vô, đi ngang qua Năm Căn đến ngã ba Tam Giang, rút xuống sông Bồ Đề, rồi chảy ra biển.

Sông nầy luôn luôn chảy mạnh, nhất là lúc nước ròng mạnh cho đến đỗi, khi tàu đò gặp nước ngược, chỉ chạy được lối 7, 8 c.s. một giờ là tối đa.

Tại chợ Năm Căn, bề ngang sông rộng gần 400 th và có nhiều giáp nước, nên nước xoáy nhiều chỗ, xoi bờ sông, làm cho đất sụp lở, đường sá phải sửa chữa lại nhiều lần. Chi nhánh của sông Cửa Lớn, gần các sông rạch kể tên sau đây:

Sông Đầm Dơi: 30cây số thuộc xã Tân Duyệt, chảy ngang qua các xóm đông dân cư: Xóm Ruộng, Đầm Dơi, Bàu Sen, Nhà Thờ và Vàm Đầm.

Sông Đầm Chim: 25cây số thuộc xã Tân Thuận, hai bên không có xóm ấp nào cả, chỉ thấy nhà cửa rải rác.

Vàm Đầm: Ngã ba hai con sông: Đầm Dơi và Đầm Chim.

Rạch Dày Chảo: 10cây số chảy xuyên qua rừng cấm vẹt, đước, dừa nước và chà là, nổi tiếng là nơi có sấu to và duôn ngon.

Rạch Cái Ngay: 20cây số thuộc xã Thuận Hòa, lòng rạch rất sâu, vì nước rút mạnh ra sông và xoáy tròn tại vàm, như tại ngã ba Tam Giang, làm cho mé sông Cửa Lớn lở nhiều chỗ. Trong ngọn rạch mặc dầu là rừng cấm, nhưng người ta có phá một mớ đất đặng làm rẫy và cấy lúa được trúng mùa, nhờ bờ bao ngạn và cây ráng và củ đốt cháy thành phân bón rất tốt.

Sau rốt, tại chót mũi Cà Mau, còn một mạng nhện rạch nhỏ, nhưng rất sâu, vì nước ròng rút mạnh ra sông Cửa Lớn như các rạch: *Cái Chồn, Bà Thanh, Ông Quyền,*



Hạt Thủy Lâm Đầm Dơi

Ông Định, Ông Như, Tắt Biển, Biện Nhạn, Nhưng Miên, Ông Thược, Cây Me, Ông Trong và Cái Xếp.

Gần mũi Cà Mau, còn một con rạch rất sâu, nước chảy như cất ấy là Rạch Tàu (xem bài bổ túc).

Trong mỗi rạch, đều có một vài trại đáy, cung cấp rất nhiều tôm khô cho Năm Căn, một nguồn lợi tức làm cho quận này giàu thêm, sau than đước.

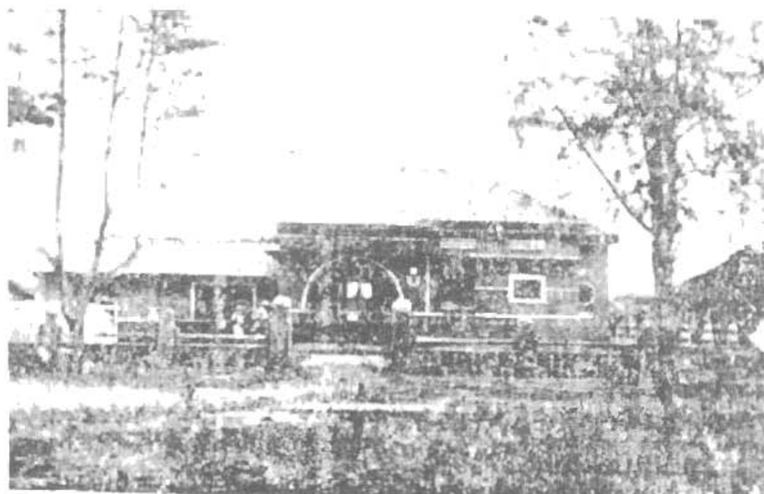
2) CHẢY RA BIỂN NAM HẢI

a- Rạch Đường Kéo: 34 c.s, đi từ xóm Thủ đến xóm Rạch Gốc, xuyên qua rừng cấm dày đặc cây đước, vẹt, dà và mấm trắng.

Vì có rất nhiều giáp nước, nên lòng lạch cạn. Nhưng khi còn lối 7 c.s tới Rạch Gốc, lần lần rạch trở nên sâu và rộng lớn, và đến tại đầu xóm nầy, nước lại chảy mạnh như sông Cửa Lớn, mạnh đến đỗi bờ rạch bị nước xoi, làm nhiều cây cối thường tróc gốc lọt nguyên cụm xuống nước chìm lĩm tới đáy, hoặc trôi lềnh bềnh. Vì vậy, xóm nầy gọi là xóm Rạch Gốc, cách bờ biển trên 3cây số

b) Sông Bồ Đề: 10 c.s bắt nguồn từ sông Cửa Lớn tại ngã ba Tam Giang, chảy ra biển do một cửa khá rộng.

Tại cửa Bồ Đề, trong vài địa đồ, có vẽ một cái cù lao nhỏ, nhưng sự thật là không còn. Theo ven biển, thường có sóng to gió lớn, khi thủy triều dâng lên, nước chảy mạnh



Hạt Thủy Lâm Tân An (Xóm Thủ)

vào, làm cho mé biển và hai bên bờ sông bị lở, vẹt đước và cây dà mọc sát mé nước bị tróc gốc rơi nguyên cụm xuống sông, và đến con nước ròng, trôi dạt ra vàm và mắc kẹt tại đó, tạo thành một mạng cây khô, ở xa trông như một cái hàng rào, hoặc một cái rạo lớn mà người ta cắm dưới nước đăng bắt tôm cá. Loại cây tróc gốc nầy ở Xóm Thủ, gần cửa Bồ Đề, đồng bào gọi là "củi rạo", nhiều cho đến đỗi nhánh và rễ xỏ xâu dính cứng lại với nhau khó mà nhổ lên cho được.

Hạt Thủy Lâm ở Tân An miễn thuế cho dân địa phương đến chặt đem về chụm lửa, vì sợ e cửa Bồ Đề bị bế tắc hoặc hẹp lại, ghe lưới cá vô ra không được.

c- Sông Gành Hào: 55cây số bắt nguồn từ vàm rạch Giồng Kè, chảy ngang qua rạch ông Muộn xóm Phước Kiến và tỉnh lỵ An Xuyên.

Bên hữu ngạn, sông chảy qua xóm An Kho, Mương Điều, Cái Keo[1] và ấp Giồng Nổi, nơi đây có "sốc" người Miên ở.

Bên tả ngạn, là xóm Rạch Nhà, Xẻo Su và xã An Trạch, là xã nổi tiếng ruộng phì nhiêu nhất trong tỉnh.

Đáng lẽ ra, phải viết là Gành Hàu mới phải, vì tại cửa sông nầy, có chút ít bãi cát đen và nhiều đống vỏ con hàu trắng phếu mà từ lâu rồi, ngư phủ chở con hàu từ Hòn Đá Bạc về đây, cạy thịt đem bán rồi bỏ vỏ tại gành.

(1) Ở Cà Mau có hai xóm Cái Keo: Cái Keo Gành Hào và Cái Keo Bảy Háp

Cũng tại nơi cửa nầy, người ở Cà Mau thường đèn xúc cát đen đem về long nền nhà, hoặc trộn hồ.

Lòng sông ròng từ chợ Cà Mau đến mương Chệc Kịch bên hữu ngạn, là đường nước đi tắt qua Xóm Trại đến Bông Kéc, rồi luón đường qua xóm Đầm Chim.

Từ Giồng Nối đến cửa, thì sông hẹp lại, nhưng nước chảy mạnh, bực sông hầm, hai bên không có một cái doi, hoặc bãi lài nào cả.

KINH XÁNG

1) Kinh Cà Mau - Giá Rai Bạc Liêu cũng còn gọi là Kinh Quan Lộ, dài 64 c.s xúc năm 1914, vài tháng trước khi xảy ra trận giặc Âu Châu 1914 - 1918, thâu ngắn đường thủy lối 10 c.s từ Lộ Bẻ lên tới Sở Búp Lê, nay gọi là Hòa Bình.

Năm sau, đất đổ lên bờ ven trở nên dè, và ban ra hầu đổ đá xanh bỏ cho xe hơi chạy. Trong lúc chờ đợi, có tàu thủy đưa hành khách và chở hàng hóa.

Trước hết, hai chiếc "Tân Hải Lợi" và "Tân Hải Hùng", kế đó là "Hồ Nam" và "Hồ Bắc" luân phiên chạy mỗi ngày mất tư 8 đến 9 giờ mới đến Bạc Liêu, vì kinh còn nhiều khúc không được sâu, và tàu ghé liên miên đặng rước hoặc đưa khách.

Một năm sau, đường lộ mới xong xuôi và xe hơi bắt đầu chạy. Từ đây về sau, các tàu đò đều dẹp hết.

2) Kinh Gành Hào - Bảy Háp: 9 c.s nối liền hai con sông nầy, gọi thành danh là "Kinh xáng Đội Cường" vì đầu kinh ở tại điền ông Đội Cường (Nguyễn Phú Cường) trước kia giúp việc tại sở Thương Chánh Cà Mau.

Nước kinh nầy chảy qua sông Bảy Háp lúc nước lớn và rút về sông Gành Hào khi nước ròng. Dòng nước chảy mạnh, nên hai bờ kinh lở rất nhiều, lòng lạch sâu và ngày nay, bờ rộng bằng hai lúc trước, lối 30 th.

Kinh nầy rất thuận tiện cho ghe cà vom chở lúa, ghe chài lón[1] chở lá tàu, lá bó, lá chầm và cây củi, ghe rỗi miệt trên xuống xóm Cái Rắn, Rau Dừa, điền Bộ Mão, Bà Hính, Bờ Đập và Cái Keo chở mắm, lươn và cá tươi. Đã khỏi đi quanh co như trước kia, mà ghe chở khẳm lại khỏi mắc cạn.

3) Kinh Gành Hào - Hộ Phòng: 18cây số đi từ sông Gành Hào đến Hộ Phòng (quận Giá Rai, Bạc Liêu)

4) Kinh Tắc Vân - Gành Hào: 10 c.s nối liền xóm Tắc Vân với sông Gành Hào.

Nhờ hai con kinh sau nầy mà đất ruộng xã An Trạch được vào bảng điền ngoại hạng trong tỉnh: lúa thường thường trúng mùa: gần 20 giạ một công ta.

5) Kinh Sông Trẹm - Cái Lớn: 24cây số kể đến ranh hạt, đi từ sông Trẹm qua sông Cái Lớn tỉnh Kiên Giang.

---

(1) **Chài lón:** Ghe chài nhỏ chỉ có 1 khúc mui ở phía sau lái

6) Kinh Kiểm Lâm: 32 c.s đi từ rạch Cái Tàu, xuyên qua rừng cấm tràm, đến vịnh Thái Lan gần hòn Đá Bạc.

7) Kinh Kiểm Lâm: 10 c.s nối liền rạch Cái Tàu với sông Ông Đốc, cũng băng ngang qua đớn và rừng cấm tràm.

9) Kinh Biện Nhị: 17 c.s nối liền rạch Tiểu Dừa với vịnh Thái Lan. Hai bên bờ kinh, rừng cấm nay đã thành điền.

10) Kinh xáng Bà Kẹo: 7cây số nối liền sông Ông Đốc với sông Đồng Cùng.

11) Kinh Đồng Cùng: 10cây số 500, nối liền sông



Kinh 16 tại tỉnh lỵ

Đồng Cùng với Ngã ba Đình, gần xóm Quản Phu.

12) Kinh Bà Bèo: 3cây số thuộc xã Tân Hưng, nối liền rạch Nàng Âm với ngọn sông Bảy Háp.

13) Kinh Cái Rắn - Ông Tự: 4cây số nối liền hai xóm Cái Rắn và Ông Tự.

(Hai kinh sau nầy đều đào tay).

14) Kinh Mương Điều: 4cây số thuộc ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, nối liền rạch Mương Điều với Xóm Ruộng, cùng một xã, đã được xáng vét sâu và nới rộng thêm trong năm 1941.

15) Kinh 16: tại Tỉnh lỵ, trước kia gọi là Kinh Mélaye, tên vị chủ quận.

Ngoài các con kinh kể trên, còn rất nhiều kinh của sở Thủy Lâm cho phép đào tay, xuyên qua rừng cấm, đặng cho ghe nhỏ của các chủ thầu lòi củi đốn trong rừng ra sông sâu nước chảy, hoặc đến lò than của chủ cúp. [1].

CÂY CỐI

Gừa: - Rừng Cà Mau xưa kia có nhiều rừng gừa, mọc thành giàn cao vút trên 10 thước, nhất là ở rừng, đớn, như Trèm Trẹm, Cái Tàu, Rạch Giếng, Giồng Kè và Rạch Giồng. Hồi năm 1928, tại Đường Củi, cách Châu Thành chỉ lối 800 thước, còn một rừng gừa rậm rạp, là nơi ẩn trú

(1) Chủ cúp: (coupe) Chủ đã đấu thầu được những "lô" rừng cấm đặng đốn cây được và vẹt chở về hầm than

của lọ nồi và cu xanh.

Thịt cây gừa màu đỏ, có vân, sớ dai, vỏ cứng như vỏ cây dầu, chỉ dùng làm củi chụm mà thôi. Mấy nhánh cong thường để làm cong ghe và xuồng, bền chắc, xài được lâu năm, vì chịu nước.

Củi gừa tốt hơn củi tràm, ngang hàng với củi đước vẹt, lâu bọn, nhưng khó bửa. Tro gừa dùng để gội đầu rất tốt, tro ngâm lấy nước lóng trong để gói bánh tét và bánh ú.

Rừng gừa dễ phá: cây chặt rồi thì gốc không đâm chồi nữa. Qua mùa hạn, cứ châm vài mũi lửa, vài năm sau là cày cấy được. Vì vậy, cây gừa rất hiếm, chỉ còn ở rừng



Nhân viên hạt Thủy Lâm
(Đi tuần bằng xuồng trong rạch nhỏ ở rừng cấm Năm Căn)

Thới Bình, Tân Bằng và rải rác vài nơi khác.

Tràm: - Cây tràm thịt xuôi và bở, lá nhỏ và dày, mọc suông đuột. Còn tươi, thịt hơi đỏ, khô thì thịt trắng. Trái tràm hình tròn, có chùm và nhỏ, giống trái tiêu, khi già rụng xuống thì mọc lên từng bụi rậm, chen chơn không lọt.

Rừng tràm dày đặc ở miệt U Minh, vì hạp với nước dớn, cây lớn và ngay thẳng dùng làm cột nhà, đòn tay và cừ, tràm còn dùng làm hàng rào rất tốt. Cây tràm thật to thì để làm xuồng. Hiện nay, tại xóm Cái Rắn, còn thấy 5, 3 chiếc xuồng còn xài được và quí báu như là món đồ cổ vậy: họ đã dày công móc thân ra, bào cho láng trong và ngoài, rồi un lửa cho cây nóng đặng mở rộng 2 be xuồng ra. Sau rốt, gắn 4, 5 cái cong, rồi lót vỉ ở trên mà ngồi đặng bơi.

Thứ xuồng này rất tiện, vì khỏi trét chai vò như xuồng ba lá, không hề chảy nước.

Cây tràm to lớn mà cong queo thì đốn về bửa củi hoặc cung cấp cho tàu lửa chụm nồi sốt de.

Trước năm 1945, sở Kiểm Lâm cho hãng Mezin ở Cần Thơ đấu thầu rừng tràm làng Thới Bình, và mỗi tháng vài kỳ, tàu dòng đôi ba chục chiếc ghe chài lớn đầy khẩm củi đòn (của 1 thước, 5 tấc) về Cần Thơ.

Vì vậy, trong các rừng tràm hiện nay, khó mà kiếm cho được 1 cây tràm to đặng làm cột nhà.

Đước: - Chỉ có một loại thân cây mọc ngay trên nền



Rừng cấm Cái Ngay trên máy bay trực thăng chụp xuống.

trời, có thể cao đến 20 thước, rễ cái thì cứng, rễ con (rễ bất định) tròn cỡ ngón tay cái, mọc từ gốc trở lên lối 1 thước, chĩa ngay ra hoặc theo hình vòng cung, hoặc theo hình cây nạng để đi (béquille). Dọc theo mé biển và sông rạch, rễ con nhô ra mé nước, thường có một loại hàu nhỏ con, cỡ đầu ngón tay út, đóng từ chùm, gọi là "Hàu chón". Rừng cấm được chia ra từ "lô" lớn, nhất là ở Xóm Thủ, Năm Căn, Nhưng Miên, và Ông Trang: Mỗi năm, sở Thủy Lâm cho đấu từ "lô" đặng chủ lò khai thác, cưa ra thành củi đòn đem bán thứ xấu, còn thứ tốt thì hầm than.

Than đước tốt nhất, vì sức nóng nhiều và không lên khói. Cây đước còn dùng làm cột nhà, đóng bàn ghế, mấy



Cây đước và rễ bất định (mọc trên thân cây).

gốc to cưa ra lối 15 phân rồi chẻ mỏng để làm răng cối xay lúa. Vỏ đước lột ra phơi khô làm củi chụm cũng tốt.

Trái đước rụng xuống đất, mọc lên chừng 20 hay 25 năm sau thì đốn làm củi hầm than được.

Vẹt: - Cây vẹt cũng mọc theo các rừng cấm vùng nước mặn và ngập quanh năm, thịt cây bở màu vàng vàng, rễ mọc trọn dưới đất, chớ không đưa ra trên mặt đất như cây đước. Có 2 loại: vẹt tách và vẹt dù.

Vẹt tách mọc thẳng, còn vẹt dù thì nhánh tủa ra như cây dù giương lên. Trái vẹt rụng xuống cũng mọc lên từ đám rậm rạp, nhiều khi chen chơn không lọt.

Cây vẹt ít khi dùng làm cột nhà, vì mau mục, chỉ để

hầm than hoăc cưa thành củi dòn, dài 5 tấc và 1 thước cung cấp cho các vựa, rồi bán lại cho tàu đò chụm lửa. Khi củi đước hút, chủ lò đôi khi dùng vẹt hầm than, nhưng than vẹt không bằng than đước, vì sức nóng ít và xông nhiều khói.

Su: - Đây là một loại gỗ quí nhất trong rừng cấm tỉnh An Xuyên. Có thể gọi là danh mộc: thịt chắc, có vân như cẩm lai, màu đỏ như gõ đỏ và cây bên, chỉ gặp trong rừng Xóm Thủ và Năm Căn, nhưng phải đi vô thật sâu.

Ở Xóm Lớn, Hàng Vịnh và Xóm Thủ, có nhiều nhà cột bằng cây su lên nước láng bóng, xài đến 4, 5 chục năm rồi mà vẫn còn tốt, không bị mọt và bò xè ăn. Cây su cũng dùng để đóng bàn ghế đẹp mắt và đắt tiền.

Mấm: - Loại cây tạp nầy thường mọc theo mé sông rạch Gốc và Rẫy Chệc. Hễ ở đâu có rừng mấm là có ba khía ngon và ốc len béo vì trái mấm chín rụng xuống là món ăn ngon của hai loại trên.

Có 2 loại mấm: mấm đen và mấm trắng.

Mấm đen cao, có khi trên 10 th và tàn lớn. Còn mấm trắng thì thấp, 6, 7 thước là cùng. Hai loại mấm đều chỉ dùng làm củi chụm, nhất là đốt lò than hầm đước và vẹt. Để ngoài trời, lối 6 tháng, gặp sương nắng, củi mấm đóng mốc meo, thúi vỏ và mau mục. Cây mấm rất hữu ích cho ven biển và bờ sông, vì rễ nhiều ăn sâu xuống hoặc nhô ra ngoài mé nước. Nhờ đó, đất bùn bám vào, làm mé biển được chắc thêm, và nếu có lở thì cũng chút ít.

Cây dà: - Dà mọc từng đám dày đặc ở rừng cấm Xóm Thủ mà thôi. Cây suông đuộc, lớn cỡ cườm tay, nhiều lắm là bằng bắp chân, cao lối 6, 7 th. Có hai loại: dà quánh và dà vôi, dà quánh chắc thịt, dà vôi thì bở.

Vỏ dầy và thịt cây dà màu đỏ đậm. Mỗi năm, đến mùa gió thuận, nhiều đoàn ghe bầu ở miền Trung và "ghe mũi nhọn" ở Trà Vinh đến Xóm Sài Gònn cây dà, lột vỏ đem về nhuộm quần áo hoặc buồm bằng vải. Tại Chợ Lớn, người ta thuộc da bò cũng bằng vỏ dà ngâm lâu ngày cho ra chất "tan nanh" (tanin).

Cây dà lột vỏ rồi gọi là "dà xương", (vì lột da hết còn lại thân cây) cưa ra làm củi chụm rất tốt, không thua củi đước, giống như thứ củi màu đỏ mà mấy tiệm tạp hóa tại Đô thành bán từng bó nhỏ.

Cóc: - Loại cây nầy rất hiếm, cũng mọc trong rừng sâu vỏ giống vỏ cây mấm. Thân cây thường bằng bắp tay mà thôi, bề cao lối 5, 6 th. và ít khi được ngay như dà và tràm.

Cây cóc bền bỉ nhất, dai không hề gãy; người ta tìm những cây có chảng ba phía trên ngọn đem về làm sào cắm ghe, không hề bị con hà ăn. Cây cóc cắm dưới bùn, hoặc ngâm dưới nước lối 10 năm, không hề hấn gì: vì vậy, ở miệt Cà Mau, khi cất nhà vách tường cột gạch, người ta thường đặt cho thợ rừng đốn cây cóc đặng làm cừ, bán đắt tiền.

Kè: - Cây kè giống như cây dừa, hay nói đúng hơn là

giống như cây thốt nốt, mọc lẻ loi trong rừng sâu, chỉ thấy ở miệt Tân Bằng, Trèm Trẹm, Nổng Kè và Rạch Giếng. Thịt cây chắc, vỏ dày và cứng, bào láng dùng làm cột nhà.

Lúc chữ nho còn thạnh hành, mấy nhà giàu ở Cà Mau thường đặt cho thợ rừng lựa đốn những cây kè già tuổi, ngay thẳng cưa hai theo chiều dài, móc ruột ra, bàu bề mặt cho láng, rồi khắc vào hai câu liễn chữ Nho, mỗi chữ bằng bàn tay xòe, thếp vàng nước láng bóng, treo ốp vào cột tròn, gọi là liễn kè.

Liễn kè rất quí giá, nay đã trở thành đồ cổ. Trong nhiều nhà giàu ở Cái Ngan, Cái Nhúc, Trèm Trẹm và Cái Tàu, còn treo nhiều đôi liễn kè lên nước, đã trên 6, 7 chục năm rồi.

Nhum: - Nếu cây kè giống như cây thốt nốt, thì cây nhum hình dáng hệt cây cau, nhưng tương đối thấp hơn. Trái có quày như cau ớt (cau trái nhỏ) hoặc trái đủng đỉnh. Thợ rừng khi gặp cây nhum trong rừng sâu thì đốn cây xuống, chặt lấy đọt đem về nấu canh, hoặc xào với tôm thịt, ăn ngọt và ngon hơn đọt cau nhiều, không hề say.

Vông: - Loại vông rừng nầy không có bông đỏ như vông nhà, mọc nhiều tại rừng Thới Bình và Tân Bằng. Vỏ có gai nhọn, thịt cây màu vàng và xốp. Người ta đốn và cưa ra từng khúc, trên hai tấc, đem về làm guốc gọi là "guốc vông" nhẹ nhàng và lâu mòn.

Mốp: - Ở hai nơi Thới Bình, Tân Bằng mới có cây mốp thịt xốp và màu ngà ngà, cưa ra thành miếng mỏng,

phơi khô bán về Chợ Lớn đặng làm nón "cát", còn cây vụn thì làm nút ve.

GIA SÚC

Nhà nông tỉnh An Xuyên nuôi trâu để cày ruộng, và muốn có giống tốt, họ lên tận miệt Châu Đốc, Tịnh Biên và nhất là Tà Keo mua và chở đem về.

Trâu dễ nuôi, cần rơm cỏ nhiều đặng ăn cho no đủ và nước ngọt uống phủ phê. Muốn tránh muỗi và mòng cắn, ban ngày người ta thường cho vùi bùn gọi là "nằm hầm" và ban đêm cho ngủ trong chuồng chung quanh có bao mùng vải thưa, hoặc un khói thật nhiều cho muỗi tản đi.

Khi mùa màng xong xuôi, nếu trong vùng không đủ cỏ, người ta phải "đánh trâu đi cầm" nghĩa là đem đi đến chỗ đồng nào có cỏ nhiều, cầm tại đó vài tháng cho nó nghỉ ngơi và ăn cỏ tươi phục sức lại, hầu khi mưa xuống, trở về lo việc cày cấy vào mùa tới.

Tại vài nơi ruộng gò, người nông phu nuôi bò để thay thế trâu, thứ bò làm ruộng lớn con gần bằng hai bò thịt, không hạp đất sâu, ngập nước nhiều, nhưng cày đất gò lẹ làng hơn trâu không nằm hầm, ít khi ngủ mùng và ít khi mắc bệnh dịch.

Còn *heo* thì trong thôn quê, nhà nào cũng nuôi ít con, để làm thịt bán trong xóm, hoặc cúng giỗ, hoặc bán cho hàng thịt.

Heo dễ nuôi, không cần làm chuồng nhốt, người ta cứ

thả lan ngày đêm ngoài sân hay ngoài vườn, hoặc cột vào gốc cây, cho nó ăn nước cơm thừa cá cặn, hèm, hoặc tấm cám trộn với chuối cây xắt mỏng bỏ vào cối mà quết nhỏ.

Trong tỉnh không có nuôi dê, thỏ, trừu và ngựa, vì lẽ phong thổ không hạp. Bởi vậy nếu có ghe chở một con trừu hay một con ngựa đậu tại chợ Cà Mau, đó là một chuyện lạ mắt, làm cho nhiều người hiếu kỳ bu lại đen nghẹt mà xem. Đâu đâu cũng có nuôi gà để ăn thịt và trứng, nhiều thì đem ra chợ bán.

Lúc trước tại vàm Kinh Xáng Đội Cường, một người du học bên Pháp về nuôi vài thứ gà ngoại quốc như: Đờ Gọt, Úc Châu, Hòa Lan, nhưng không kết quả tốt. Ông cũng làm lồng đặc biệt cho gà đẻ và ấp trứng, cũng có đủ dụng cụ riêng đặng xay hột và nghiền xương ra nhỏ cho gà ăn. Nhưng có lẽ tại phong thổ không hạp, thành thử, gà mái tuy lớn con hơn gà ta và gà Tàu, mà không đẻ sai theo sự mong ước, lại thường bị toi chết cả bầy, nhất là lúc giao mùa.

Ngỗng và *bồ câu* thì có chút đỉnh, còn vịt thì rất nhiều: khắp nơi thường gặp bầy nầy đến bầy nọ: vịt rằn, vịt vá, vịt sen (trắng) vịt chàng bè (vịt trống, lớn con đầu có mọc lông xanh mướt) tất cả đều là vịt ta, to con, đẻ sai, dễ nuôi, khỏi cho ăn cũng được: vịt thường thả rều theo mé sông rạch, đăng mò tòm cá, hoặc xuống trọn bầy dưới ao vũng ăn bèo, ăn rong và con ruốc. Sau nầy, nhiều người nuôi "vịt Huế" nhỏ con hơn vịt ta, cũng dễ nuôi và đẻ sai, nhất

là khi cho nó ăn lúa kẹ nhưng thịt dai và không thơm bằng vịt ta.

THÚ VẬT RỪNG

Cách đây lối 60 năm, Cà Mau nổi tiếng là nhiều cọp, to con và dữ tợn, vì lúc đó chung quanh toàn là rừng rậm, heo rừng cả bầy là mồi ngon của nó. Ban đêm, cọp "Cà um" nghe vang rừng. Khi kiếm mồi không được, lại lén lút vào nhà bắt heo hoặc chụp người ta. Vì vậy, không ai dám kêu đích danh là cọp, mà là "Ông Thầy, ông Hổ" "hia Khại" hoặc "Hương quản".

Hiện nay, gần Xóm Thủ, còn một nơi gọi là Rạch Ông Thầy, xưa kia có tiếng là cọp lềnh khênh như chó.

Lúc sau nầy, cách tỉnh lỵ chừng 40cây số không còn cọp nữa, vì ruộng đất cò bay thẳng cánh đã thay thế rừng rậm hoang vu.

Nhưng tại vài vùng xa xôi, nhất là ở rừng cấm Xóm Thủ, Cái Ngay, Cái Bát và Thới Bình, thỉnh thoảng còn gặp vài cặp, vì đói khát, thường ra mé sông để uống nước, móc hang cua và rung cây cho khỉ sợ té xuống đất, nhưng nghe thợ rừng nạt lớn lên vài tiếng là cong đuôi chạy mất.

Heo rừng còn nhiều lắm, nhất là ở Xóm Thủ, Cái Ngay và Cái Tàu. Thợ săn thường dùng chó đi săn ở hai nơi nầy. Riêng ở Cái Tàu, người ta rập bẫy hoặc đào hầm sâu, trên có xếp sậy và cỏ khô, nhiều khi heo nái và heo con lọt trụm xuống cả bầy. Đôi khi còn đánh bẫy được heo

rừng đực chiếc nanh dài và nhọn, da dầy gần một phân tây mình mẩy u nần gọi là có "vú chì". Thứ heo nầy dữ tợn lắm, vì nó cầm bầy và dám cự với chúa sơn lâm. Ban đêm, không thể đội đèn bắn nó, vì cặp mắt không phản chiếu màu xanh như nai.

Nai chỉ còn nhiều tại Cái Tàu mà thôi và người ta cũng bắt nó như hai cách kể trên. Mỗi tuần lễ, đều có thịt nai ở Cái Tàu đem ra bán tại chợ Cà Mau.

Trong rừng chồi tỉnh An Xuyên, có loại chồn lớn con, gọi là *"chồn cáo cọc"* lớn cỡ chó *"bẹt rê"* và dữ tợn.

Tại rừng cấm Xóm Thủ, và chỉ nơi đây mà thôi, còn loại *chồn mướp*, nhỏ con và giống hệt như mèo, thường ở trên cây, dưới nách có hạch chứa xạ hương, xông ra mùi thơm như trái mướp, thịt ăn tuyệt vời và có thể nuôi dạn như khỉ.

Ở Xóm Thủ và Đầm Chim, còn một loài thú thịt ngon đặc biệt: ấy là *kỳ đà*, giống như sấu con, tiếng Pháp gọi là "iguane" da màu vàng, có đốm đen nhỏ, lớn lắm là ba "tay"(1) chân có móng dài và rất bén, lưỡi màu đen, le ra thụt vô liền liền. Nó không táp như sấu mà hay quào và thường ở bộng cây.

Khi bị chó rượt nà, nhảy xuống nước trốn, hoặc leo lên cây, chun trong bộng.

Muốn ăn thịt kỳ đà, phải "làm lông" nghĩa là cắt cổ

(1) **một tay:** là hai gang nối liền lại đăng đo bề hoành lối (0,40m)

đem trụng nước sôi cạo cho tróc vảy giả chứ không lột da. Thịt thì luộc xé phay trộn với củ hành và rau răm, đồ lòng thì xào. Người hay nhậu thì ưa thịt khìa, hoặc kẹp với lá chanh mà nướng và chấm nước thấm. Còn trứng kỳ đà nướng chín (chứ không luộc như các loại trứng khác) thật béo, thơm và ngon không trứng nào bì kịp.

Ở tại Xóm Trại, trên đường thủy qua Bộng Kéc còn nhiều bầy *rái* lặn hụp bắt cá. Thịt nó hôi tanh không ăn được. Nếu gài bẫy cò ke hoặc dùng làm chài vãi ngay chỗ nó vừa lặn xuống nước mà bắt được, thì chỉ lột da đem bán.

Ở trong đớn Rạch Giếng và rừng xã Khánh Bình Đông, có con trúc thịt đỏ, ăn ngon và bổ, da và vảy trúc lột phơi khô bán cho mấy tiệm thuốc Bắc.

Cũng ở miệt nầy, thợ rừng đi bắt trăn đem về ăn thịt, lột da phơi khô bán cho mấy tiệm trữ da trăn tại Cà Mau. Thịt ăn không được ngon, thường là xáo với bạc hà. Nếu nấu lúc ban đêm, thịt nó tỏa ra ánh sáng xanh ngời dòm trong chảo như thấy con dời bò lút nhút vậy. Bao tử trăn chứa đựng không biết bao nhiêu con bạch thốn trừng (tiếng Pháp gọi là ténia) vì nó nuốc ròng thịt sống.

Dưới sông rạch lớn và sâu, có loại sấu, nhiều khi lớn đến 5 tay, nhất là tại sông Đầm Dơi, Đầm Chim và rạch Dày Chảo. Tại vàm rạch nầy, trong năm 1940, có câu được con sấu khổng lồ (đã nuốt trộng một chị đang rửa chén tại mé rạch).

(Xin xem bài tường thuật trong một bài bổ túc ở chương III).

Còn ở vùng rừng cấm thuộc các xã Tân Ân, Năm Căn, Viên An, nhất là nơi mọc nhiều cây bần sẻ [1] có hai loại tứ thủ (bốn tay): ấy là khỉ và lọ nồi, đáng đề cập đến cũng như cọp, khi lập bảng kê khai thú vật rừng tỉnh An Xuyên.

(sẽ nói đến ở phần sau)

Trong rừng rậm, còn nhiều thứ rắn độc như: hổ mây, lớn con, đo đến ba tay, thường ẩn trốn trên dớn miệt xã Khánh Bình và dưới nước các rạch sình lầy.

Hổ đất, thịt ăn ngon và bổ, khi xé phay và nấu cháo, với đậu xanh. Hai loại nầy khi cắn thì nọc chạy lẹ vào mạch máu hễ sôi đờm thì vô phương cứu.

Hổ lông, thịt độc, không nên ăn.

Hổ ngựa, chạy rất mau, lướt trên ngọn cỏ người đi rừng phải le chơn trèo lên cây cao, khi bị rượt theo.

Hổ lửa, rắn trung, có hai đầu, *rắn lục* màu xanh bò lẹ làng trên cây, *rắn nẹp nia* mình dẹp và cứng, phải dùng thanh sắt đập mới được: 4 loại nầy cũng có nọc độc không vừa - *Rắn hổ đước* (cobra) nọc độc, đôi khi gặp ở rừng cấm Năm Căn.

Rắn hổ hành, bò tới đâu thì hôi hành tới đó, không

(1) **Bần sẻ:** bần rừng, trái giống bần nhà gọi là bần ổi

cắn người, ban đêm mới ra khỏi hang kiếm chuột ăn.

Còn có *rắn nước, rắn ri cá*, không nọc độc, thường ở theo nò và đìa bắt cá nhỏ ăn.

Gần mấy trại đáy, trên bãi bùn con, *đẽn* là loại rắn nhỏ, cụt đòn, ăn còng, ếch nhái và cá thòi lòi.

Lại còn con *lươn* mình vàng, nhiều nhứt ở vùng nước ngọt: Rạch Muỗi, Cái Rắn, Rau Dừa, Ông Tự và Phú Mỹ. Bắt lươn bằng cách đặt ống trúm buổi chiều dưới nước trong mấy lung sình, rồi sáng ra lại đổ ống. Thịt lươn đem um ăn rất ngon, nhưng người ta nói rằng nó quến phong nhiều.

Nên nhắc nhở câu ca dao sau đây thường nghe ở cửa miệng người Cà Mau:

"Hổ lông, xiêm lai, trích cồ,

Cua đinh, bò hóng, ăn vô cùi liền"

CHIM CHÓC

Trong tỉnh An Xuyên có nhiều loại chim, phần nhiều nhỏ con, ở tùy theo vùng và gặp tùy theo mùa.

Chim lớn là *già đãy* mà ở miệt Cà Mau người ta còn gọi là *lông ô*, vì lông đen, hoặc *già sói* vì sói đầu, hoặc *chó đồng* vì chạy ngoài đồng lẹ như chó. Chim nầy bề cao đến 6, 7 tấc, sống từ cặp, ở miệt đồng khô cỏ cháy, miệt Rạch Giếng và Rạch Giồng, sinh sống bằng các loại rắn và chuột, khó gài bẫy và ít khi dùng súng bắn được, vì nó ở theo

trảng trống, không thể lại gần. Muốn nuôi nó chỉ có cách bắt chim ra ràng ở sân chim tận trên đớn Rạch Giếng đem về.

Kế đến là *bồ nông, chàng bè,* hai thứ đồng một loại nhưng bồ nông lớn con hơn, lông cánh màu hường và đẹp, thường ở nơi ruộng ngập nước nhiều.

Nhan sen, dẫy ốc, cò ngà (còn gọi là cò lông bông) quắm đen, quắm trắng, diệc mốc, diệc lửa, điên điển, cồng cộc, khoan cổ, le le, vịt nước, bồng bồng, cò xanh, cò đĩa, cò trâu, cò rán, gà nước (còn gọi là cúm núm) *trích, quốc, cu rầm rì, cu xanh, cu ngói, cót cồ, cót rằn, mỏ nhát, ốc cao...*

Ở rừng Rạch Giếng và tại Hòn Khoai, lại có loại chim cao cát, giống cồng cộc lông đen, nhưng nhỏ, màu vàng phía trên có chấp thêm cái mỏ thứ nhì, người địa phương thường gọi là: "chim linh" tiếng kêu nghe chát chúa.

Rải rác khắp nơi, có *quạ, ó, kéc, manh manh, dũ, sáo sành, sáo trâu, sáo sậu, và trau trẩu.*

Đặc biệt ở miệt Rạch Gốc, có loại *chim rằn,* nhỏ hơn chim lắc nước một tí, hay đậu từ bầy trên bãi bùn lối đôi ba ngàn con. Nếu bắn một phát súng với đạn tấm, ít lắm là lượm cả trăm con.

Nói đến chim nhỏ con, thì không nên quên chim *dồng dộc,* làm ổ rất khéo treo toòng teng ngoài chót bẹ mấy cây chà là, lấy ổ nó đem về dùng chùi soong chảo rất tốt, và

chim *lá rụng* là thứ chim phá lúa một cách tàn nhẫn: ở miệt sông Gành Hào, khi lúa vừa đỏ đuôi, nhiều bầy chim bay đen trời, hằng hà sa số đếm ước lượng không được, ở trên cao đáp xuống ăn lúa: miếng ruộng nào vô phước gặp chim lá rụng, thì chỉ trong vài giờ đồng hồ là tiêu hao đến vài ba công lúa hột.

Lại còn thứ chim nhỏ cỡ chim sâu, con mái thì lông màu vàng: ấy là chim *manh manh* (ở Sài Gòn gọi là chim khoen vì con mắt có khoen) mà người ta rập lưới bắt (có cột chim mồi) thường thấy cả lồng trong mấy tiệm bán chim ở Chợ Cũ Sài Gòn.

Trong mấy chục loài chim kể trên, chỉ vỏn vẹn có 3 thứ thịt ăn ngon, vì mềm và thơm: ấy là *mo nhát*, *cu xanh* và *vịt nước*.



Bài bổ túc
SÔNG ÔNG ĐỐC

Nguồn sông Ông Đốc, trước kia gọi là Khoa Giang, bắt đầu từ ngã ba sông Trèm Trẹm và kinh xáng Trèm Trẹm, thuộc xã Thới Bình, nước đổ ra vịnh Thái Lan, vàm sông không được mấy rộng, nhưng khá sâu.

Hai bên hữu và tả ngạn con sông nầy có nhiều rạch: Cái Tàu, Rạch Giếng, Rạch Cui, Rạch Ráng, nhiều xóm: Xóm Sở, Cán Dù, Nổng Kè, Ông Tự, Rạch Vọp và Tham Trơi, ruộng đất phì nhiêu bao quanh.

Nước ròng, dòng sông chảy mạnh, đến nước lớn, thì lờ đờ.

Nhiều người không biết Ông Đốc đây là Đốc Học hay là Đô Đốc, và Ông Đốc ấy mang tên gì?

Ông Tri phủ Trần Văn Từ đã thuật lại như sau:

"Khi Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn rượt theo, thì Ngài cùng đoàn hộ giá và cung quyến chạy trốn vào xóm Cái Tàu, thuộc xã Khánh An. Vài tháng sau, Ngài theo con sông nầy định chạy ra hòn Thổ Châu (Poulo-Panjang) nằm trong vịnh Thái Lan, đăng sang Xiêm xin viện trợ. Khi

đoàn thuyền ròng đi khỏi vàm Rạch Cui một quãng, thì bị Tây Sơn đuổi nà theo.

"Ông Đô Đốc thủy binh Nguyễn Văn Vàng (ăn theo họ nhà vua) bèn tâu với Nguyễn Vương xin ngài cởi hoàng bào ra, cho ông mặc, đặng ở lại sau cản trở quân giặc. Nhờ đó, đức vua vào bờ trốn trên rừng Khánh Bình, bình an vô sự. Còn ông Đô Đốc Vàng thì bị Tây Sơn giết, thây chìm lỉm xuống sông sâu. Quân Tây Sơn, trong lúc nhá nhem tối, tưởng rằng Nguyễn Vương đã chết, nên không truy nã nữa! Các quan đi theo hộ tống Ngài cũng bị tử thương rất nhiều.

Muốn làm lạc hướng địch quân, Nguyễn Vương bèn đổi lộ trình, trở lại rạch Ông Tự, thuộc xã Phong Lạc, rồi từ đó qua đừng binh tại ngọn rạch Cái Rắn, thuộc xã Tân Hưng, là nơi còn một nền trại lính và một cái ao lịch sử.

Đến năm 1802, khi Nguyễn Ánh tức vị. Ngài có chỉ về Cà Mau lập miếu thờ các vị công thần, lúc Ngài tẩu quốc. Hiện nay miếu nầy còn tại tỉnh lỵ, ở đầu kinh xáng lên Ô-RÔ, trước kia gọi là "Âm Dương Thần" nay kêu là Miếu Gia Long.

Hồi đầu năm 1943, do lời đề nghị của ông Trương Hòa Thành, Thanh tra Tiểu học Bạc Liêu, một ngôi trường lập ra tại vàm Ông Đốc và mang tên "Trường Đốc Vàng" tên nầy do tác giả đề nghị với vị Tỉnh trưởng Bạc Liêu là Ô. Mialin.

Ngày lễ khánh thành trường nầy, quận trưởng Cà Mau

là ông Melin đến chủ tọa, và có mặt trong buổi lễ quận trưởng Cái Nước Ô. Lương Khắc Nhạc, hai ông Thanh tra Tiểu học và sơ cấp, quí vị hương chức ban hội tề làng Khánh Bình và rất đông phụ huynh học sinh. Chỉ trong buổi sớm mai đã có đến 83 trẻ em ghi tên nhập học.

Đến năm 1962, trường sơ cấp Đốc Vàng trở thành trường Tiểu học bổ túc, có đến 2 lớp nhất, vì quận lỵ đã dời về tại vàm sông Ông Đốc như trước kia.

oOo

SÔNG BẢY HÁP

Không biết bao nhiêu danh từ đặc hữu của sông rạch và xóm ấp trong tỉnh An Xuyên đã ghi sai trong địa đồ và gọi thành tục, nếu sửa lại cho đúng, thì nghe lạ tai.

Đúng là *bảy* chớ không phải là bãi, vì người địa phương căn cứ vào một cái bãi tại vàm sông nầy, nên gọi là Bãi Háp.

Còn "háp" là gì? (nhiều bản đồ ghi là Hạp)

- Là một danh từ về trọng lượng.

Người Việt Nam ta cũng có cách đếm thập phân vậy (numération décimale). phân, chỉ, lượng, cân, yến, tạ, đàm, háp (16 lượng vô một cân) và tạ, từ 60 ký trở lên tùy theo món: lúa, gạo, than, tôm khô, cá, mắm, heo v.v...).

Như vậy 10 tạ vô một đàm, và 10 đàm vô một háp.

thành thử 7 háp là 70 đàm, lối: 700 tạ hay 42.000 kí.

Con sông này khá rộng lớn, nhưng nước chảy lờ đờ và có nhiều rạch nhỏ đổ ra khi nước ròng, tôm càng và tép bạc theo dòng nước ra sông cái và lọt gần trọn vào trong "đụt"[1] đáy đóng dọc theo mé.

Năm xưa, gia đình ông lão nọ chuyên nghề hạ bạc: nước lớn thì mấy người con trai và dâu ông đi chài, giăng câu ống, trễ cá tép, đặt vó cua, nước ròng thì bỏ đáy xuống:

"Chồng chài, vợ lưới, con câu,
Chàng rể đi xúc, con dâu đi mò"



Đụt: một cái giỏ dài lối 8 tấc tây cột vào phía chót của đáy (lưới) để cho tôm cua và cá khi chun vô miệng đáy lần theo lưới và mắc kẹt.

Ông chỉ có hai miệng đáy, đóng tại xóm Giá Ngựa, nơi mà quận Đầm Dơi đã dời về từ năm 1967.

Trong một mùa (10 tháng) ngoại trừ cá và tôm tép tươi bán cho bạn hàng đến cân đem ra chợ Cà Mau, các con dâu ông luộc phần tép bạc còn lại và phơi (hoặc sấy) làm tôm khô. Năm ấy, hai miệng đáy của ông trúng đến đỗi tôm khô cân được là 7 háp, nghĩa là 42.000 ký, một trọng lượng kỷ lục xưa nay chưa ai phá được.

Vào thời kỳ ấy (lối năm 1909) người nào có trong nhà lối 5, 7 trăm đồng bạc gọi là khá giả rồi. Nếu một kí tôm khô lúc đó bán ra 5 xu, thì ông thâu được số tiền là:

0 đồng 05 x 42.000 = 2.100 đồng

Một số bạc to lối 60 năm về trước.

Còn nếu tính theo giá thị trường hiện nay (1972) tại chợ Cà Mau là 1.000 đồng một kí, thì số tiền thật khổng lồ:

1.000 đồng x 42.000 = 42.000.000 đồng

(bốn mươi hai triệu)

oOo

SÔNG CỬA LỚN

Phát nguyên tại ngã ba Tam Giang, sông Cửa Lớn có đặc điểm là nước lớn, thì chảy ngang qua quận Năm Căn,

rồi đổ luôn ra biển, kế bên vàm rạch ông Trang, chứ không chảy từ ngoài biển vô, theo như thế thường các sông rạch, vì giọt nước của sông Bồ Đề (bên Nam Hải) chảy vô sông Cửa Lớn rất mạnh, làm cho nước bị tống luôn ra tới mũi ông Trang, nơi đây rất cạn, thường là vài thước bề sâu, nhưng có lòng lạch chừng 4, 5 thước, mà ghe lưới cá lần theo đặng vô ra tại cửa.

Vì vậy, bãi Cửa Lớn, xưa kia rộng mênh mông, bề dài gần 20 c.s nay bị bồi lấp hết lối phân nửa chỉ còn bề ngang chừng 10 c.s còn từ mũi Bà Quang đến mũi Cà Mau, chỉ còn chừng 5 cây số mà thôi:



Quận Năm Căn (chụp ở giữa sông Cửa Lớn)
(Ghe đi trễ cá trở về)

Người ta tiên đoán rằng, trong thời gian lối 60 năm nữa, thì bãi Cửa Lớn sẽ bị đất phù sa bồi lấp trọn ven, theo đà người ta đã nhận thấy.

Sông Cửa Lớn chảy ngang qua các xóm đông dân cư: Xóm Lớn, Hàng Vịnh và Năm Căn bên hữu ngạn, Ông Định, Bà Thanh, Tắt Biển, Nhưng Miên và Ông Trang bên tả ngạn.

Bề ngang từ ngã ba Tam Giang đến vàm rạch Cái Ngay, lối 250 th, rồi từ đây kể đi nới rộng thêm lên chừng 400 th tại vàm Ông Trang và trên 300 th, tại mũi Ông Trang.

Hai bên mé sông, trừ mấy xóm kể trên, người ta thấy là rừng cấm vẹt tách phía hữu ngạn, và đước bên tả ngạn. Hai loại cây này do trái rụng xuống nước trôi tấp vào bãi bùn, mọc lên có tầng xanh um coi đẹp mắt, nhất là từ Tắt Biển đến Ông Trang.

Trong lùm rậm rạp, có nhiều bầy khỉ và lọ nồi khọt khẹt và rền rĩ, nhất là vào sáng sớm và chạng vạng.

Dòng nước, lớn cũng như ròng, chảy cuồn cuộn, nên các ghe chở củi từ rừng cấm về lò than và ghe thương hồ phải đợi nước xuôi mới nhổ sào được. Thậm chí, tàu đò chỉ ì ịch lối 5, 6 c.s mỗi giờ khi gặp nước ngược.

Con sông nầy cho nhiều hải sản ngon: tôm lụi (tôm xâu) tại Xóm Lớn và Hàng Vịnh, cá dứa (tại mấy quán nhậu tại Tân Thuận (Nhà Bè) có loại "cá bông lau" giống hệt cá dứa) ngon và béo và bống mú tại Năm Căn, sò

huyết và mực tươi tại Ông Trang.

SÔNG ĐỒNG CÙNG

Đây cũng là một địa danh cần đính chánh lại nữa!

Đúng ra là "đầm" (lagune) chớ không phải đồng: một cái đầm không có lối ra dài trên 10 cây số bắt từ mé vịnh Thái Lan tới ngã Ba Đình, xã Phú Mỹ; chỗ nhỏ đầm này ít lắm cũng 150 th. bề ngang, chỗ lớn nhất ước 1cây số.

Khi nước lớn chỗ nào sâu lắm là 3. 4 thước qua nước ròng, muốn xê dịch dùng xuồng ba lá hoặc ghe lườn nhỏ mới được.

Nước trong veo, nhưng mặn quanh năm; nhờ vậy nhiều loại cá vởn vơ thấy rõ ràng: cá chẻm, cá đối, cá buôi và tôm xì buối; nơi đây, kéo lưới được nhiều cá tôm.

Phía trong cách mé đầm lối 100 thước, có ruộng rẫy chút đỉnh nhưng ít khi trúng mùa, vì nước mặn thấm vào, mặc dầu có đắp nhiều bờ bao ngạn.

Nhờ con kinh gọi là kinh xáng Bà Kẹo nên đầm ăn thông qua xóm Bà Kẹo, gần bên tả ngạn sông Ông Đốc cách vàm chừng 8 cây số.

SÔNG BỒ ĐỀ

Sông Bồ Đề bắt nguồn tại ngã ba Tam Giang, bên hữu ngạn sông Cửa Lớn, chảy ra biển Nam Hải. Bề dài lối 8

cây số nhưng bề ngang thật rộng lối 400 th. nước chảy rất mạnh lớn cũng như ròng

Tại ngã ba nầy, nước luôn luôn xoáy tròn lại tạo thành nhiều lỗ trũng sâu nên ghe chở củi khẳm thường bị đắm.

Nằm bên hữu ngạn con sông nầy, là xóm nhà đông đảo cách vàm chừng 3 cây số có trên 200 nóc gia. Dân cư chuyên nghề chài lưới và đốn củi như tại vùng Năm Căn. Cuộc sống dễ dàng không thấy nhà tranh vách nát đáng lập thành một quận, sung túc trong tỉnh An Xuyên, ấy là Xóm Thủ, thuộc xã Tân An.

Phía bên tả ngạn, hai con rạch nhỏ ăn thông với nhau:

1/ Rạch Cái Nước, trên 6cây số là nơi dừa nước mọc dày đặc nhiều cho đến đỗi, đến tháng 11 â.l. là lúc mà quày dừa có trái ăn được, nếu mang dép da hay giày bố, ta có thể bước từ quày nầy sang quầy kia không chấm chơn xuống đất.

Sau Tết, trái già trở nên cứng gọi là có "mặt trăng" ăn không ngon, người nào ở Xóm Thủ có nuôi heo nhiều đều tới đây đốn nguyên quày về cạy lấy cơm cho heo ăn mau mập. Có người đốn một lần đôi ba trăm quày, chặt sống dừa nước cột lại thành một dây chuyền dài cả trăm thước đợi nước lớn lên thả trôi về xóm rất tiện.

2/ Tắt Ông Thầy, gần 5 cây số bề dài, phía Bắc đổ ra sông Đầm Chim, phía Nam ăn thông qua rạch Cái Nước, trước kia nổi tiếng cọp nhiều, đến nay thỉnh thoảng thơ

rừng còn gặp ít con. Hai bên mé rạch, trên cây vẹt và bần sẻ, có nhiều bầy lo nồi, còn muốn ăn thịt chồn mướp, thì ta cứ đem chó đến dày săn, hoặc dùng súng bắn thì chắc chắn là có.

Cũng ở bên tả ngạn, từ ngã ba Tam Giang đến Bực Lở, ngang Xóm Thủ, bực sông hẳm, vẹt đước nhô rễ ra mé nước rất nhiều, có con hàu chón (loại nhỏ con) đóng cục, chặt nguyên rễ đem về cạy lấy thịt ăn ngon và bổ.

Từ đây ra đến cửa, hai bên bờ toàn là vẹt đước nhưng phía bên hữu ngạn, xa vô trong, có nhiều chỗ cây dà mọc từng cụm, (cây dà lột vỏ đem về ngâm nước đặng nhuộm vải và thuộc da tại Chợ Lớn).

Tại cửa sông hiện ra một hàng cây khô mà ở xa ai ai cũng lầm tưởng là một cái rạo. Xưa kia, đó là cù lao nhỏ, lâu ngày chày tháng bị sóng đánh lì xuống, rồi nhiều cây vẹt, đước và dà tróc gốc trôi tấp vào, bám chặt nhau, chắc chắn đến đỗi hai tay nhổ lên không được.

Khi nước lớn, quang cảnh thật rộn rịp: từ ngoài cửa vô đến xóm, nhiều đoàn ghe đánh lưới ngoài khơi trương buồm chạy về, chở đầy cá to: xủ, chét, mè đương, đuối, đao, mập và nhiều loại cá nhám khác.

Còn từ Xóm Thủ đến ngã ba Tam Giang, thợ câu thả lưới giữa dòng sông, có khi lưới dài đến cả trăm thước, có phao bằng ống tre lớn, dài 1 th nổi lềnh bềnh.

Chúng ta có thể chứng kiến một cảnh lý thú, chỉ thấy

tại nơi đây và vàm rạch Ông Trang mà thôi: ấy là cá nược đua.

Nhiều cặp cá nược (còn gọi là cá heo, vì thân mình tròn trịa như con heo), trắng có, đen có, trồi lên hụp xuống từ chập. Loại cá nầy bắt cặp đua với nhau, và mỗi lần trồi lên mặt nước, đều xịt vòi nước trắng xóa, chẳng khác chi tàu lặn dưới biển trồi lên vậy.

Loại cá nầy không ai ăn thịt, vì hôi tanh khó chịu, rủi khi nó mắc lưới hoặc đáy, người ta liền gỡ ra vứt bỏ xuống sông. Nó thuộc về loại có vú.



Khúc sông lưới cá mè đường và cá nhám tại sông Bồ Đề (Xóm Thủ).

Một ông lão ở Xóm Thủ thuật lại cho chúng tôi nghe câu chuyện đã xảy ra làm thiệt mạng một anh thợ đánh lưới tại khúc sông nầy.

"Sau khi lưới được một con cá nược da trắng, anh thấy dạ dưới của nó giống như da thịt người con gái, hai cái vú to lớn và trắng trẻo rất khiêu gợi, anh ta không dằn được cơn dục vọng. Khi thỏa mãn thú tánh rồi, mình mẩy anh ta đều nổi mụt, mặt mày sưng vù lên, ngứa ngáy khó chịu phải bỏ mạng sau vài ngày rên la thảm thiết"

RẠCH LONG ẨN

Rạch Long Ẩn là chi nhánh của sông Bảy Háp, lối 7cây số bề dài 30 th bề ngang, ngọn ăn thông qua xóm Ông Tự, xã Phong Lạc do một con kinh đào tay.

Trừ vàm rạch vô chừng 200 th, thì đã có nhà cửa chạy dài vô tới ngọn rạch, xóm nầy có trên 300 nóc gia, gồm luôn mấy nhà cất rải rác theo nhiều mé rạch nhỏ, ăn thông ra đất ruộng ở phía sau vườn.

Trong thời loạn lạc, dọc theo mé rạch Cái Rắn, chỉ có vài chục cái nhà lá, cách nhau bởi một con rạch nhỏ. Hai bên mé rạch, dừa nước mọc bít khừ, như tại Rau Dừa lúc trước. Vì thế nhiều loại rắn xỏ xâu trên ngọn, cho nên rạch và xóm gọi là "Cái Rắn".

Nhiều ông già bà cả ở lâu đời tại xóm nầy cho biết rằng Cái Rắn còn mang một tên lịch sử là "Long Ẩn".

Thật vậy lúc Gia Long tẩu quốc, Ngài chạy vào rạch nầy nương náu một thời gian và ra lệnh đắp cái nền cao lớn cất trại khi dừng binh gần trong ngọn rạch, kế bên đình xóm Cái Rắn hiện nay.

Kế bên nền, Ngài cho đào một cái ao hình tròn bề kính lối 15 th gọi là "Ao Ngự" nước ngọt quanh năm như nước mưa.

Nền trại đã bị người địa phương đào lấy đất đắp nền nhà không còn cao ráo như trước nữa. Khi đào đất họ thường gặp : đạn súng đồng nặng đối ba kí, miểng chén xưa, dĩa rạn có men xanh và hình rồng năm móng thuộc đồ nội phủ cùng nhiều đũa ăn cơm và binh khí hư như cán gươm bằng ngà lâu năm trổ màu đỏ đậm như cây bên hay gõ đỏ.

Còn Ao Ngự thì cạn nhiều vì đồng bào hai ba năm mới chịu "xên" một lần.

Di tích vẫn còn sờ sờ đó nhiều bô lão và ông đồ nho hiện còn sống sót tại xóm Cái Rắn thường gọi đó là: Rạch và xóm Long Ẩn.

RẠCH CÁI TÀU

Rạch nầy ngọn trổ ra vịnh Thái Lan còn vàm thì nằm bên hữu ngạn sông Ông Đốc ngang xóm Nổng Kè. Khi trước, làng Khánh An tách ra thêm một làng nữa gọi là Khanh Lâm thì một phần ba rạch nầy thuộc về làng mới thành lập và lấy tên là rạch Tiểu Dừa.

Rạch Cái Tàu nước chảy lờ đờ, có ruộng nương chút ít, dọc theo mé rạch, tư nhơn trồng cây dừa nước mọc dày đặc đến nỗi che bít các nhà cửa cất ở trong xa: khi thấy một cái cầu dưới mé rạch là biết ngay có nhà phía trong.

Nhà nào cũng tạo vườn tược cây ăn trái đủ loại được sum sê có tiếng là trái dâu ngọt, trầu vàng tốt, sầu riêng bùi, quít đường và cam mật lớn trái nhất là tại vườn của ông Hội đồng Lâm Văn Lư.

Con rạch nầy có hai giai thoại mà ông già bà cả ở Cái Tàu và miệt Cà Mau thường nhắc nhở cho con cháu nghe đặng lưu lại hậu thế.

1/ Gần xóm Hàn Nhỏ, cách sông Ông Đốc lối 10 c.s, còn một nền mộ mà người địa phương gọi là: "Nền Công Chúa" trước kia là nơi chôn cất các nàng công chúa chạy theo Nguyễn Ánh lúc Ngài bị quân Tây Sơn rượt.

2/ Cuôc khởi nghĩa do hai anh em Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự vào lối năm 1882 có ông Hai Khoa và ông Hai Thầy Tu phụ lực. Sứ mạng qua Xiêm mua khí giới và đạn dược đem về chống lại quân Pháp thì giao cho người Huê Kiều Hải Nam tên là Lồng Ban.

Sau khi bại trận vào lối năm 1885 tại xóm Hàn Nhỏ và Hàn Lớn ở lối giữa xóm Cái Tàu (rạch Cái Tàu lúc ấy có hàn bằng 2 cái đập đặng cản tàu Tây) binh lính của hai anh em họ Đỗ lớp tử trận, lớp thối chí nản lòng, vì không thể đem giáo mác tầm vông vót nhọn mà đương đầu với súng đạn dược.

Rủi ro dồn dập thêm: ghe tải khí giới vừa về đến vàm sông Ông Đốc lại bị khám phá và tịch thâu hết.

Hay tin nầy, hai anh em họ Đỗ không muốn tiếp tục cuộc khởi nghĩa và cũng không muốn cho các đồng chí hy sinh thêm, bèn vào trong ngọn rạch mà tự vẫn.

Còn ông Hai Khoa và ông Hai Thầy Tu thì bị bắt và đày qua Cây Den (Cayenne, thủ đô thuộc địa Pháp Guyane francaise) ở bên Nam Mỹ Châu.

Mãi đến năm 1930, khi hai ông đã trên 70 tuổi đầu mới được phóng thích về xứ: ông Hai Khoa, vì sống gian lao cực khổ trên 40 năm nơi xứ rừng sâu nước độc, nên kéo lê chuỗi ngày tàn tạ và sống thêm được vài năm.

Còn ông Hai Thầy Tu thì vào chùa tiếp tục tu hành rồi cũng qua đời vài năm sau.

Lịch sử hiển hách này rất tiếc là ít người được biết.

Còn rất tiếc hơn nữa, là không ai trong xóm Cái Tàu đông đảo nầy chịu khó tổ chức lập miễu thờ 4 nhà chí sĩ nói trên, đã vì nước quên mình, chết trong bóng tối, mà con cháu hiện nay còn ở rải rác theo rạch Cái Tàu thường thầm tủi cho vong linh của bậc tiền bối mình.

RẠCH TÀU

Rạch bề dài 6 c.s, bề ngang lối 7, 8 thước, chảy ra vịnh Thái Lan, cách mũi Cà Mau lối 3 c.s 500.

Muốn đến Rạch Tàu phải đi từ rạch Ông Trang và trải qua một mạng nhện rạch nhỏ khác thật sâu chảy len lỏi trong rừng cấm Viên An.

Còn ở Rạch Gốc hoặc Rẫy Chệc nếu dùng ghe biển chạy buồm thì rất tiện vì không sợ lạc đường.

Rạch nầy trước kia chỉ rộng lối 4 thước đến nay bị nước chảy vô ra rất mạnh nên nới rộng gần gấp đôi. Nhờ vậy ghe đánh cá không còn lo mắc cạn nữa.

Hai bên mé rạch, nhà cửa đồng bào chen chút nhau gần một ngàn thước hầu hết là của những người thợ "phá sơn lâm đâm hà bá".

Trước sân mỗi nhà rải vỏ nghêu trắng phêu, đặng đi cho khỏi trợt và không lấm bùn.

Ngoài đường cũng dẫy đầy thứ vỏ nầy, thành thử ở xa dòm, người ta có ảo tưởng là sân và đường đều rắc vôi trắng xóa.

Rach và xóm nầy ở tận mũi Cà Mau, hồi thế kỷ trước, thường có "tàu ô" là tàu buồm sơn đen của bọn cướp biển Trung Hoa ở Tân Gia Ba đến.

oOo



Nhà cửa cất theo Rạch Ông Trang dẫn ra Rẫy Chệc và Rạch Tàu. Hầu hết đều là nhà sàn vì nước ngập quanh năm. Bên đây là cầu khỉ có cấm rượng (sào) để phơi lưới.

Trong xóm có người trữ tôm khô đến đôi ba trăm tạ (như ông Hương thân Khỏa) và phải làm bồ như bồ lúa đặng bán cho tàu ở Tân Gia Ba thường đến mua với cá mè đường ướp trong máy lạnh đem về.

RẠCH BÙ MẮT

Trong địa đồ, rạch nầy ghi là rạch Mang Dỗ, nổi tiếng có muỗi nhiều nhất là bù mắt nên còn gọi rạch Bù Mắt.

Một nhánh của sông Bảy Háp bên hữu ngạn, cách tỉnh ly An Xuyên lối 55cây số theo đường thủy và xa mũi Ba Quan 5cây số

Từ vàm vô tới xóm gọi là Cái Bát thuộc xã Tân Hưng Tây, hai bên bờ rạch là vẹt, đước, lá dừa và bần sẻ của rừng cấm.

Phía trong mấy rạch nhỏ, là rẫy trồng các loại khoai và nhất là ớt sừng trâu. Cũng có ruộng chút ít nhưng không được trúng mùa.

Bù mắt nhỏ li ti cỡ đầu con kiến song hễ cắn là thịt nổi mận liền nghĩa là sưng lên có cục. Ban ngày nó trốn trong bóng tối và túa ra có bầy lối chạng vạng và lúc trời mưa lâm râm. Người đi qua có cảm tưởng là bị ai cầm một nắm cát vãi vào mặt vậy.

Dưới đây là 2 câu chuyện điển hình chứng minh rạch nầy gọi Bù Mắt là đúng.

Lần nọ, tam bản tôi ghé lại mé rạch đặng bán lọ nồi. lúc trời mưa lâm râm. Chừng 10 phút sau tôi trở xuống ghe mặt mày ngứa ngáy khó chịu phải lấy dầu cù là mà thoa. Khi lấy kiến soi mặt thì chính tôi không còn nhìn được tôi nữa.

Lần khác, lúc gần chạng vạng vì phải nước ngược tôi mắc kẹt tại xóm Cái Bát đợi sáng mai mới ra về.

Vì biết là muỗi và bù mắt nơi đây có tiếng, tôi lo giăng mùng sẵn rồi mới dùng cơm.

Người trạo bèn luộc cho tôi 2 hột vịt, lột vỏ sẵn để gần mí mùng, khi giăng mùng, xong tôi hối anh trạo un khói lên cho tản muỗi và bù mắt.

Thời gian trôi qua lối 10 phút, tôi dòm thấy hai hột vịt đen thui như là hột muối vậy. Té ra nó bị muỗi đen và bù mắt đánh hơi bay đến bu đen nghẹt, làm tôi phải dùng quạt đuổi nó đi, rồi giở hé mí mùng một cách kỹ lưỡng đặng đem dĩa trứng vịt luộc vô mùng mà ăn cơm. Trong khi đó ở ngoài một giàn nhạc trổi lên nghe u thảm, và 2 người trạo của tôi vừa đập muỗi và bù mắt, vừa giũ nóp chun vô đợi chúng nó tản đi mới dám ra ăn cơm.

Đó! Muỗi và bù mắt ở Cái Bát khi "vỡ ổ" là thế!

RẠCH RAU DỪA

Rạch nầy thuộc về xã Hưng Mỹ, có cây cầu sắt bắt ngang trên đường lộ xe hơi Cà Mau Năm Căn. Cầu nầy nằm giữa xóm Rau Dừa nhà cửa đông đúc và vườn tược sum sê, cách tỉnh lỵ 24cây số Trước năm 1945, có xe hơi đưa bộ hành tới xóm nầy và đi luôn xuống Cái Nước.

Hai bên rạch, trước kia đồng bào thường trồng nhiều dừa nước, nhất là từ vàm vô tới cầu sắt.

Hồi xưa là nơi sầm uất: trong rừng cọp, nai và heo rừng rất nhiều. Đến nay thành điền phì mỹ, ruộng nương cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi.

Lối 50 năm về trước, rạch nầy nổi tiếng có dừa nước to lớn và cao: cà bắp dài đến đỗi người lực lưỡng mang trên vai biết nặng, ngọn và gốc đều chấm đất. Mỗi sợi lạt chặt ra dài gần một thước dây, còn cà bắp đuôi chồn chặt

ra chằm gào "xà nách" (gào thật lớn) mỗi cái đựng trên 10 lít nước.

Cây cà bắp cao như thế, lẽ dĩ nhiên, lá dừa cao gần bằng rưỡi, thành thử dừa mọc hai bên mé rạch *giao* nhọn với nhau, tạo thành một vòm xanh biếc. Đi ghe xuồng ở dưới vòm nầy, không thấy được ánh sáng mặt trời và có cảm tưởng là lúc chạng vạng. Nếu la lớn tiếng, thì âm thanh dội vang rền.

Chính ông già bà cả ở tại xóm Rau Dừa cho rằng tên Rau Dừa là không đúng, thật ra là "Giao Dừa" (dừa giao ngọn).

Họ đã lầm danh từ đặc hữu nầy (cũng có lý một chút) vì thấy tại đồng ruộng chung quanh xóm đến mùa nước, mọc khắp nơi một loại rau rừng, bò trên mặt nước như rau muống, gọi là "Rau dừa", ăn sống với mắm chưng rất ngon.



CHƯƠNG II

NÔNG SẢN - LÂM SẢN - HẢI SẢN KỸ NGHỆ - THỦY LỢI - CÔNG NGHỆ



NÔNG SẢN

Nền kinh tế tỉnh An Xuyên mở mang thêm nhiều trong 10 năm sau nầy.

Nghề nông thịnh hành nhất nhưng nhiều điền chủ bị truất hữu đất ruộng, không còn tiếp tục thâu địa tô nữa nên một số lớn xoay qua nghề khác.

Đồng bào còn làm ruộng theo lối cổ truyền. Tại vài nơi có đất gò, họ mướn máy đến cày trong mùa hạn đặng phơi đất cho hết phèn, rồi mưa đến, chỉ bừa đất, có khi rải phân bón rồi cấy lúa.

Các giống lúa thường cấy là: nàng Quớt, nàng Phếch, Tàu Hương, nàng Hô, trắng tép, móng chim trắng, móng chim vàng, nếp trắng, nếp than. Phần đông thường là lúa sớm, lúa lỡ và lúa trung, chớ ít cấy lúa mùa

Mỗi năm chỉ làm một mùa, các thứ lúa kể trên chín rộ

từ hạ tuần tháng 10 âm lịch đến lối nửa tháng chạp gặt hái xong, đạp lúa bó ra hột, phơi khô rồi vô bồ trước khi ra giêng, nghĩa là trước Tết.

Nông sản chánh là lúa. Toàn tỉnh có trên 300.000 mẫu. Ruộng cò bay thẳng cánh ở tại mấy xã sau đây: Tân Xuyên, An Trạch, Tân Hưng, Hưng Mỹ, Tân Lộc, Tân Lợi và Tân Duyệt.

Vì vậy, tại tỉnh ly, dọc theo sông Quan Lộ, mọc lên không biết bao nhiêu "chành lúa" mua lúa trữ đặng cân lại cho ghe chài chở lên Chợ Lớn. (nhất là trước thời cuộc)

Nông sản phụ là cây ăn trái: *chuối, dừa, cau, khế, chanh, tắc, lựu, mãng cầu, măng cụt, bưởi, cam, quít, đu đủ, chôm chôm, xoài, dâu, sầu riêng, thơm, khóm, sa bô chê, v.v...*

Xóm Cái Tàu có tiếng là trái dâu ngọt, trầu vàng tốt, cau tươi ngon và sầu riêng bùi.

Còn *mía, bầu, bí đao, bí rợ, khoai mì, khoai mỡ, khoai lang, khoai môn, khoai tím* và *bắp* cùng các loại *rau cải* khác thì trồng theo bờ kinh xáng Cà Mau Ô Rô kinh Trèm Trẹm và tại rẫy Cái Keo.

Vài nông sản đáng kể nữa là tre *Mạnh Tông:* măng thì ăn tươi hoặc làm dưa chua; tre gai dùng để cất nhà và làm không biết bao nhiêu vật dụng, *cây trúc* dùng làm cần câu, *lồ ồ,* và *cây chưng bầu* trồng chung quanh vườn đốn nhánh làm củi chụm.

Đặc biệt ở Rẫy Chéc, thuộc xã Viên An, có *dưa hấu*

thịt vàng và hột đen mà gọi là "dưa hấu Tây" một thứ dưa khổng lồ có khi nặng đến 3, 4 kí. Còn bắp cải thì lớn không kém bắp cải Đà Lạt, nhưng phẩm thì thua nhiều.

LÂM SẢN

Nhiều nhất là *vẹt, đước* ở rừng cấm xã Tân An, Năm Căn và Viên An, kế đó, *tràm, gừa* và *dừa nước* ở rừng cấm Thới Bình, Khánh An và Khánh Bình Đông.

Ở miền nước mặn phía Nam, lại còn *cây dà* (Xóm Thủ) *chà là* (Tân Thuận, Năm Căn và Cái Keo), *giá, bần, mấm, cóc,v.v...*

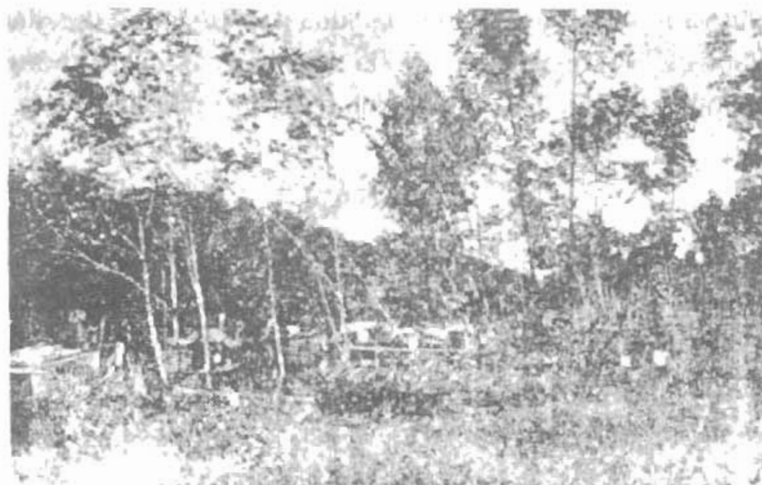
Cây dà đốn rồi lột vỏ đem về nhuộm buồm, vải quần áo và thuộc da.

Chà là dùng làm đòn tay nhà hay hàng rào. Trong đọt thường có con đuôn, ăn béo, ngon miệng và thơm ngào ngạt.

Ở miệt Cái Nhút, Rạch Nhà, Cái Rắn, Rạch Muỗi, Rau Dừa và Đầm Dơi, có *cây lát* trồng để dệt chiếu, mọc riêng cũng có. Thứ tốt và cao dùng dệt chiếu, thứ xấu chẻ ra làm tư hoặc để nguyên cọng phơi khô để làm dây buộc đồ.

Tỉnh An Xuyên còn có một lâm sản quí: *mật ong và sáp* trong rừng vẹt và đước, thì mật màu đỏ, còn ở rừng tràm U Minh thì màu vàng.

Lâm sản đáng nói hơn hết là *cây dừa nước* giúp cho



Củi đước cưa xong xếp bề cao 1 th
(để nhân viên Thủy Lâm đến đo mà tính thuế)

ngân quỹ tỉnh một lợi tức rất to lớn gọi là thuế "dà diệp". Nhiều tư nhân cũng trồng dừa nước dọc theo mé sông, thuộc phần đất của mình.

Rừng cấm lá dừa nước nhiều nhất ở Tân Duyệt và Tân Thuận, Tân An, Khánh An, Tân Hưng và Tân Hưng Đông.

THỦY LỢI VÀ HẢI SẢN

Về thủy lợi, tỉnh An Xuyên thâu hoạch rất nhiều, vì có không biết bao nhiêu sông rạch và đìa bàu sản xuất cá đồng (cá đen) và dọc theo duyên hải thì cá biển (cá trắng).

- Theo sông rạch, nò và đáy bắt : tôm, cua, cá, tép bạc, tôm càng, cá chốt, cá lòng tong, cá út, cá bống kèo, cá đối, cá chẽm, cá náu, cá hường v.v.. Đặc biệt là cá thát lát và cá bông nhiều nhất ở Cái Tàu, làm gỏi và chả ăn ngon.

- Người ta còn cắm rạo dưới sông và dọc theo kinh xáng hoặc xây nò, đào đìa, qua hạn tát nước cho khô hoặc là chụp lưới bắt đủ thứ cá đồng: lóc, trê, rô, dầy, sặc, bổi...

- Ở xã Khánh Lâm có nhiều cần đước, tại đồng Rau Dừa và Cái Rắn qua hạn đốt cỏ và sậy bắt rùa vàng rất nhiều.

- Theo mé sông, người ta dùng ghe nhỏ đi trễ cá, nhất là lúc ban đêm.

Dọc theo duyên hải, người chuyên nghề hạ bạc thường đăng bắt tôm cá, hoặc xây nò tại mấy chỗ cạn đặng bắt cá dứa, cá lăn, cá rô biển, cá hường, cá chim, cá đối, cá chốt, cá út, cá ngát v.v...

Ghe đánh cá thì ra khơi đánh lưới cá buôi, cá gộc, cá vược, cá chét, cá mè đường, cá đao, cá đuối...

Tại vàm sông Ông Đốc và ngoài khơi từ xóm Rạch Gốc đến Hòn Khoai, qua mùa sóng êm gió thuận, nghĩa là từ tháng 11 â.l. đến tháng 4 năm sau, nhiều ghe nóc (còn gọi là ghe cui) lênh đênh ngày đêm trên mặt biển cả, đặng đánh lưới các loại cá lớn con vừa kể trên. Đến nay, nhờ Ty Ngư Nghiệp trong tỉnh, nên nhiều chủ lưới có chân trong Hợp tác xã mua được máy gắn vào ghe lớn và dùng lưới

bằng ny lông, xài bền bỉ hơn lưới đương bằng nhợ, khỏi phải sấn vỏ dà (nhuộm) mỗi năm,rất nhẹ nhàng và tiện lợi khi kéo lưới lên ghe.

Mỗi năm có đấu thầu thủy lợi trong các sông rạch, còn ngoài biển thì tàu ở Tân Gia Ba đến chực hờm ghe hoặc tàu đánh cá, đặng mua bong bóng, vi cá và cá tươi ướp trong phòng lạnh đem về.

Nhờ đó, đồng bào chuyên nghề đánh lưới cá ngoài biển sống đầy đủ hơn trước rất nhiều.



Trại đáy đóng tại rạch Ông Định ngang Năm Căn

Tôm khô lạt là sản phẩm ngon và đắt tiền, ở mấy trại đáy Năm Căn, Ông Trang và Rạch Tàu. Tôm tươi nhiều quá bán không hết, chủ đáy phải luộc và phơi khô hoặc sấy đặng cân cho ghe cà vom tại chỗ.

Muốn cân nặng thêm và muốn cho tôm có màu đỏ tươi tốt, bọn gian thương thường nấu nước muối đổ vào, tôm nầy trở nên mặn chát và không còn mùi vị ngon nữa. Thứ ngon là thứ lạt và nhỏ con.

Trong quận Năm Căn, có hai xóm sản xuất rất nhiều *tôm lụi* (còn gọi là *"tôm xâu"*, vì xỏ một xâu 10 con "tôm xì buối") ấy là Xóm Lớn và Hàng Vịnh. Nhà nào cũng có vài ba cái vó đặt dưới mé sông, lúc nước lớn. Cứ chừng 5, 10 phút, thì giở lên, ít lắm cũng được 5, 7 con tôm xì buối và một mớ cá nhỏ. Nhà nào cũng phơi 1 hoặc 2 sào tôm lụi, sau vài nắng gắt thì tôm khô và nướng ăn được.

Ở bãi Ông Trang có sò huyết và mực tươi, ở Rẫy Chệc và Rạch Gốc có ốc len, ba khía và nghêu.

Trong xã Phong Lạc, tại Rạch Vọp và Ông Tự còn nhiều vọp ăn ít ngon hơn nghêu và nặng bụng.

Tại hòn Đá Bạc và kinh xáng Thọ Mai xã Phú Mỹ có một hải sản quí là con hàu ăn sống với chanh hoặc làm "tạp lính lù" thì tuyệt vời. Hàu nầy lớn con và ăn bổ không thua con ở miệt Nha Trang bao nhiêu. Nhiều khi thợ lặn không đem được ra chợ bán hàu tươi còn đóng khối chưa chẻ, hoặc khi lặn được nhiều quá, họ làm mắm hàu vô tĩn nước mắm, để lối 4, 5 tháng thì ăn được, kèm với thịt phay

và rau sống: ấy là món ăn trưởng giả, ít người được thưởng thức.

Nên để ý: giầm vào dĩa hàu 5, 7 trái ớt hiểm, không hề cay.

CÔNG NGHỆ

Trong tỉnh, nền công nghệ còn phôi thai, riêng nghề dệt chiếu với dụng cụ cổ truyền là phát đạt hơn hết.

Nghề nầy nuôi sống trên 500 gia đình ở xóm Cái Nhúc (xã Tân Thành), Rạch Nhà (xã Hòa Thành) Cái Rắn và Rạch Muối (xã Tân Hưng) nhất là tại Đầm Dơi (xã Tân Duyệt) có tiếng "chiếu đầm" đắt tiền và dệt khéo nhất: chiếu lãy, chiếu hồ văn, chiếu vọi có dệt chữ, dệt nhà lầu hai ba tầng, nhiều đôi bề khổ đến 1 thước 40.

Có 18 trại cưa tay, 15 lò thợ bạc, 10 trại đóng bàn ghế, 30 trại đóng xuồng ba lá hay be tám, 770 miệng lò than rải rác ở Năm Căn, Nhưng Miên, Xóm Thủ, Đầm Dơi, Ông Định và Bà Thanh.

Trước kia hầu hết lò than đều thuộc về người Huê Kiều. Nhưng, kể từ năm 1948 về sau, phần đông Huê Kiều xoay qua nghề thương mại, nên 9/10 số lò nói trên lọt về tay người Việt Nam.

Vì thời cuộc, lò than gần như không còn hoạt động.

Có hai xưởng làm nước mắm tại vàm sông Ông Đốc

và một xưởng tại tỉnh lỵ. Ba xưởng nầy sản xuất dư xài trong tỉnh, còn đem bán qua mấy tỉnh lân cận nữa.

KỸ NGHỆ

Theo bản thống kê của phòng kinh tế năm 1968 có 32 nhà máy xay lúa, ba nhà in, hai máy nước đá, hai máy cà rem cây, hai trại cưa máy và hai xưởng tiện cùng sửa chữa máy móc xe hơi và tàu.



SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT

Nước ngọt ở Hòn Khoai.

Mắm ruột (còn gọi là mắm lòng) ở Tân Điền, Phú Mỹ, và Tân Hưng Đông.

Mắm lóc và *mắm trê* khắp nơi.

Cá dầy và *lươn* ở xã Tân Hưng

Cá bông ở Cái Tàu.

Khô bẹ, khô cá chét, khô gộc và *nước mắm* ở vàm sông Ông Đốc.

Cá vược, cá bống mú; cá dứa, cá buôi, ở Năm Căn và Ông Trang.

Vi cá và bong bóng cá mè đường ở Rạch Gốc và vàm sông Ông Đốc.

Cá bống kèo, bống dừa, ở các trại đáy

Sò huyết, mực tươi, ở Ông Trang.

Nghêu ở Rẫy Chệc (Viên An)

Vọp ở Rạch Vọp và Ông Tự

Hàu ở hòn Đá Bạc và Thọ Mai

Ba khía, ốc len, ở Rạch Gốc

Cua gạch son (còn gọi là cua Đầm) ở Đầm Dơi

Tôm khô, tôm luội ở Năm Căn, Xóm Lớn và Hàng Vịnh

Tép mòng và con *ruốc* (để làm mắm ruốc) ở Rạch Gốc

Kỳ đà ở Xóm Thủ và Đầm Chim

Sấu ở Dày Chảo và sông Cửa Lớn

Rùa vàng ở đồng Cái Rắn và Rau Dừa

Cần đước ở Cái Tàu và Khánh Lâm

Khí ở khắp các rừng cấm

Lọ nồi ở Năm Căn, Nhưng Miên, Xóm Thủ và Cái Bát.

Đuôn chà là ở Cái Keo và Đầm Dơi.

Sân chim ở dớn Rạch Giếng.[1]

Sân chim của Tư Nhơn ở Bà Hính (Tân Hưng Đông)

Mật ong và sáp ở rừng cấm Thới Bình, Tân An và Khánh An.

---

(1) **Sân chim:** Đúng nghĩa là phải một cái **sân** trên đó chim đẻ trứng và ấp con, như sân chim trên dớn Rạch Giếng

Còn sân chim của ông Hội đồng Độ ở Bà Hính không phải là một cái sân

Mà nhiều loại chim như Cò ngà, cò trâu, cò đĩa, diệc lửa, diệc mốc, cồng cộc, điên điển, quắm trắng, đẻ trứng trên ngọn cây chà là, bần sẻ, mấm hoặc be dừa nước, cũng như sân chim của thầy đội Chiêu ở cách quận lỵ Cà Mau lối 1 c.s rưỡi, đã bị bọn Cao Miên phá sạch đầu năm 1946

Chiếu lác ở Đầm Chim, Cái Rắn, Cái Nhút và Rạch Nha

Cây mốp, để làm nón, ở Trèm Trẹm và Tân Bằng

Cây vông rừng để làm guốc ở Trèm Trẹm và Tân Bằng

Cây kè, để làm hẽn ở Trèm Trẹm và Tân Bằng

Than đước và vẹt ở rừng cấm Năm Căn, Tân An và Nhưng Miên.

Vỏ da và vỏ đước ở rừng cấm Năm Căn, Tân An và Nhưng Miên.

Dây choại, ở miệt "đớn" Rạch Giếng và Thới Bình.

Lá tàu, lá bó, lá chằm, lá cần đóp, ở khắp các rừng cấm, bờ sông lớn.

Bồn bồn, môn nước, ở nơi đất thấp

Sầu riêng, trầu vàng, ở Cái Tàu.

Khom, ở Trèm Trẹm.

Dưa hấu, ở Rẫy Chêc.



Bài bổ túc
ĐẶT ỐNG TRÚM BẮT LƯƠN "LƯƠN UM SẢ"

Con lươn không lạ gì với dân chúng nhất là các đệ tử Lưu linh "Lươn um sả, ếch ram bơ" thường thấy trên thực đơn các quán nhậu. Tóm lại lươn là món ăn "phổ biến" trong mọi gia đình.

Nhưng bắt lươn ở đâu, làm sao chở lươn về đô thành đó là một vấn đề ít ai am hiểu.

oOo

Ruộng nào sâu có cỏ cao và đường nước nhiều thì lươn sanh sản và tại đó đặt ống trúm trúng lắm.

Ở vùng Rạch Muỗi, Cái Rắn, Ông Tự và Rau Dừa là những xóm nổi tiếng lươn nhiều, nên qua mùa nước thường thường có nhiều ghe rồi đến đậu thường trực chờ đếm lươn của người trong xóm đổ ống trúm đem về bán.

Khi mùa cấy xong xuôi người nông phu không ngồi nhà khoanh tay rế chờ lúa chín đặng gặt mà họ sửa soạn ống trúm và mấy cái hom lại cho đàng hoàng để đặt lươn theo đường nước sâu hầu kiếm lợi thêm

Ống trúm là một khúc tre dài lối 6 tấc, thứ tre lớn cây đường kính độ 12 phân sắp lên, một đầu để mắc tre bít đầu kia trống và bịt vào đó một cái hom như hom lọp đặt cá vậy. Trong ống trúm để mồi cá sặc, cá trê hoặc cá chốt sình cho lươn đánh mùi chun ngang hom vô ăn mồi và mắc kẹt trong ống trúm.

Chiều đến người ta đặt ống trúm xuống nước sâu lối 5, 6 tấc cột vào cây nọc nhỏ cắm gần bờ để làm dấu và cũng để cho lươn khỏi lôi ống trúm đi nơi khác.

Ở mấy vùng nói trên nhất là ở Rach Muỗi và Rạch Bà Tường, nhiều khi đổ trúm ra trong mỗi ống có 5, 6 con, con nào con nấy vàng lườm. Sau khi trút ống rồi người ta thay mồi và cứ đặt lại chỗ cũ đến sáng mai mới đến thăm và đổ nữa, vì ban ngày lươn rút vào hang chỉ đi kiếm mồi lúc ban đêm thôi.

Thường thường lươn đặt được đều lớn một lứa với nhau, lúc trước thì đem về xóm đếm cho ghe rổi, chớ hiện nay người ta cân từ kí lô mà tính tiền.

Thịt lươn xào lăn sả ớt cặp với bánh tráng lạt nướng, hoặc nấu canh chua, làm khô lạt để nhâu rượu là số dách rồi, còn muốn ăn cách vật hơn thì người ta "um" như tại quán Ba Râu, Bảy Hổ ở Đô Thành. Muốn um lươn đừng ham con lớn, lựa con không lớn cũng không nhỏ ăn mới ngon. Phải vuột trấu, hoặc tro hoặc cát cho thật sạch nhớt đăng khử mùi tanh. Nhiều người cho rằng thịt lươn quến phong dữ lắm. Sự thật không biết sao chớ ngoại trừ thịt rắn

hổ ngon và bổ hơn, ở đô thành "lươn um" là món thích khẩu nhứt nhì của bợm nhậu!

Lươn có màu vàng dưới bụng, trên lưng thì đen. Đôi khi tát đìa hoặc trút ống trúm ta gặp thứ lươn trắng tươi từ đầu đến đuôi. Nhiều người cho rằng lươn trắng là một vị thuốc ta có thể trị bịnh trái trời (trái giống) như cá trê trắng vậy. Người ta lấy nhớt rông lươn trắng khi nó thả ra, dùng lông gà chấm nước nhớt ấy rồi phết lên trên mấy mụt trái, chẳng những trong mình người bịnh được mát mẻ mà trái không cương lên và không làm nhức nhối.

- Chẳng biết điều ấy có trị được bệnh không nhưng theo tôi thì chẳng khoa học tí nào!

Còn ghe rổi chở lươn thường ngăn từng khoang riêng biệt bằng ván để lươn không bò khoang nầy qua khoang khác. Nếu không ngăn thì luôn luôn dưới ghe phải hờm sẵn nồi nước sôi để phòng lươn "đụn" nghĩa là đóng cục, đóng xâu lại có khi đến 2, 3 trăm con. Trong trường hợp đó, người ta lấy nước sôi đổ xuống, khối lươn ấy gặp nước nóng rã ra từ con như trước, bằng không thì ghe khẳm bị nghiêng qua một bên, mất thăng bằng và có thể chìm giữa dòng sông!

oOo

BA KHÍA RẠCH GỐC

Ba khía Rạch Gốc (xã Tân An) nổi tiếng là ngon nhất miền Nam.

Loại ba khía nầy ăn ròng trái mấm đen rụng xuống đất trong 2 tháng 7 và 8 d.l có gạch son, mùi thơm, chắc thịt và ngon hơn loại ba khía ăn trái mấm trắng. Ba khía tập trung ở rừng cấm, chung quanh xóm Rạch, Gốc và Rẫy Chệc. Khi cây mấm rụng hết trái, người ta ít đi bắt, vì ba khía không còn gạch son và thịt thường hay bủng, đã ăn không ngon, mà lại ít bán được. Vì ba khía Rạch Gốc nổi tiếng ngon, nên nhiều đoàn ghe miệt trên, đến mùa cây mấm có trái, thường chở muối hột hoặc muối đen Bạc Liêu, xuống đậu thường trực tại rừng cấm đặng mua ba khía rồi muối tại chỗ. Khi đầy ghe, thì lui về lục tỉnh hoặc lên Sài Gòn mà đếm sỉ.

Bắt ba khía, thường là nghề của đàn bà, và con gái. Người ta mang bao tay cho càng khỏi kẹp, bao tay bằng bao bố, da nai hoặc vải ny lông dày. Tay trái cầm cái lồng đèn, cây đèn chai hay đèn "pin", trên vai mang giỏ đương bằng sống dừa nước, tay mặt lẹ làng chụp từng con một, có khi hai con, bỏ vào giỏ đậy nắp lại. Nếu chậm tay, ba khía bò xuống hang trốn và lâu lắm mới dám bò lên. Khi chụp hụt, thì lẹ chân đè miệng hang lại, con ba khía ấy không thể chạy trốn được.

Khi nước ngập, ba khía bò lên cây mà đeo từng chùm, nghe tiếng động, thì lặn xuống nước, vì vậy người ta thường đi bắt lúc nước ròng.

Ban đêm là lúc dễ bắt hơn hết, vì có nhiều, ban ngày, ba khía thường rút xuống hang trốn

Người chuyên về nghề nầy, từ chạng vạng đến nửa đêm, bắt đến cả ngàn con, nhờ đèn "pin" làm lóe mắt ba khía bò mau không được.

Khi đầy giỏ rồi, họ đem xuống ghe đậu gần đó, đếm cho chủ từ trăm, đổi lấy muối hoặc bán lấy tiền.

Chủ ghe nào cũng dành sẵn một khoang ghe lớn có đậy nắp, ba khía đếm xong và biên vào sổ, là bỏ xuống khoang có chứa nước đặng rửa cho sạch bùn non, rồi hai ngày sau, mới bắt bỏ vào mái vú có khuấy sẵn nước muối

Khi lu mái đầy, và cũng đến lúc hết mùa ba khía ghe mới lui về miệt trên. Thời gian đi từ Rạch Gốc về đến nơi bán lối 5, 7 ngày, đủ làm cho ba khía thấm muối và vừa ăn được.

Ba khía không nên muối mặn lắm, vì thịt ăn xẵng còn nếu muối lạt, thì thịt mau bủng, khi căng và ngoe bẻ ra, rút thịt "không chạy" vô miệng.

Nếu nặn chanh hoặc tắc vào ba khía bẻ ngoe ra rồi, gia vào tỏi sống xắt nhỏ và ớt cho cay, dùng thịt phay chấm vào, thì ăn cơm rất ngon miệng. Còn cái mai lật ngược lại, bỏ cơm nóng vào trộn với gạch, ăn bùi, giống như gạch son cua muối vậy.

oOo

CUA GẠCH SON MUỐI

Muối cua là tất cả nghệ thuật của người đàn bà Việt Nam rành nghề bếp, nấu ăn.

Miệt Cà Mau nổi tiếng ngon là: "CUA ĐẦM" vì sản xuất tại hai xóm: Đầm Dơi và Đầm Chim.

Cua lựa thứ chắc thịt, tùy theo con nước, nhất là có nhiều gạch son. Cứ rộng cua vài ngày cho nó nhả bùn ra, rồi dùng bàn chải rửa cho sạch mai và yếm. Đoạn lấy mũi dao phay chích giữa yếm cho nó chết, rồi bẻ hết càng ngoe, chỉ chừa 2 cái bơi, chớ không để nguyên con mà muối.

Trong vịm lớn đựng sẵn nước muối, nên sắp cua từ lớp hễ một lớp muối thì một lớp cua. Khi vịm đầy, khỏa ở trên thêm một lớp muối nữa, lấy rổ đậy lại. Trong 4 ngày, hoặc nhiều lắm là 5 ngày, cua thấm muối là đem ra ăn được.

Trước khi dùng, người ta gỡ yếm ra, vứt thịt đi, hoặc để thịt ăn riêng, đựng cái mai có gạch son trong dĩa, rồi xắt gừng ra từ miếng nhỏ để trên, ăn kèm với rau thơm và thịt phay. Có thể trộn gạch son với cơm nóng, ăn ngon và bùi như ăn cơm trộn "bơ" vậy.

Có người để tron càng và ngoe mà muối, và khi muốn ăn, cạy gạch son ra trộn với thịt của càng và ngoe. Muối cua và ăn cua muối như thế không trúng cách và không được ngon vì làm mất mùi vị của gạch son hết.

Gạch son sống, dùng làm "gỏi xổi", trộn với gừng, bạc hà và rau thơm xắt nhỏ, ăn kèm với thịt phay

Đây là món ăn đặc biệt của người trưởng giả Việt Nam, nhưng nếu không khéo tay, gỏi xổi có mùi tanh.

oOo

MẬT ONG VÀ SÁP

Tại rừng cấm miệt Xóm Thủ và Năm Căn, vùng Cái Tàu và Trèm Trẹm, có ong mật làm ổ trên mấy cây mấm và giừa, cao chừng 6, 7 thước, tại chảng ba hay chỗ nào cong theo hình cung tròn. Người đóng thuế thì được phép đi "ăn ong"[1] trong rừng cấm, thuế ấy gọi là "Phong ngạn". Họ còn gác thêm nhiều cây kèo[2] cho ong bay đến làm ổ.

Khi mùa mưa gần dứt là bắt đầu đi ăn ong. Phải chuẩn bị đuốc bằng lá dừa khô, nhúng nước hơi ươn ướt đặng khi đốt lên, có nhiều khói tỏa ra cho ong ngộp, sợ mà bay đi mất. Khi ấy thợ rừng mới trèo lên cây ở phía trên gió mà đốt đuốc, có khi cột đuốc vào đầu cây sào dài và giơ lên gần ổ ong, cũng trên gió. Gặp khói cay, tất cả bầy ong bay túa ra theo chiều gió xuôi và thợ ăn ong cứ việc dùng dao nhọn xom lủng ổ ong cho mật chảy ra, trong khi một người hờm sẵn dưới đất mà hứng vào một cái thúng lớn có trét chai, gọi là "thúng ong" dung tích lối 15 lít. Mật nguyên

---

(1) **Ăn ong:** vào rừng cạy ổ ong

(2) **Cây kèo:** một khúc cây bằng tràm, giừa, vẹt, đước v.v... dài lối 1 th cong lối 1/4 cung tròn, lớn cỡ cườm tay giống ách trâu cột chặc vào thân cây có bề cao ít nhất 6, 7 thước, thuận tiện cho ong đến đóng ổ

chất đặc kẹo tuôn ra và cứ chảy cho đến can, chỉ còn lại cái ổ đầy ong non trong mỗi lỗ hình lục giác đều đặn.

Cái xác ổ ong còn lại đây gọi là "mứt" cạy đem về gỡ ong non ra làm gỏi, trộn với bắp chuối và rau răm: thức ăn tuyệt vời của bợm nhậu. Nhằm người ăn không hạp, môi và mặt mày sưng vù lên, trong mình ngứa, nhưng vài giờ thì hết.

Sau khi gỡ hết ong non, người ta đem cái "mứt" nấu trong chảo cho sáp chảy lỏng, đổ vào tô hay chén lớn, sau khi lược sạch sẽ, đến khi nguội và đặc lại, thì đổ ra. Một tô sáp như vậy gọi là một "bánh sáp", còn hai bánh úp mặt lại gọi là một "nan sáp".

Sáp thường dùng để xe đèn lớn cây, có lần son thắp trên bàn thờ ông bà khi làm lễ cưới hỏi hoặc trong dịp cúng tế thánh thần.

Lúc sau nầy, đèn cầy giá rẻ, cây gừa bị phá trống và gần tuyệt giống, nên ong mật chỉ làm ổ trong rừng sâu, ít ai chịu khó đi ăn ong. Đến nay, sắc thuế phong ngạn cũng bị bãi bỏ, nên đi rừng ai gặp được ổ ong thì tự tiện leo lên cây đốt khói mà cạy ổ.

Một ổ ong lớn đem lại lối 15 lít mật và 8 nan sáp, một lâm sản quí báu của tỉnh An Xuyên.

Còn mật thì gồm hai thứ: mật màu vàng ở rừng cấm Trèm Trẹm và Cái Tàu, vì ong hút bông tràm, còn mật đỏ, ở rừng cấm Xom Thủ và Năm Căn, vì ong hút bông vẹt,

được và vài thứ bông khác ở miền nước mặn

Bọn gian thương thường pha nước đường vào mật nguyên chất, nên mật bán ra thị trường hơi lỏng và ngửi có mùi đường.

Muốn thử biết mật thiệt hay giả, nên lấy một miếng giấy bạch, đổ lên trên năm ba giọt nếu không loãng ra trên giấy, ấy là mật nguyên chất. Còn muốn chắc hơn nữa, thì nên đến tiệm thuốc Bắc nài mua chút ít - Tiệm nào cũng có trữ đôi ba thùng thiếc đặng trộn vào vài vị thuốc: cam thảo, huỳnh kỳ, sài hồ, ma hoàng, bắc hạp, đông huê v.v...

oOo

ĐUÔN CHÀ LÀ

Tại vùng rừng cấm Cà Mau, nhiều chỗ là rừng chà là và nhờ đó có đuôn nhiều, nhất là tại Đầm Dơi (xã Tân Thuận), Năm Căn và Cái Keo (xã Tân Hưng Đông) nằm bên tả ngạn sông Bảy Háp.

Đuôn chà là chỉ có một con ở trong mỗi đọt, (chớ không phải cả trăm con như thường thấy trong củ hủ cây dừa chẻ ra, khi bị đuôn ăn)

Đuôn dừa lớn con, màu không được vàng, ngo ngoe dữ tợn, thịt ăn xám xì và ít thơm. Nếu mua đuôn chẻ ra rồi, có thể lầm đuôn dừa với đuôn chà là.

Đuôn chà là mình mềm mại, màu vàng lóng lánh, tuy nhỏ con hơn đuôn dừa nhưng thịt ăn béo và thơm ngào ngạt. Con đuôn sanh ra do con kiến dương để trứng trên chót đọt cây chà là, lối tháng 6 â.l. Nửa tháng sau, trứng nở thành nhộng ăn xuống đọt chà là, hết đọt ăn tới củ hủ và ở nơi đây lối 2 hay 3 tháng.

Phải đợi con đuôn già mới đốn đọt chà là, nghĩa là qua lối tháng 11 hoặc tháng chạp â.l. Khi ăn hết củ hủ rồi, nó lại ăn ngược lên đọt, nơi đây phẩn của nó dồn lên có xác mịn màng: ấy là thời kỳ đông ken của thợ rừng đốn đuôn. Lúc nầy, đuôn vừa già, da màu vàng bóng ngời và ăn ngon cực điểm. Ăn lên tới ngọn, nó lại còn ăn xuống một lần nữa. Qua lối tháng 4 â.l, đuôn trở nên thật già, mình màu đen đen, từ củ hủ trở lên lối phân nửa đọt. Lúc nầy nó đã thành con kiến dương, cắn ngang đọt bay ra rồi đẻ trứng qua mùa tới.

Muốn chẻ đọt chà là, nên dùng dao phay hoặc chét thật bén bằm hai bên đọt hai đường sâu lối nửa phân thôi, rồi dựng ngược đọt xuống đất mà từ từ chẻ ra, nếu chẻ mạnh, dao bén có thể phạm nhằm mình đuôn ở tại củ hủ. Khi vừa thấy đít con đuôn, phải thò tay thật nhanh kéo ra kéo nó rút lên phía trên. Bắt đuôn ra rồi bỏ nó vào vịm có khuấy sẵn nước muối thật mặn, hoặc nước mắm, cho nó nhả nhớt ra, rồi ít giờ sau mới nướng.

Phải nướng đuôn như sườn heo, nghĩa là sắp trên vỉ sắt, ở dưới để lửa riu riu. Không nên bỏ vào chảo mà chiên,

vì gặp mỡ, đuôn phồng mình lên, đã ăn không được giòn, mà mùi thơm đặc biệt của nó bị bay ra mất hết.

Muốn thưởng thức hương vị của đuôn, phải chấm với nước mắm ngon nguyên chất, không pha giấm hoặc nặn chanh giằm ớt chi cả. Cũng không cần thoa "bơ" làm mất hương thơm đặc biệt của nó.

Đuôn ăn rất ngon nhưng quến phong nhiều. Hiện nay giá thị trường một chục đuôn tại chợ Cà Mau là từ 80 đồng đến 100 đồng nhưng ít khi gặp bán.

oOo

KHỈ VÀ LỌ NỒI

Hai loại tứ thủ nầy, tuy hình thù giống nhau, song tánh tình và cách sinh sống khác biệt rất xa.

Khỉ thì lông màu vàng vàng, sống mũi dài, thường hay nhướng mắt nhăn răng, gãi bụng, bất chí và bò chét cho nhau, da bụng xanh lè, bàn tọa nổi hai cục tròn chai cứng, nên không sợ gai đâm, thường nhún đọt chà là cho giập rồi rút ra ăn, thấy mặt nó thì phát ghét liền.

Chúng ở từng bầy, đôi khi đến 5, 3 chục con, trong bầy có con lớn hơn hết làm đầu đàn gọi là khỉ đột. Tiếng kêu cheo chéo như chim, khi gặp đồ ăn nhất là trái bần sẻ, thì tựu hội đông đảo, vui vẻ và kêu khọt khẹt vang rền khu rừng. Chúng thích trèo lên mấy ngọn cây cao, đăng dòm

chung quanh tìm kiếm những cây có trái rồi bò đến mà hái ăn.

Leo lên cây hay tuột xuống đất, khỉ rất nhanh nhẹn, có khi trốn kín trong lá cây khi bị chó rượt.

Chúng ăn tạp, đụng gì ăn nấy: đói quá, thì xuống đất thụt hang cá thòi lòi, hoặc bắt ba khía, cua sò, ốc và thường hay lục lạo nồi cơm của thợ rừng. Món chúng hảo nhất là cơm rượu: vì vậy, người ta trả thù bằng cách làm rọ (cũi) bằng cọng dừa nước bện lại thật chắc, phía trên chừa một lỗ trống vừa lọt mình khỉ, trong rọ để nhiều cơm rượu. Khi đánh được mùi thơm của cơm rượu, cả bầy kéo đến, giành nhau nhảy vào rọ, và chẳng bao lâu, con nào con nấy đều say tù lu. Người ta cứ trói ké từ con đem về bán, hoặc đánh tữu cho đã nư giận.

Khỉ thường phá mùa màng một cách tàn nhẫn: miếng ruộng nào ở gần ven rừng có nhiều khỉ thì kể trước là lúa thất: đến khi lúa đỏ đuôi, nhiều bầy rủ nhau kéo đến tét bụi nầy tới bụi kia rồi bỏ chớ không ăn hột. Người nông phu thường rập bẫy cò ke mà bắt, nhưng ít khi ăn thịt, vì không ngon.

Khỉ con rất dễ nuôi: bắt đem về chặt đuôi và cho ăn cơm vắt. Có nơi nuôi dạn, chủ nhà cho con nít mang khỉ trên vai đặng sang phong qua cho nó (?). Nhiều người tập khỉ làm trò xiếc: nhảy, múa, đánh trống, đi xe máy v.v... khi quảng cáo bán thuốc cao đơn hườn tán (hát khỉ).

Khỉ bắt chước rất tài tình: nhiều khi, nó lấy củi mồi lửa gây hỏa hoạn cho chủ nhà!

oOo

Còn lọ nồi thì lông màu xám, giống như bùi nhùi bằng kim khí dùng chùi đồ thau hoặc nhôm, sống mũi không dài, không nhăn mặt, gãi bụng, có vẻ hiền lành, da bụng không xanh, bàn tọa cũng có 2 cục tròn, nhưng ít chai hơn, không hề nhún đọt chà là bao giờ.

Chúng cũng ở từng bầy, song không có đầu đàn. Tiếng kêu giống tiếng rên "hì hì" của người bệnh. Lọ nồi con thì lông vàng khè, cặp mắt đen thui không thể nuôi được cũng như lọ nồi trưởng thành.

Chúng không nhanh nhẹn như khỉ và không có tài trốn kín trong lá cây: nhiều khi bị chó rượt, núp mình trong lá cây, lấy lá che bít hai con mắt, tin rằng "hễ nó không thấy mình là mình không thấy nó" trong khi cái đuôi ló ra toòng teng dài thượt thấy tức cười.

Lọ nồi không bao giờ xuống đất, cũng không hề phá hại mùa màng. Nó không ăn tạp như khỉ, chỉ ăn ròng trái cây và đọt cây.

Muốn bắt lọ nồi, thợ rừng thường dắt chó đi săn, hễ nghe tiếng sủa của chó lọ nồi sợ lắm rút trốn vào mấy lùm lá rậm, chớ không dám chuyền từ nhánh cây nầy qua nhánh cây khác, sợ e lọt xuống đất bị chó vật chết. Thợ săn cứ trèo lên cây, dùng dây mà vòng vào cổ, rồi trói lại quăng

xuống đất.

Thịt lọ nồi ăn ngon và bổ nếu nấu theo lối thịt rừng, còn lấy thịt đùi ướp ngũ vị hương làm khô thì tuyệt hảo không kém khô nai chút nào. Mật nó trị bệnh kinh phong của con nít được hiệu nghiệm (ở Cà Mau ai cũng biết) còn xương ống chân làm đót ống điếu rất đẹp xài lâu lên nước có màu đen pha lẫn màu trắng.

Trong vùng Cà Mau, còn lọ nồi nhiều nhất ở miệt rừng cấm như: vàm rạch Bù Mắt, Tắt Năm Căn, rạch Ông Định, Nhưng Miên, Bực Lở, Vàm Bồ Đề và ngã ba Tam Giang (ba nơi sau thuộc về xã Tân An).

oOo

RÙA VÀ CẦN ĐƯỚC

Rùa có ba thứ: rùa nắp, rùa quạ và rùa vàng, thuộc về loài bò sát.

Rùa nắp thì yếm không bằng phẳng, ghép lại bằng hai miếng xương mai cong lên, còn rùa quạ thì mai và yếm đều đen, hai thứ nầy nhỏ con, thịt ăn không ngon, vì dai nhách, nhão nhẹt và hôi cỏ, ít ai tìm bắt.

Chỉ có rùa vàng là quí: chẳng những lớn con mà thịt lại mềm mại và thơm phức.

Rùa bò chậm chạp trên bờ hay dưới nước cũng vậy, nên có câu ví "chậm như rùa", "mẹ rùa".

Các loại nói trên nhiều nhất ở đồng ruộng Cái Rắn và Rau Dừa, là nơi nhiều rạch nhỏ và lung sình.

Trứng rùa nở vào đầu mùa mưa, và khi rùa con biết bò và bơi lội, thì xuống nước ở luôn đến mùa hạn.

Rùa ăn rong cỏ, các rau rừng, như bông súng, rau dừa, nhất là rau muống, đôi khi ăn cá nhỏ con.

Trong mùa nước thì dùng lờ, đặt lọp, hoặc xây nò mà bắt nó như bắt cá vậy.

Qua mùa hạn, đồng ruộng, các đường nước và lung sình đều cạn hoặc khô, rùa lại lên trốn nơi nào nhiều sậy, năn và cỏ khô. Muốn bắt nó được nhiều, người ta đốt đồng: phải lựa lúc nào gió thổi mạnh, đứng trên gió mà châm lửa, trong chốc lát cỏ bốc cháy lên, sức nóng và khói bay đen nghịt làm cho rùa trốn dưới cỏ ngộp thở phải bò ra. Trong khi đó, thợ săn đứng trên gió, cho chó ruồng trong cỏ ở phần đất chưa cháy, thấy chỗ nào chúng ngốc đầu lên là đến bắt bỏ vào cà ròn hay bao bố một cách dễ dàng. Đốt đồng đặng bắt rùa như thế trong một buổi thường được cả 5, 3 chục con rùa vàng, có con nặng trên một kí, hai bên hông u lên, vì trong mình nó lúc ấy chứa một buồng trứng non và trứng già ăn khá ngon. Còn hai loại rùa nắp và rùa quạ thường vứt bỏ.

Ăn thịt rùa có nhiều cách: tiện hơn hết là luộc, rồi xé phay ăn với rau răm chấm muối tiêu như ăn hột vịt lộn vậy. Nhưng nếu "ram" thì thịt ngon hơn nhiều: sau khi cắt

cổ xong bằng cách thọc cây vào miệng cho nó cắn chặt, kéo đầu nó ra mà chặt cứ bỏ nguyên con vào trong soong dưới đáy rắc nắm muối cục, rồi đậy nắp lại cho thật kín, lối nửa giờ sau khi đun thì rùa chín. Đem rùa ra, lấy sống dao phay đập bể hai bên yếm, gỡ yếm ra và cạy lấy thịt: thit rùa ram ăn ngon vì mềm và thơm .

Thịt rùa còn xào lăn với bạc hà, nấu cà ri hoặc vài món khác theo cách nấu thịt rừng, tùy sở thích.

Còn muốn ăn một cách trưởng giả, thì đem thịt chưng với thuốc Bắc: trần bì, thuc địa, ý dĩ, bá hạp v.v...

Toàn thân con rùa đều ăn được cả, chỉ vứt cái bông phấn và một khúc ruột già mà thôi. Bộ đồ lòng rất ngon, nhất là gan của nó, béo và thơm (phải gỡ mât bỏ).

Ở miệt đồng quê, qua mùa hạn, người ta thường đem ra chợ Cà Mau bán rùa vàng rất nhiều, người hành khách nào mua rùa đem lên xe hơi hoăc dưới tàu thì luôn luôn bị "mời" xuống xe hay lên bờ lập tức, vì chủ xe và tàu đò rất ky rùa và kỳ đà, tin dị đoan rằng: nếu chở hai loại nầy, thì máy hay trục trặc, theo lời ví: "Kỳ đà cản mũi" và 'chậm như rùa".

oOo

Cần đước, thuộc loài bò sát, lớn hơn rùa nhiều, có con nặng đến 5, 6 kí, thịt dai nhách, ăn không ngon và cũng nấu nướng như thịt rùa.

Trong tỉnh An Xuyên, chỉ gặp nó trong ngọn rạch Cái Tàu và rạch Tiểu Dừa mà thôi.

SẤU VÀ KỲ ĐÀ

Loại sấu đẻ trứng vùi dưới đất hay dưới cát, tại mé sông lớn hay mé biển, trên "dớn". Nhờ sức nóng mặt trời, cũng như trứng rùa, cần đước và kỳ đà, trứng sấu nở ra con, lối 20 ngày sau, sấu con biết bò tới bò lui và lặn xuống nước. Lúc đó nằm giữa bầy cả chục con tại mé nước, tự nhiên sấu mẹ vùng đập đuôi mạnh vài cái. Đó là lúc nó sửa soạn nuốt sấu con, hoặc lấy đuôi quật cho chết: con nào lanh chân nhảy xuống nước trốn kịp thì sống, còn con nào chậm chạp thì bị sấu mẹ nuốt hoặc đập chết ngay.

Tạo hóa đặt để như thế có lẽ để đỡ khổ cho loài người chớ loại thú cầm dữ tợn và sanh sản con cái vẹn toàn, thì tai hại biết bao nhiêu! Cũng như loài rắn lục, khi đẻ con, nếu ai được mục kích đều ngạc nhiên: rắn cắn chặt vào cành cây, còn đuôi quấn vào cành cây khác, rắn vặn uốn cong mình nhiều lần, mạnh cho đến đỗi nứt da bụng lọt con ra ngoài. Trong khi ấy, quạ, diều hoặc bù cắt hờm sẵn: con nào lọt xuống bò lẹ thì sống, còn nào chậm thì bị chim nuốt hết. Rắn mẹ bị nứt bung chết đã đành, rắn con cũng sống sót không còn bao nhiêu.

Loại sấu nhỏ gọi là sấu cá. Từ năm 1930 đến nay, vì tàu chạy theo sông rạch quá nhiều làm động nước, nên sấu miệt Cà Mau rút trốn ra biển, hoặc sông lớn như Vàm Đầm, sông Bồ Đề, sông Đầm Chim, Dày Chảo, Cái Ngay và Tam Giang là nơi tương đối yên tĩnh hơn.

Thỉnh thoảng cũng còn gặp, nhất là tại Vàm Đầm, nhiều con khá to. Đôi khi thợ rừng đi lên săn chim trên "dớn" có gặp sấu ở dưới bưng.

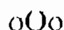
Thịt sấu ăn ngon, nhất là luộc rồi chấm mắm nêm ăn với chuối chát và rau sống, nhưng không mềm và thơm bằng thịt kỳ đà. Đầu sấu, sau khi chặt lìa cổ rồi, lối vài phút sau, nếu đút cây vào miệng, hai hàm nó còn ngoặp lại nghe cái "bốp" rồi mới không còn cụ cựa nữa.

Lúc trước, tại Cà Mau, người Huê Kiều cữ ăn thịt sấu, vì thường hay về Tàu, sợ trải qua biển cả, rủi tàu chìm bị sấu ăn thịt lại (?).

Câu sấu rất dễ: cột mồi bằng vài con vịt sống hoặc một con chó trên cái phao do nhiều bụp dừa nước kết lại, để nổi lềnh bềnh trên mặt nước thành một cái bè nhỏ, rồi cột vào mình con mồi một lưỡi câu lớn có nhiều ngạnh bén. Kế đó, dùng một dây đỏi mây thật chắc, một đầu cột vào lưỡi câu để trên bè, một đầu thì cột vào gốc cây to, chính giữa sợi dây thòng xuống sát đáy sông có cục đá nặng giữ đứng lại một chỗ cho phao khỏi bị trôi đi. Thường phao đặt tại vịnh có bực hẩm cách bờ sông lối vài thước, là chỗ sấu hay trầm mình.

Khi sấu táp mồi, nhờ nghe chó tru hay vịt kêu, thì tự nhiên phải mắc câu. Người ta chỉ lặn xuống nước (ở dưới nước sấu không dám hả miệng ra, sợ nước vô bụng) khớp

mỏ nó lại cho chắc bằng dây sắt và cột tréo bốn cẳng lên lưng, để khi trục lên mặt nước, nó không thể táp và quấn mình.



Kỳ đà nhỏ hơn cá sấu nhiều, mình màu vàng có đốm đen tiếng Pháp gọi là "iguane". Lưỡi nó đen, thụt vô le ra, liền liền thường ở trong bộng hoặc trên cây, chớ ít khi ở dưới nước, trừ khi bị chó săn rượt nà quá, phải nhảy xuống ao vũng mà trốn

Thịt kỳ đà ăn thơm, ngon hơn thịt gà, khi làm món xé phay trộn với bắp chuối rau răm. Còn đem xào lăn thì dầu có kém "mộc tồn" chút đỉnh, cũng làm các bợm nhậu rỏ dãi, khi nói đến.

Muốn làm thịt kỳ đà, cứ chặt đầu rồi "làm lông" nghĩa là trụn nước sôi cho tróc lớp da ngoài, chớ không lột da như trăn hay sấu. Trừ khi đem bán cho mấy tiệm trữ da, người ta mới lột da.

Trứng kỳ đà ngon và quí nhất: thứ trứng già có vỏ cứng đem về nướng chớ không luộc, mùi thơm ngào ngạt và vị béo không thứ trứng nào bằng, nhưng khó kiếm được, vì kỳ đà đẻ trong bộng cây. (tại rừng Cà Mau chỉ miệt Xóm Thủ và Tân Thuận mới có).

Săn kỳ đà rất thú vị, nhưng phải co chó chuyên môn săn kỳ đà, cũng như chó đặc biệt đi săn heo rừng, hoặc khỉ

hay lọ nồi: thợ rừng tập luyện công phu các loại chó săn đặc biệt cho mỗi loại thú rừng.

Chó săn kỳ đà phải là chó lớn cỡ chó xi, lanh lẹ, sủa lớn, đánh hơi giỏi, chạy mau và len lỏi trong bụi rậm dễ dàng. Khi kỳ đà bị chó rượt chun vô bộng cây thì phải phí thì giờ dùng búa bửa bộng. Nếu nó còn ló một chút đuôi thì rất dễ. Cẳng kỳ đà có móng dài, bén và nhọn, nên mấu nó bám chặt vào cây, sức mạnh con người không sao kéo ra nổi. Trong trường hợp ấy, thợ săn dùng chước, và chỉ trong nháy mắt là bắt được ngay.

Khi nắm được đuôi rồi chỉ cần đẩy thật mạnh cho nó vô sâu thêm nữa. Làm như thế, tất cả mấu của kỳ đà bị sút ra khỏi thân cây. Không để mất thì giờ, bất thình lình lúc đó, người ta kéo mạnh ra.

Kỳ đà không còn bấu vào đâu cho kịp nữa, bị tuột ra rất dễ dàng và thợ săn chỉ còn trói 4 chân nó lại. Gặp trường hợp kỳ đà lặn xuống nước, muốn bắt nó, dễ ợt, thợ săn cứ bình tĩnh nhẫn nại, hãy đợi một chút cho nước bớt đục, rình xem chỗ nào có sôi tăm lên, là chỗ ấy kỳ đà đang nằm trốn, cứ việc lặn xuống trói giò, dưới nước nó không dám há miệng ra mà cắn mình như sấu.

oOo

ĐỈA MÉN - ĐỈA TRÂU - VẮT

Đỉa mén là loại nhỏ con. Đỉa trâu cỡ bằng ngón tay út

và khi hút máu trâu no nê rồi, thân mình tròn vo cỡ ngón tay cái và dài đến cả tấc.

Đỉa ở miền nước ngọt, nhất là nước tù trong ao, hào, vũng sình lầy. Chúng ưa nước đục, chớ ít gặp ở nước trong.

Thường thường, người nông dân phu sau trọn ngày vất vả ngoài đồng trước khi về nhà bèn xuống ao vũng đặng rửa sơ mình mẩy, rồi về nhà mới tắm.

Khi nhúng mình xuống nước còn trong khe, thì không thấy con đỉa nào, lối vài phút sau, nước bị động và bùn nổi lên. Đó là lúc đỉa ở dưới bùn chun lên hút máu. Sau khi lên bờ, ta thấy ít lắm cũng vài con đỉa mén đeo vào chân.

Đỉa trâu thường ở nơi trâu nằm nghỉ: bàu, hầm sình và vũng lầy. Thân mình con đỉa dai lắm, nên người ta thường ví: "Dai như đỉa đói" là phải! Có thể nói đỉa dai hơn keo su. Khi chưa hút máu trâu, mình nó dài chừng 5 phân, 10 phút sau, có thể đo được gấp đôi và no tròn, có khi bằng ngón tay cái.

Người bị đỉa cắn thường lấy vôi ăn trầu thoa trên đầu nó liền đó, nó nhả ra ngay và để lại hai vết, có khi biến thành ghẻ.

Có người cho rằng: dầu chặt con đỉa ra 5, 3 khúc, rồi đem phơi nắng cho khô, khi nhúng nước lối 10 phút, con đỉa sống lại thành đôi ba chục con đỉa nhỏ khác.

Đó là trường hợp mấy con đỉa có chửa, trong bụng nó có con sẵn, lúc chặt ra, làm sao đỉa con chết hết được. Khi

nhúng nước, đỉa con sống lại và trong chốc lát, ngo ngoe và lội được.

Vắt: mình dài lối 3 tới 4 phân, lớn cỡ cộng chân nhang, không ở dưới nước, mà thường trốn dưới cỏ tại những nơi ẩm thấp và dơ dáy, nhất là ngoài vườn. Nó cũng cắn người hoặc các thú vật (chó, mèo, chim, cò v.v...) đặng hút máu.

Khi trời mưa lâm râm, nếu bước chân trên mấy đống cỏ khô thường bị con vắt chun trong ống quần và đeo. Chừng thấy nhột và ngứa như bị muỗi đốt, vén ống quần lên, thì gặp ngay ít con đã hút máu no nê rồi.

Nó không bò như con cuốn chiếu hay con rít, mà nó "đo" như ta dùng ngón tay cái và ngón giữa mà đo gang vậy. Hễ đít nó vừa rút tới, thì mình nó cong lại, đầu liền nhả ra mà lẹ làng bung tới trước, và mãi như thế.

Con vắt tuy nhỏ, nhưng người ta gớm hơn con đỉa, vì nó ở cả đoàn dưới cỏ, khi động địa, đôi ba trăm con (có khi nhiều hơn nữa) ngóc đầu lên và đua nhau mà "đo" đặng di chuyển tứ phía.

Cũng như khi bị đỉa cắn, cứ lấy vôi ăn trầu mà chấm vào đầu và đít liền đó, nó nhả ra, co quắp mình lại, rồi chẳng bao lâu thì chết.

Tại hai sân chim của ông Đội Chiêu (cách tỉnh lỵ lối 600 thước) và ông Hội Đồng Độ (ở Bà Hính), có không biết bao nhiêu là vắt, vì các loại chim bay đi tha cỏ về làm ổ, mang nó về sanh sản ra rất nhiều.

CỌP CÀ MAU

Trước năm 1915, nếu miền Trung có "cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận" thì ở Cà Mau có "cọp Cà Mau hàu Đá Bạc".

Lúc bấy giờ, chung quanh Cà Mau còn rừng gừa, tràm, ráng, dừa nước mọc um tùm và lắm heo rừng.

Nhà cửa dân cư làm rào kiên cố, ngay kế mí nhà sau chớ không trồng vườn tược chi được hết. Còn nhà nào có vườn thì ít khi dám ra làm cỏ, thường để cỏ mọc cao tới lưng quần.

Cọp Cà Mau không dữ tợn như ở miệt núi cao, rừng rậm. Nhiều khi đi rừng ăn ong, đốn đuôn hay đốn lá, róc lạt hoặc đốn cây, nếu rủi gặp cọp thì nạt cho lớn vài tiếng vang dội, cọp hoảng sợ cong đuôi chạy mất.

Nhưng đôi khi đói quá, cọp cũng vào tận xóm bắt heo và bắt người ăn thịt. Một lần bắt heo của thím Khiều, hai lần bắt cháu ông giáo Hậu và ông thân bác Hương hào Gố. Vì vậy tại vùng Cà Mau, không ai dám gọi là "con" mà là "ông Thầy", "ông Hổ", hoặc "Hia cọp, khại", hoặc "Hương quản"! Đình nào, miếu nào, cũng có thờ cọp, gọi là miếu ông Hổ, còn ngay trước sân đình, luôn luôn xây một miếng tường bề cao lối 2 thước, trên có đắp nổi hình con cọp to, vằn vện thấy rõ.

Cọp rất oai. Đi rừng, dắt chó theo, nếu chó quấn quít theo mình, ngoắc đuôi lia lia và la: "oẳn! oẳn" bên mình

chu, hoặc té đái là lúc nó đánh được hơi cọp ở gần đâu đó.

Cọp nhiều nhất ở Cái Bát, Trèm Trẹm và Năm Căn. Có người thuật lại rằng, tại Cái Bát, một chị vì con khóc lúc ban đêm dỗ không nín, bèn bồng lại sát vách lá, nơi có lỗ trống dưới chân giường, đưa chân ra ngoài lỗ vách rồi rủa: "Cọp mà bắt mầy". Rủi cho đứa bé, lúc ấy một con cọp rình ở ngoài từ hồi nào, thò chân vô chụp đứa bé tha đi mất. Từ đó về sau, xóm nầy không ai còn dám rủa: "Cọp bắt mầy" hay "Cọp vật mầy" nữa!

Lần hồi, dân cư đến Cà Mau khai thác rừng làm ruộng, cọp bị dồn về những nơi hẻo lánh, rốt cuộc gần như bị tuyệt giống. Hiện nay, ở Cái Bát và Cái Ngay chỉ còn có vài con, thỉnh thoảng thợ rừng mới gặp được thôi, vì hai nơi nầy còn heo rừng vốn là mồi ưa thích của cọp.

Thịt cọp ăn ngon hơn thịt ngựa, đỏ sớ và ngọt nước.

Thiên hạ đồn rằng ăn thịt cọp thì phải cử ăn măng tre trong ba tháng, vì nếu rủi thịt còn dính lông, hoặc râu vào bao tử sẽ thành sâu. Nhưng đó là câu nói ngoa mà thôi.

Riêng chó thì rất kỵ thịt cọp. Ta thử đem một miếng thịt cọp quăng cho chó, lập tức nó táp liền, nhưng kế đó, lại nhả ra, sủa lên om sòm và chạy trốn mất.

Đi rừng cũng vậy, hễ đánh hơi cọp là chó té đái ngay.

Ngày trước, chỉ người có chức cao mới có súng nên ít ai giết được cọp, trừ ra đôi khi cọp mắc bẫy gài nai hoặc heo rừng, cho nên mới có việc treo giải thưởng 100 đồng cho ai đem nạp da cọp tại quận, hoặc tỉnh.

CHƯƠNG III
THƯƠNG MÃI - GIAO THÔNG



THƯƠNG MÃI

Sản vật trong tỉnh nhiều, dân chúng xài không hết, mà còn bán cho mấy tỉnh khác, chở về Sài Gòn, xuất cảng ra ngoại quốc nữa.



Sản phẩm chánh là lúa ở trong ruộng chở ra tỉnh lỵ bán cho mấy chành, rồi chành cân lại cho ghe chài có tàu dòng từ đoàn về Chợ Lớn xay ra gạo. Hiện nay giá trị trường một giạ lúa tại Cà Mau là 800 đồng.

Cá biển, cá khô, vi cá, bong bóng cá mè, đường, cũng được chở về Sài Gòn hoặc bán tại chỗ cho tàu Tân Gia Ba đậu ở ngoài khơi vàm sông Ông Đốc và Rạch Gốc.

Mỗi ngày xe vận tải chở về Sài Gòn nào cá mặn, heo, gà, vịt, trứng, cá đồng, cá bống kèo, mật ong, sáp, rùa, lươn, đuôn, da trăn, da kỳ đà, da rái, tôm khô tôm lụi, mắm con, mắm ruột, khô lóc, khô sặc, các loại hoa màu v.v... Giá trị trường một ký tôm khô từ 900 đồng đến 1.000 đồng.

Ghe chài còn chở than, củi, cừ, lá dừa nước, lạt; ghe rổi thì chở nước mắm, dưa hấu, vỏ dà, cây mốp (làm nón), vông rừng (để làm guốc), dây choại và chiếu lãy.

Xe hàng ở Sài Gòn chở về tỉnh lỵ: tơ, lụa, hàng vãi, đồ hộp, trái cây ngoại quốc, các thức uống, đồ hàng xén cho mấy tiệm tạp hóa, săng nhớt dầu lửa v.v...

Vì tỉnh lỵ ở vào thời kỳ kiến thiết, nên nhiều nhà thầu xây cất nhà cửa và phố xá chở về nào cát, cây mít và đá ở miệt Long Xuyên, Châu Đốc, gạch ngói ở Sa Đéc và Vĩnh

Long, tôn, xi măng ở Sài Gòn. Còn cây ván thì trại cưa ở tỉnh cung cấp đầy đủ.

Quán cốc cất dầy đặc theo mé sông từ lò heo đến khỏi Cầu Quay, chen chít nhau trên một cây số, không chừa một ngỏ nào đặng đi xuống mé sông.

Tiệm buôn trưng bày đủ thứ hàng hóa, xa xí phẩm, và đồ ngoại quốc.

Vào buổi sáng mai, chợ nhóm chật hết đường cái từ cầu tàu ngó qua Ty Công Chánh đến rạp hát Huê Tinh: kẻ mua người bán tới lui rộn rịp, nhiều đến đỗi chen chân không lọt, người đi đường len lỏi dưới hàng ba của mấy



tiệm buôn mà xê dịch khó khăn.

Lúc sau này, có thêm một cái chợ lộ thiên nữa lập tại đập Kinh 16, là chỗ có bến tàu đò, cũng bán đủ thức thực phẩm cần thiết: thịt heo, cá, rau cải, trái cây, nhiều nhất là tôm cua, giá rẻ hơn trên chợ.

Đêm đến, đèn điện "nê ông" thấp sáng trưng trên các đường sá, du khách dùng thì giờ nhàn rỗi đến hai rạp cải lương và chớp bóng "Huê Tinh", "Huỳnh Long" đặng giải trí trong vài tiếng đồng hồ (hiện nay hai rạp này chưa tiện mở cửa lại).

Phía sau chợ tại Công trường "Bạch Đằng" dẫy đầy các quán bán thức ăn và nhậu: cháo tiều, cháo cá, cháo



gà, vịt, mì, hủ tiếu, chả giò, nem nướng, hột vịt lộn, đồ ngọt v.v... quy tụ khách đi dạo mát và tạo quang cảnh rộn rịp và vui mắt, làm cho người nào đã rời khỏi Cà Mau trên 10 năm nay nhìn không ra bộ mặt cũ của quận xưa nữa.

Nền thương mãi được phát triển mau chóng là nhờ dân cư đông, thêm phương tiện giao thông được nới rộng.

Sự phồn thịnh này còn hứa hẹn một tương lai huy hoàng hơn.



ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Tỉnh An Xuyên có nhiều sông rạch, nên lưu thông rất dễ dàng bằng ghe xuồng chèo hay gắn máy hoặc tàu đò

Về đường bộ chỉ có ba đường:

1) Từ tỉnh lỵ đến Tắc Vân là quận châu thành Quản Long cách xa 12 cây số 200, đi luôn lên Gia Rai là 35 cây số.

2) Cà Mau - Năm Căn: 65 cây số qua các xóm: Rạch Rập, Nàng Âm, Rạch Muỗi, Rau Dừa, Cái Nước, Phú Mỹ và Đồng Cùng.

3) Cà Mau - Thới Bình: 36 cây số qua các xóm: Tân Lợi, Tân Lộc, Đầu Nai, Chợ Hội và Điền Huyện Sử.

Đường thứ nhất thuộc về quốc lộ 16 nên được tráng nhựa và tu bổ thường xuyên: xe đò nhỏ, xe lam và xe lôi (rờ mọt) có gắn máy đưa bộ hành từ sớm mai tới chiều.

Hai con đường sau vừa đổ xong đất đỏ, hầm đặng làm nền tảng, thì gặp thời cuộc khó khăn. Trước kia xe đò chạy từ Cà Mau vô tới Tân Lợi, Tân Lộc; còn đường đi Năm Căn thì chưa kịp mở cho xe cộng đồng chạy, chỉ có công xa sử dụng được lối 5, 6 tháng rồi thôi.

Ngày nào an ninh trật tự vãn hồi, đường Cà Mau Năm Căn sẽ là mạch máu chánh của tỉnh An Xuyên, vì



"Chợ mới đã cất xong
Hiện giờ, nhiều dãy phố lầu mọc lên đợi lễ "khánh thành" đặng mở tiệm buôn

chẳng những có xe đò đưa rước bộ hành, mà xe vận tải còn đến tận quận lỵ Năm Căn chở than đước và thổ sản lâm sản và hải sản (nhất là tôm khô) ở miệt Ông Trang và Rẫy Chệc về tỉnh lỵ và Sài Gòn.

Tàu đò và ghe máy chuyên chở hành khách chạy từ tỉnh lỵ đến Cái Tàu, Trèm Trẹm, vàm sông Ông Đốc, Đầm Dơi, Bàu Sen, Xóm Thủ và Năm Căn.

Trên đường xe hơi từ Cà Mau đến Sài Gòn có nhiều hãng xe đò chạy mỗi ngày, hành khách tấp nập, nhưng thường bị kẹt hai bắc "Cần Thơ" và "Mỹ Thuận".

Ngày 23-1-1962, Hàng Không Việt Nam mở đường bay từ Sài Gòn đến Cà Mau. Lúc ban đầu dùng máy bay Cesna 5 chỗ ngồi đáp tạm xuống sân bay quân sự ở gần cầu sắt Gành Hào.

Từ khi hoàn thành sân bay dân sự, cách tỉnh lỵ 2c.s, thì lại có "Dakota C.3" được 30 chỗ ngồi, đem ra bay và dọc đường có khi ghé qua Cần Thơ. Hành khách mỗi ngày thêm đông đảo, nhất là thương mãi.

Hiện nay giá biểu hành khách lên rất cao: giá vé một lượt Sài Gòn-Cà Mau là 2.370 đồng; hành lý thặng dư: 47 đồng 40 một kí lô; hàng hóa 31 đồng 60 một kí lô (áp dụng kể từ 16-02-1972).



Sân bay dân sự

Nhiều khi có chuyến bay đặc biệt và kể từ ngày 1-5-1968 đến nay khỏi ghé trạm Cần Thơ.

Trước năm 1945, chánh phủ Pháp, vì thấy tương lai của Cà Mau hứa hẹn rực rỡ, nên vạch dự đồ án cho xáng xúc vàm sông Ông Đốc thêm rộng lớn và còn xúc thêm một con kinh thật sâu từ ngã ba Gành Hào băng tắt qua sông Ông Đốc để lập tại quận lỵ Cà Mau một thương khẩu thứ nhì.

Nhưng biến cố xảy ra, dự án phải hoãn lại.



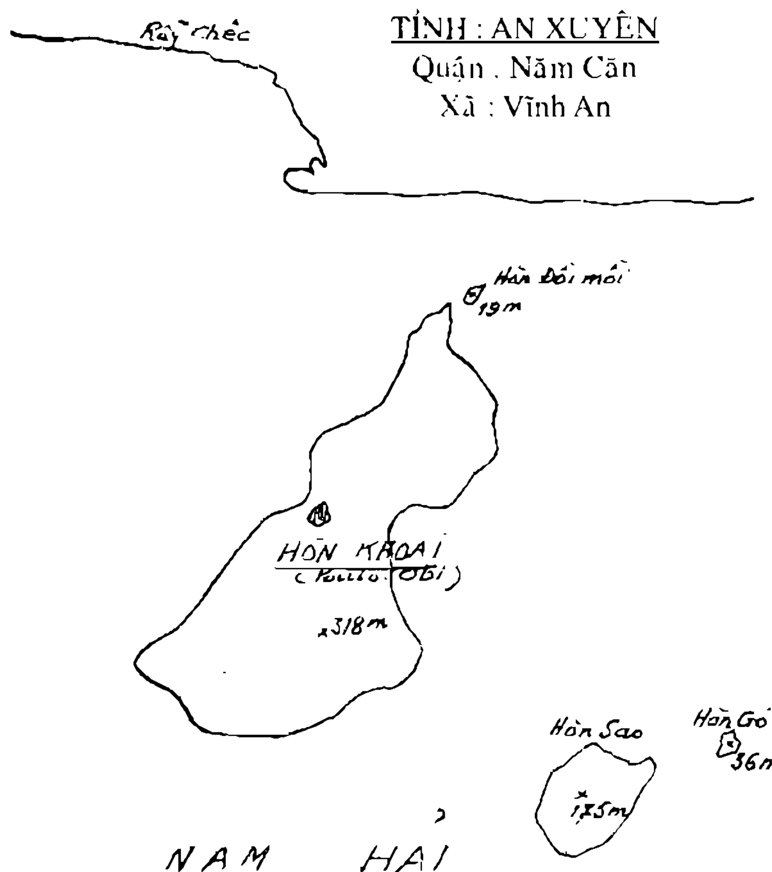
Bài bổ túc
HÒN KHOAI

Hòn Khoai (tiếng Pháp gọi: Poulo Obi) là thắng cảnh đẹp nhất trong tỉnh An Xuyên, nằm ngoài biển Nam Hải, phía Nam.

Hòn cách xa đất liền 12cây số 250. Tại bờ Rẫy Chệc, hình bóng Hòn Khoai giống như trái dừa khô trôi lắc lư ngoài biển, phía trên có màu đỏ chói: ấy là nóc tháp Hải đăng lợp bằng ngói tây.

Diện tích hòn phỏng chừng 5km^2 cao 13 lần hơn Hòn Đá Bạc, mỏm cao nhất là 318 m. Từ lâu rồi, người Huê kiều đến ở làm rẫy và trồng cây ăn trái. Vì vậy đến nay, còn nhiều bụi khoai mì, khoai rạn và nhất là khoai mỡ có gai nhọn, cũ dài đến 0,m 60 mọc rải rác đó đây và trong kẹt đá, cùng chiều cây xoài và mít gốc to lớn và tàn sum sê có thể gọi là cổ thụ.

Đồng bào ở xóm Rạch Gốc, Rạch Tàu và Rẫy Chệc thường dùng ghe nóc, trọng tải đến vài trăm giạ đến chở nước hòn đem về uống. Nhiều mạch nước ngọt chảy xuống tới mé biển nghe lách tách, người ta cứ đặt mang xối cho nước chảy xuống ghe (gọi là chở lan) hoặc vào lu mái đem



Bề cao (mỏm núi cao nhất) : *318m*

Diện tích: phỏng chừng : *5km²600*

Cách xa đất liền : *12km.250*

(bờ biển)

về để dành uống

Chung quanh hòn toàn là đá và vực sâu, không có bãi cát. Hòn chia ra 2 phần như ở Vũng Tàu: bãi trước và bãi sau.

Tại bãi sau, không nhà cửa chi hết: chỉ thấy vài chòi lá thô sơ của người đánh cá ẩn trú lúc giông mưa.

Nơi bãi trước, vài nhà người Huê Kiều cất đã lâu năm rồi; họ trồng củ sắn và vài thứ cây thuốc Bắc như: Xuyên điền thất, cây hộ pháp có vỏ dày như vỏ quế, cây sâm nam củ lớn bằng ngón chân cái, có vị nhân nhẫn, xắt mỏng ra rồi chưng, dùng trị bệnh đau bụng rất hiệu nghiệm. Họ còn trồng nhiều cây chanh giấy, trái to bằng cườm tay, nhưng ít chua hơn loại chanh thường, trái nhỏ hơn.

Dọc theo mé hòn, nhất là ở bãi sau, nước trong vắt đến đỗi thấy dạng nhiều con cá mập nhỏ lội vởn vơ theo kẹt đá ngầm đặng rình đớp loại cá nhỏ. Tại đây còn có long tu (rong biển) đóng theo nhiều tảng đá, mà người ở Rạch Gốc đến lấy nước hòn thường dùng dao bén cạo đem về nấu canh với cá, ăn mát và bổ. Nhiều bầy chim nhạn và én liệng qua liệng lại không ngớt

Đường lên hòn cũng dễ đi, nhưng mất bộn thì giờ, vì đi theo khu ốc, như đường lên Đà Lạt vậy.

Dọc đường, phong cảnh rất đẹp: hai bên mé, nhiều loại hoa rừng mọc xen trong kẹt đá, phô đủ màu sắc, quyến rũ ong bướm bay lảng vảng.

Du khách nghe tiếng róc rách của khe nước chảy, tiếng rù rì của cu xanh trôn nắng trong mấy lùm cây săng, tiếng líu lo của chim chìa vôi và nhiều bầy trau trảu bay kiếm mồi về nuôi con, hoặc đánh giặc mỏ với nhau giành mấy quày chuối rừng vài trái chín bói.

Trên cành, nhiều con nhen và sóc nhanh nhẹn nhảy lên tuột xuống tìm trái cây khô mà gặm, hoặc chơi trò cút bắt với nhau.

Lại còn tiếng kêu chát chúa của vài cặp chim cao các[1]. Khiến chim nhỏ rút vào lùm lá sum sê mà ẩn trốn. Vào khoảng nửa đường lên tháp, có cái hồ thiên nhiên đầy nước trong vắt, do vài khe chảy vào, tràn xuống đến tận mé hòn phía bãi sau. Tại hồ này, nhơn viên tháp Hải Đăng thường đến tắm.

Trên đỉnh hòn tháp vươn mình tròi trọi trên nền trời cao vút và xanh biếc, mây bay thấp thoáng, gió thổi vùn vụt, lữ khách thấy được cảnh trời nước bao la và sự hùng vĩ của núi non.

Từ xa xăm, lù lù rẽ nước chạy ngang qua hòn một chiếc tàu, cái ống khói khổng lồ và đen kịt phun ra từng chập nhiều cuộn khói dày đặc. Nhiều khi, còi tàu ụ lên inh ỏi, như hiệp sức với sóng gió đặng tạo thêm nhiều tiếng ồn ào, hỗn độn, khôn tả.

---

(1) Chim cao các: Loại chim ở miền núi, giống như cồng cộc lông đen mỏ vàng phía trên mỏ như có chấp thêm cái mỏ thứ nhì thường gọi là chim "linh" như chim hồng hoang vậy

Chính tại nơi đây, hồi cuối năm 1940, người "gát dan" hải đăng tên Oliver (mới vừa thay thế Ô. Lebras) bị ám sát do một nhóm 10 người, trong đó có người tên Xến, con một người Huê Kiều, có nhà ở tại hòn đã nhiều năm. Người cầm đầu là ông giáo Phan Ngọc Hiển nguyên trưởng giáo trường Rạch Gốc, lúc ấy ở tại hòn dạy học tư cho một nhóm trẻ.

oOo

Rất tiếc là Hòn Khoai ở cách xa bờ biển trên 12 c.s nên ít ai đến viếng. Nhưng đồng bào ở Rạch Gốc, Xóm Thủ, Rẫy Chệc, Ông Trang và Rạch Tàu, qua mùa gió thuận biển êm, thường đến lấy nước uống hoặc tìm bắt đồi mồi, lấy ổ yến hay cạo rong biển:

Đến đây, ai ai cũng được thoải mái với cảnh trời nước bao la, nhưng lại ngậm ngùi cho loài cá và con người giết lẫn nhau:

Biển rộng thinh thinh cá ăn cá,

Trời cao lồng lộng người giết người!

(ám chỉ cá mập con đớp loại cá nhỏ và vụ ám sát năm 1940)

oOo

HÒN ĐÁ BẠC

Hòn Đá Bạc nằm trong vịnh Thái Lan chỉ cách đất liền 460 th mỏm cao nhất được 24 th, diện tích phỏng chừng

6 mẫu 75, cách vàm sông Ông Đốc lối 27 c.s về phía Bắc, và thuộc về xã Khánh Bình Tây, quận Sông Ông Đốc.

Muốn đi đến hòn phải dùng ghe biển chạy buồm và mất chừng 4, 5 tiếng đồng hồ, tùy theo gió xuôi hay ngược.

Như tên đã gọi, chung quanh hòn, trên mặt nước cũng như dưới đáy biển, có nhiều tảng đá màu hơi trắng. Nhờ đó, con hàu đóng theo thành khối ở dưới nước sâu lối 9, 10 thước.

Phong cảnh bao la, nhưng kém vẻ hùng vĩ hơn Hòn Khoai, vì phía Đông ở gần đất liền và rất cạn; khi nước ròng sát, người ta có thể lội chân từ bờ ra tới hòn, vì nước ngập đến ngực là cùng.

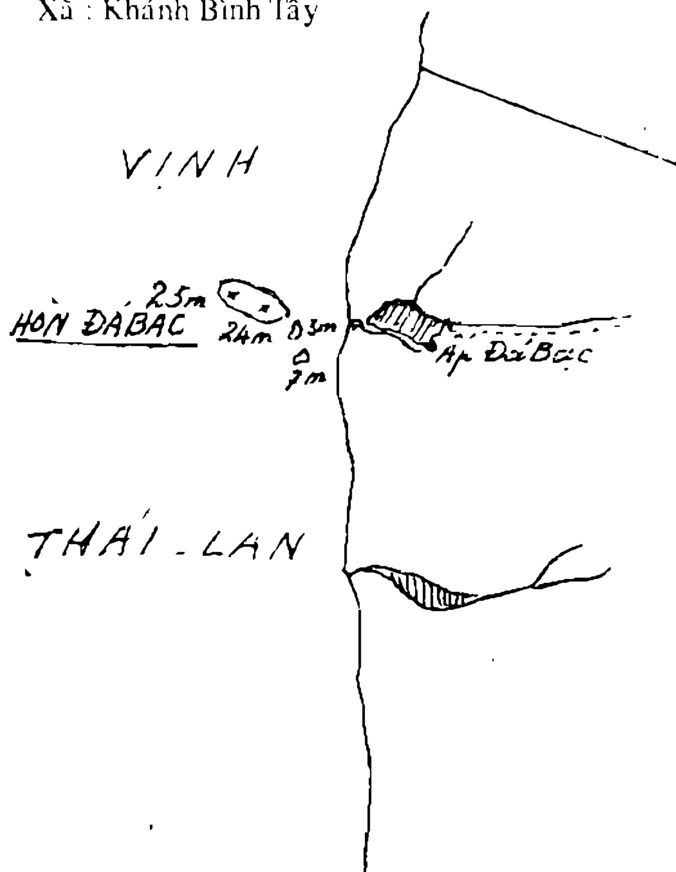
Trên hòn có ngôi chùa nhỏ, lợp lá, chung quanh trồng chút ít hoa quả. Ban ngày gió thổi hiu hiu, ban đêm có những đêm trăng soi vằng vặc tiếng chuông chùa "bon bon" vọng lại, hòa lẫn với tiếng mỏ "lốc cốc".

Phía Bắc và phía Tây rải rác vài chòi lá của những người đánh lưới ngoài khơi che tạm để tránh cơn mưa giông, chỉ có phía Nam là đáng kể.

Trên mặt biển, ít khi sóng lớn, nhiều tảng đá nhô lên "trơ gan cùng tuế nguyệt". Du khách cứ lựa một tảng nào bằng phẳng, dọn hỏa lò ra đặng ăn "tap pính lù" với con hàu.

Hàu ở đây như ở Thọ Mai (xã Phú Mỹ) lớn con và ngon như hàu ở Nha Trang vậy. Thợ lặn đem lên từng khối

TỈNH : AN XUYÊN
Quận : Sông Ông Đốc
Xã : Khánh Bình Tây



Bề cao (mỏm núi cao nhất) : *24 m*
Diện tích (phỏng chừng) : *67.500 m²*
Cách xa đất liền...... : *460m*
(bờ biển)

to chẻ ra từng con, rồi ăn sống với chanh hoặc ăn chín tùy sở thích. Đệ tử Lưu Linh nào có dịp đến đây ăn hàu tươi mới vừa chặt ra, chắc chắn sẽ "quắt" ngay trên mấy tảng đá.

Chính tác giả lâm cảnh nầy hơn một lần, tuy không phải là bợm nhậu.

Vì vậy nếu viếng Hòn Đá Bạc thì hãy nhớ mua hàu đem về, hoặc ăn tại chỗ.

Khung cảnh hoang vu và trang nghiêm của hòn nhắc cho người lữ khách nhớ đến hai câu thơ của Bà Bang Nhãn, khi tả cảnh núi Ngũ Hành:

"Cảnh trí nào hơn cảnh trí này:

Bồng lai thôi cũng hẳn là đây".

NĂM CĂN

Chúng ta thường nghe nói đến hai tiếng Năm Căn, nhất là than đước Năm Căn, vì vùng nầy toàn là rừng cấm, đầy đước và vẹt, cung cấp than cho miền Nam. Nhưng ít ai có dịp bước chân đến Năm Căn, vì xa xôi, cách tỉnh lỵ lối 85cây số về đường thủy và 65cây số về đường bộ.

Năm Căn nghĩa là 5 căn nhà. Trước kia, tại đây, không thấy một nhà nào cả. Nhằm chỗ trung tâm giáp nước, nên thương thuyền thường qua lại, hoặc xuống Ông Trang mua tôm khô và cá khô biển, hoặc qua rạch Bà Thanh hay Ông



Nha quận Năm Căn (1940)

Định đốn củi, hoặc xuống Rạch Gốc chở ba khía và ốc len, hoặc ra Rẫy Chệc chở dưa hấu.

Đầu tiên, một người Huê Kiều tên Chệc Hột đến đây dựng lên 5 căn trại đáy. Lần lần, vài người Huê Kiều khác cũng đến cất nhà rải rác đặng đóng đáy và làm rẫy: tôm cá được nhiều và hoa quả tốt tươi.

Thấy nhiều huê lợi, đồng bào Việt Nam lần hồi đến đây sanh nhai bằng hai nghề nói trên.

Vào năm 1938, Năm Căn đã trở thành một thị trấn sung túc rồi: lò than mọc lên như nấm, nhà cửa đông đảo dân cư tấp nập, thương mãi phồn thịnh, ghe cộ và tàu đò rộn rịp. Năm Căn, một quận cũ của tỉnh Bạc Liêu, tuy ở xa

xôi nước mặn và nhiều muỗi, nhưng là giàu nhất của tỉnh An Xuyên hiện nay, nhờ huê lợi rừng cấm (củi, than) và hải sản (tôm cá).

Qua năm 1942, có đường xe hơi đi từ Cà Mau đến Năm Căn, xuyên qua các xóm Rạch Rập, Rạch Muỗi, Cái Rắn, Rau Dừa, Cái Nước, Phú Mỹ và Đồng Cùng. Vì đường chỉ trải bằng đất hầm nên lúc đó chưa mở cho sự lưu thông công cộng. Hiện nay, đường xe nầy bị đứt đoạn nhiều chỗ chưa tiện sửa chữa.

Về đường thủy, tàu đò chạy mỗi ngày đưa rước hành khách và tải về tỉnh lỵ các thổ sản ở Năm Căn.

Chợ Năm Căn nằm bên hữu ngạn sông Cửa Lớn, bắt nguồn từ ngã ba Tam Giang đến mũi Ông Trang, một ngọn sông rộng lớn, nước chảy mạnh nên ghe thuyền tấp nập tại



Hạt Thủy lâm Năm Căn (1943)

quận lỵ chở củi ở rừng cấm về lò than, rau cải ở Rẫy Chệc, cá biển và sò huyết ở Ông Trang, tôm khô ở Rạch Tàu...

Chung quanh Năm Căn, bên hữu ngạn cũng như bên tả ngạn, có rất nhiều lò than, ngày đêm khói lên nghi ngút chẳng khác chi khói nhà máy xay lúa ở Bình Đông và Bình Tây. Luôn luôn người ta phải hít mùi khói khét nghẹt và hơi cay của dầu hắc củi đước cháy trong lò.

Nền trời Năm Căn ngày đêm bao trùm một vầng khói đen từ lò than bay ra.

Ở Năm Căn việc sanh nhai rất dễ dàng: dân tứ xứ đến ở đông đảo đặng làm củi cho lò than, hoặc sống về nghề chài lưới. Người lao động mỗi tháng trung bình làm ra trước năm 1945, lối vài trăm đồng bạc là sự thường, và người ta hay nhắc đến câu: "Nhất phá sơn lâm, nhì đâm Hà Bá" là vì đó.

Thật vậy, ở Năm Căn, làm giàu mau nhất là phá rừng kế đó là nghề hạ bạc (chài lưới). Nhưng làm ra tiền dễ dàng thì tiêu tiền cũng mau lẹ. Ở Năm Căn có tiếng là nơi dân cư bị xô đẩy vào hai tật xấu: "Chơi tiền và giỡn tiền".

Quận lỵ Năm Căn ngày càng sung túc thêm. Khi nào trật tự an ninh vãn hồi thật sự, đường xe hơi được trải đá, xe đò, xe hàng lên xuống rần rộ, đồng bào sẽ đến viếng Năm Căn một cách dễ dàng.

Và nhờ đó Năm Căn sẽ trở nên phồn thịnh hơn nữa.

RẪY CHỆC

Cách vàm Rạch Gốc lối 12 c.s và mũi Cà Mau 10 c.s có một xóm gọi là Rẫy Chệc trước kia trong địa đồ ghi là "Jardin Chinois" chạy dài theo mé biển độ chừng 3 c.s rưỡi nằm giữa hai con rạch Nhưng Miên và Khải Long.

Cách đây trên 40 năm vài người Huê Kiều đến đây làm rẫy, trồng rau cải và cây trái, huê lợi được nhiều, vì phong thổ hạp và có bãi cát như biển Hoành Tấu ở Bạc Liêu, song đường lưu thông chỉ sử dụng được các con rạch nhỏ, quanh co khúc khuỷu, trải qua một mạng nhện rạch, ghe xuồng thường đi lạc đường.

Nếu đi ghe máy, từ xóm Ông Trang đến, phải mất ít nhất là 4 tiếng đồng hồ, còn kể từ tỉnh lỵ An Xuyên, thì đường dài trên 90cây số Bởi lẽ ấy, người Huê kiều đã bỏ nơi nầy, nhường lại cho người Việt Nam.

Đây là một bãi cát đẹp màu vàng, lúc nước ròng sát có thể đi ra xa gần trăm thước mới gặp bùn lầy. Từ mé biển vô lối 20 th, rau muống biển bò dày đặc với bông màu hường lợt. Rồi kế đó là cây thuốc cá dùng làm thuốc để khử trùng và giết sâu bọ (trong việc trồng tỉa).

Phía trong bờ trồng dừa ta, dừa xiêm, chuối, chanh, rau, thơm, củ cải, bắp cải, nhất là dưa hấu: có thể gọi là

"dưa khổng lồ" lớn chưa từng thấy, thịt vàng và đỏ hột đen, rất ngọt. Nhiều quày chuối lá xiêm trên 10 nải, mỗi trái lớn bằng trái chuối hột, nhiều quày dừa xiêm gần 20 trái, phải đốn nguyên quày chớ vặn bẻ từng trái không được, có cây rất thấp đứng dưới đất vói tay là tới trái. Rau thơm thì lá lớn, bắp cải tốt cân nặng đến 3 ký, không kém bắp cải Đà Lạt bao nhiêu, còn chanh giấy thì lớn gần bằng trái quít đường, mãng cầu dai cũng to trái và ngọt.

Hai vườn lớn nhất ở đây thuộc về ông Quản Săng và của người em là ông Ba Sang, nổi tiếng là có dưa hấu, lớn trái ngon và ngọt.

Kế mí vườn, là ven rừng mấm, đước và vẹt con, cao lối vài thước, ốc len đeo từng chùm trên cành, cứ rung nhánh cho nó rớt xuống bắt bỏ vào giỏ.



Dưới đất, ba khía bò lơi nhơi. Dọc theo mé biển, lúc nước ròng, trẻ em bắt con nghêu rất đông. Ban đêm, cách Rẫy Chệc lối vài cây số, hướng mặt về phía Rạch Gốc, người ta thấy đèn bắt ba khía trong rừng mắm thắp sáng một góc trời. Ba khía ở đây có tiếng ngon, gọi là ba khía Rạch Gốc, cũng như gọi than đước Năm Căn vậy.

Từ chập, ánh sáng đèn hải đăng lòe ra rọi đường cho tàu đi biển. Ban ngày, ngó ra khơi thấy Hòn Khoai rõ ràng, trên đỉnh là tháp hải đăng nóc lợp ngói tây đỏ chói. Thỉnh thoảng tàu khói chạy qua chạy lại phun trên nền trời khói đen nghịt, hoặc thuyền đánh cá theo ven biển giương buồm trắng xóa coi lạ mắt và ngoạn mục.

Chẳng những Rẫy Chệc là nơi sản xuất rau cải và trái cây to lớn và tốt, mà lại còn là nơi nghỉ mát hiếm có, nhưng phải tránh tháng sáu và tháng bảy dương lịch vì lúc này có muỗi nhiều nhất (vì gió trong rừng thổi ra biển).

oOo

MŨI CÀ MAU VÀ BÃI BÙN

Chung quanh mũi Cà Mau và Bãi Bùn, dọc theo mé biển bùn lộn với cát (phù sa) vẫn tiếp tục bồi lấp bờ biển không ngừng.

Tại Bãi Bùn, nhất là lúc gió mùa hạn thổi, nước bùn

biển Nam Hải phụ thêm vào nước trộn đất phù sa của sông Cửu Long chảy xuống mũi Cà Mau gặp giọt nước bên vịnh Thái Lan chảy qua làm cho mũi nầy và Bãi Bùn trước kia rộng mênh mông, nay hẹp lại và chỉ là một bãi lài.

Theo tài liệu trong địa đồ in năm 1904 và nhiều hình ảnh do máy bay chụp sau nầy, chúng ta thấy từ cửa Gành Hào đến vàm rạch Đường Kéo, đã mất một nửa thửa đất chạy theo mé biển lối 4.000 th, tính ra trung bình mỗi năm lở 90 th, bởi các lý do sau đây:

1. Tại mũi Cà Mau, nằm bên phía vịnh Thái Lan, mỗi ngày có hai con nước 1 lớn và 1 ròng.

2. Từ mũi Cà Mau đến Vũng Tàu, trong biển Nam Hải mỗi ngày có 4 con nước: 2 lớn và 2 ròng.

3. Ngọn gió mùa hạn thổi mạnh hơn mùa mưa, nên nước biển Nam Hải co mang nhiều phù sa chảy mạnh hơn đem lại nhiều bùn lòng tại mũi Cà Mau và Bãi Bùn.

Như thế, trong 7, 8 chục năm nữa, mũi Cà Mau và Bãi Bùn sẽ là một vùng cây mọc um tùm nhờ đất bồi thêm.

Bằng chứng, là vào năm 1935, đi từ Ông Trang đến Rạch Tàu, cách mũi Cà Mau vài cây số, theo mé biển, phải dùng một chiếc ghe biển nhỏ, vì tầm nước co 1 th 35 mà thôi. Còn hiện bây giờ, thì chỉ dùng xuồng có thám hạ 0 th 50 là nhiều.

Một yếu tố quan trọng nữa làm cho Bãi Bùn ngày một lấp thêm mau, là mạng nhện rạch ở vùng bán đảo Cà Mau (xin xem lại bản đồ) lúc nước ròng, chảy ra biển, xuyên qua nhiều giáp nước và lưng tôm (dos d'âne) hai bên mé biển dày đặc cây cối, nhất là rễ cây mấm ăn bám xuống đất nên giọt nước bị giảm tốc độ, thành thử đất bùn lắng xuống vàm ở Bãi Bùn.

Trái lại, cũng theo hình ảnh chụp trên máy bay trong tháng giêng 1949, khi dòm xuống, người ta thấy, từ cửa sông Gành Hào đến vàm rạch Đường Kéo, mé biển như là một cái áo bị xé xơ xác, đó là gió thổi và nước chảy mạnh làm bờ bị lở một ngày một thêm; lở cho đến đỗi trước kia có một số cù lao nhỏ nay đã tiêu mất hết. Nhiều chỗ lở sâu vô, bực trung là 4 c.s, đôi khi đến 6, 7 cây số, trong thời gian trên 60 năm.

Cũng trong khoảng mé biển nói trên, qua mùa hạn, người ta thấy nhiều lượn sóng to dài đến 35 th.

Trái lại, từ vàm rạch Đường Kéo đến mũi Cà Mau và đi luôn qua mé vịnh Thái Lan, thì đất bồi không có chỗ nào lở cả, vì gió mùa thổi không mạnh, giọt nước không chảy mau, và cũng nhờ dọc theo mé biển có nhiều cây mấm trắng, rễ mấm cầm đất lại. Bồi nhiều nhất là từ mũi Ông Trang đến cửa sông Bảy Háp.

Tóm lại, đất lở phía bên biển Nam Hải được bù trừ lại

phía trên vịnh Thái Lan, tại mũi Cà Mau và Bãi Bùn, là hai nơi mà rừng vẹt được trù phú đã mọc lên từ 30 năm nay và đã qui tụ một số đông dân cư sống về nghề làm củi.

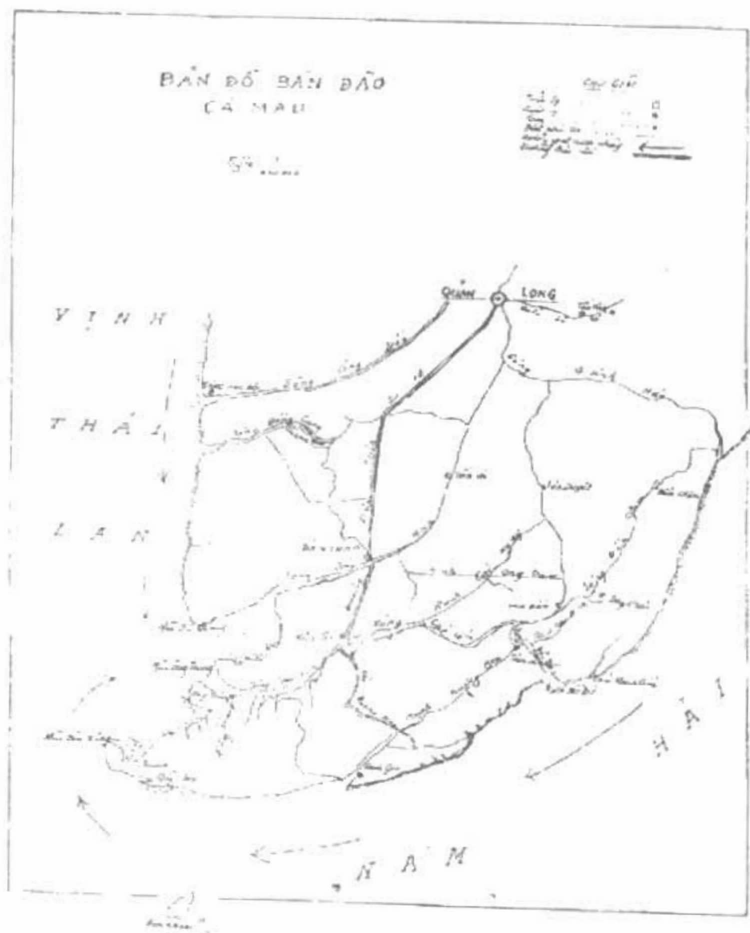
Xem địa đồ tỉnh An Xuyên, chúng ta thấy mũi Cà Mau nhô ra ngoài biển cả, phía Đông và Nam là biển Nam Hải, phía Bắc là Vịnh Thái Lan.

Nhưng khi bước chân đến nơi, hoặc trên máy bay dòm xuống thì thấy rõ ràng là mũi không còn hình nhọn: chỉ thấy một dãy đất bề ngang lối 4cây số có một vũng eo bị đất phù sa bồi cạn một ngày một ít như ở bãi Ông Trang.

Đứng trên mũi nầy, thấy hai xóm: ấy là xóm Mũi và xóm Rạch Tàu, cách mé biển lối 600 th. Còn cách xóm Mũi hướng mắt về phía Đông, lại thấy một bãi cát chạy dài theo Rẫy Chệc, ngó ra khơi thì thấy Hòn Khoai xanh um, nằm giữa trời nước mênh mông.

Khi nước nhẩy lớn, nhiều đoàn ghe lưới ngoài khơi chạy buồm về phía Rach Gốc và Rẫy Chệc, hoặc về Xóm Mũi, hoặc vô Rạch Tàu về xóm. Ghe nào cũng chở đủ thứ cá biển: bống mú, cá vược, rô biển, cá hường, cá chét, cá gộc và tôm xì buối để làm tôm lụi.

Chim nhan sen, ban ngày sắp hàng đi tới đi lui rượt bắt cá thòi lòi, con còng và con dã tràng. Đứng ở xa, người ta tưởng như thấy một đoàn lính đang diễn binh và sắp hàng đi tới.


BẢN ĐỒ BÁN ĐẢO
CÀ MAU
QUẢN LONG
VỊNH
THÁI
LAN
HẢI
NAM

Khi đêm tối đến, kể từ tháng 8 d.l. thì quang cảnh mũi Cà Mau thay đổi nhiều và không khí trở nên mát lạnh: gió biển thổi rào rạt vào bờ và dồn muỗi vào rừng cấm. Trong rừng, trên cành cây, hằng triệu con đom đóm nhấp nhoáng coi rất đẹp mắt trong khi tiếng dế rầu rĩ, hòa lẫn với tiếng sóng vỗ và tiếng kêu chát chúa của loài chim ăn đêm.

oOo

LÒ THAN NĂM CĂN

Tỉnh An Xuyên đứng đầu về phần sản xuất than đước, lượng cũng như phẩm và ai cũng công nhận là Năm Căn nhờ có nhiều lò than, nên trở thành một quận trù phú, mặc dầu ở tận miền xa xôi, cách tỉnh lỵ trên 65cây số

Với diện tích rừng cấm rộng 120.175 mẫu tây và 772 miệng lò than, tỉnh An Xuyên sản xuất trung bình, trước kia, mỗi tháng 95.140 tạ than (mỗi tạ 60 ki lô). Đó là chưa kể một số không ít lò xây cất lậu trong rừng cấm, mà sở Thủy Lâm kiểm soát không xiết được.

Những nơi có lò than nhiều là: Dày Chảo, Vàm Đầm, Xóm Thủ, Xóm Lớn, Hàng Vịnh, Bà Thanh, Ông Định, ngã ba rạch Đường Keo, Năm Căn, Tắt Biển và Nhưng Miên.

oOo

Xây lò than là cả một nghệ thuật theo lối cổ điển, phải dùng thợ chuyên môn có nhiều kinh nghiệm tại địa phương.

Lò hình bầu tròn như hình cái bánh bao, xây bằng gạch như lò gạch, nhưng bề cao chỉ từ 3 m 20 đến 3m 80 và đường kính phải 7 m 20. Nhiều chủ lò xây tới 10 th đường kính, nên lắm khi lò bị sụp[1] và than cháy ra tro hết. Phía trước lò, có một cái cửa để vô củi và than, đồng thời là nơi chum củi đốt lò, thường là củi cây mấm hoặc cây tạp. Hai bên hông và phía hậu bối, có xây bốn cái ống khói, cách khoảng bằng nhau để cho khói bay ra.

Khi vô lò, củi được bề dài phải 1 th, bề kính từ 1 tấc trở lên gọi là củi đòn, lột vỏ sạch sẽ và sắp dựng đứng một lớp dưới và phủ trên vài lớp nằm. Trên phía chót lò, chừa một khoảng trống lối vài tấc.

Thể thức hầm than, theo lối cổ điển nói trên phân ra làm 3 giai đoạn:

1/ Tại cửa lò, đốt củi cho cháy lên lửa ngọn, tạm gọi là "lửa dương" đặng đun cho thân lò mau nóng và chứa hơi nóng trong lò thật nhiều, hấp cho củi lò tiết ra chất nước: thời gian nầy thì thường từ 4 đến 7 ngày, tùy củi khô hay

---

(1) **Lò sụp:** Đôi khi, tằng khao vô ý để cho số cung khói nóng trong lò thì ít, còn số khói bay ra ngoài quá nhiều khiến cho khói ở trong không đủ áp lực chụp lửa ngầm xuống, nên ngọn lửa có dịp bốc trở lại, làm lò phát hỏa và tất cả số than cháy thành tro

ướt. Lò tỏa ra khói màu trắng đục và dày đặc, nhưng ít cay.

2/ Nhờ sức lửa ngọn thường xuyên cháy tại cửa lò, cũng từ 4 đến 7 ngày, người tầng khạo[2] cứ xem khói tiết ra theo 4 ống khói nói trên, mà biết củi còn hay hết chất nước. Chừng nào hết, nghĩa là không còn cần đến lửa ngọn nữa, người ta chỉ dùng sức nóng trong lò mà hầm củi, chẳng khác chi sức nóng trong lò bánh mì hấp chín bánh vậy. Tầng khạo phải thu hẹp cửa lò lại: đống tro tàn của củi đã chụm trong mấy ngày qua còn chứa một thứ lửa ngầm, tạm gọi là "lửa âm". Lửa âm nầy thông hơi qua trong lỗi cây củi được, theo chiều dài, mà không cháy bừng lên được bởi vì lò xây bít bùng, không đủ số dưỡng khí cho lửa cháy phừng lên có ngọn.

Hơi nóng trong lò bốc lên nóc, rồi trở dội xuống chân lò, thành thử, củi bắt đầu thành than, từ phía trên trước, rồi chín lần lần xuống phía dưới chân. Trong giai đoạn nầy, khói tỏa ra màu ngũ sắc coi đẹp mắt, và có óng ánh chất dầu hắc, mùi cay gắt.

3/ Qua giai đoạn chót, sau khi củi vô lò từ 10 đến 15 ngày tùy theo lò lớn hay nhỏ, khói màu ngũ sắc bắt đầu lợt lần rồi hóa ra màu xanh biếc: rốt cuộc chỉ còn lưa thưa và gần hết màu. Lúc bấy giờ, mùi khói bắt đầu thơm phức, như mùi khoai lang nướng vậy.

---

(2) Tầng khạo: là tiếng thổ âm Triều Châu có nghĩa là người, coi sóc lò than hay ruộng nương, thay thế người chủ lò hay chủ điền



Một dãy lò than tại Năm Căn

Than đã chín, chỉ còn lo bít hẳn cửa lò cho lửa ngầm bị ngộp và chờ đúng 6 ngày đêm cho lửa lò tắt hết và than nguội. Chừng ấy, tằng khạo mới khui cửa lò, một số lao công chuyên môn bắt đầu ra than.

Năng suất mỗi lò được từ 150 tạ đến 400 tạ (mỗi tạ 60 kí) mỗi thước củi đòn (stère) hầm ra được 4 tạ than.

Hiện nay, giá thị trường của than đước do "Hợp tác xã than" định đoạt, còn thuế thì do Nha Thủy Lâm.

oOo

XƯỞNG NƯỚC MẮM
(Tại Vàm sông Ông Đốc)

Trước kia, tại Vàm sông Ông Đốc, có đến 3 xưởng làm nước mắm, vì ở ngoài khơi có nhiều ghe đánh loại cá lớn con như: cá gộc, cá mè đường, cá chét, cá bẹ, cá vược v.v... Khi ghe về tới bờ, người ta lựa ra các thứ cá nhỏ con để làm nước mắm như: cá mòi, cá nục, cá cơm, cá tép là cá thường đánh được trong mùa gió nồm, thổi ròng 6 tháng trong một năm, kể từ tháng ba dương lịch.

Nước mắm là gia vị chánh của người Việt Nam, không những để ăn sống, nghĩa là chấm mấy món ăn lạt, mà lại còn dùng nêm canh, kho cá, kho thịt v.v..., ngon và thơm hơn khi người ta dùng muối.

Mỗi xưởng có từ 8 đến 10 cái thùng lớn bằng cây, hình trụ, đường kính lối 1 th 30, ghép lại bằng nhiều miếng ván, có 3, 4 niền tre cột chắc chắn ở phía ngoài cho ván khỏi bung ra. Ở gần đáy thùng, cũng ở bên ngoài, còn 2 cái vòi làm bằng ống tre nhỏ cỡ ngón tay út, đóng nút bằng cây mốp hay chồi cây bần, mỗi vòi đều bọc vải. Trong ống tre người ta còn quấn chung quanh cái nút nhiều lọn tóc vò rối lại đặng cho nước cá chảy theo và nhỏ ra từng giọt.

Trong thùng, dưới đáy, có sắp một lớp trấu trộn với vỏ hàu hoặc vỏ nghêu, vỏ sò chừng vài tấc. Khi cá rửa sạch sẽ rồi người ta đổ vào thùng, hễ một thúng cá thì nửa thúng muối, và kế tiếp một lớp muối thì một lớp cá, mãi như vậy

cho đến khi đầy thùng.

Kế đó, phải lấy cây nhọn mà xom cá và dùng chĩa ba trộn cá và muối cho đều. Sau rốt còn thêm ở trên chót thùng một lớp muối và một lớp cá nữa cao khỏi miệng thùng, để khi cá thấm muối xẹp xuống là vừa.

Để như vậy được vài ngày, bắt đầu mở hai cái vòi tre đặng bưng nước muối chảy ra. Lần lần muối cục tan rã và mấy lớp cá xẹp xuống trong thùng. Người ta sắp lên thêm trên mặt thùng một lớp lá chăm, rồi vài người lực lưỡng leo lên đạp cho chặt xuống, cũng như khi gài mắm lóc vậy

Nước muối lấy ra vài bữa trước được đổ lên trên mặt thùng phải thêm vài cục đá to đặng ép mấy lớp cá cho chặt chẽ thêm.

Giai đoạn đầu đã xong, cứ để như vậy mãi cho đến khi muối thấm lần lần vào cá, thường là trên 3 tháng, hoặc một thời gian gấp đôi, tùy theo loại cá bở hay chắc thịt.

Khi cá rữa nát ra hết rồi thì mở vòi cho nước mắm chảy ra. Nước nầy là nước nhất, còn gọi là nước mắm nhỉ, chảy ra lối vài trăm lít trong 48 giờ, màu vàng lợt, mùi thơm và ngon nhất.

Khi nước nhất lấy ra hết, đổ thêm nước muối khuấy sẵn vào thùng, hoặc nước cá đã chảy ra từ nhiều thùng khác để dành lâu nay, hoặc là nước tráng thùng cũng được. Chúng ta thường thấy màu vàng sậm của loại nước mắm

thường là vì sau khi lấy nước nhất ra rồi, người ta tráng kẹo đổ vào giữa thùng cá đặng cho có màu tươi.

Rồi cứ tráng đi tráng lại mãi mấy thùng cá cho đến khi không còn nước mắm nữa; lúc ấy, chỉ còn một thứ nước đục đầy cặn bã; mỗi thùng như vậy lấy ra lối 3.000 lít nước mắm thường.

Bã còn lại không vứt bỏ: bã cá mòi dùng thắng dầu đốt đèn, còn bã cá nục, cá cơm, cá chét thì làm phân bón rau cải rất tốt.

Hiện nay, tại Vàm sông Ông Đốc, chỉ còn 2 xưởng, vì xưởng thứ ba của ông Trần Hoan tự Cón đã dời về tỉnh ly 4, 5 năm nay, tại bờ kinh xáng đường lên xóm Ô Rô.

Nước mắm do ba xưởng kể trên sản xuất vượt mức nhu cầu trong tỉnh, nên còn đem bán ra vài tỉnh kế cận.



CHƯƠNG IV
CHÍNH TRỊ

DÂN SỐ

Dân số trong tỉnh được 276.650 người, gồm có:

270.643 người Việt Nam

3.048 người Việt gốc Hoa.

2.959 người Việt gốc Miên.

oOo

XÃ HỘI

An Xuyên là một tỉnh mới, thành hình từ năm 1956, vì ở xa xôi, cách Sài Gòn đến 344 cây số, nên tài chánh chưa được dồi dào, còn kém khuyết về phương tiện chở chuyên vật liệu xây cất đến tỉnh lỵ và tải các thổ sản lên Sài Gòn.

Tuy nhiên, về mặt văn hóa, nhờ tinh thần phục vụ của giáo chức các cấp và sự hiếu học trẻ em, ty giáo huấn thâu thập được nhiều kết quả khả quan trong việc mở mang

thêm trường sở, cũng như thành tích vẻ vang trong mấy kỳ thi Trung học đệ nhất cấp và Tú tài.

Dưới đây là tổng số học sinh các trường công lập và tư thục trong năm 1969.

30.556 nam } 35.924
5.368

Tại tỉnh lỵ có một trường trung học công lập có ban Tú tài toàn phần từ 2 năm nay; 3 trường trung học bán công có một trường lấy tên là Trung học bán công Nguyễn Hiền Năng. Trong toàn tỉnh có 24 trường tiểu học 56 trường sơ cấp, gồm 21.221 học sinh: 10.324 nam, 10.897 nữ.

Tư thục có mấy trường sau đây:

Trường Tiểu học Bảo Lộc (Công giáo).

Số lớp học : 11 lớp

Số giáo viên : 11 nữ

Số học sinh : 690

: Nam 358, Nữ 332

Sơ cấp "Bác ái" (Việt gốc Hoa) xã Định Thành

Số lớp : 03

Số giáo viên : 03

Số học sinh : 158 gồm có 86 Nam, 72 Nữ.

1/ Trường Trung học Công lập An Xuyên.

Số phòng học : 17

Số lớp học	: 28
Số học sinh	: 1.577
Số Giáo sư	: 28 gồm có 11 Nữ và 17 Nam.
- Đệ Thất	: 07 lớp
- Đệ Lục	: 04 lớp
- Đệ Ngũ	: 04
- Đệ Tứ	: 04
- Đệ Tam	: 04
- Đệ Nhị	: 03
- Đệ Nhất	: 02

2/ Trường Trung học Bán công Quản Long

Số lớp	: 04 lớp
Số học sinh	: 234
Số Giáo sư	: 06
- Đệ Thất	: 02 lớp
- Đệ Lục	: 02 lớp.

3/ Trường Trung học Bán công Thới Bình.

Số lớp	: 05
Số học sinh	: 248
- Đệ Thất	: 02
- Đệ Lục	: 01
- Đệ Ngũ	: 01

- Đệ Tứ : 01

4/ Trường Trung học Bán công Nguyễn Hiền Năng An Xuyên

Số lớp : 18

Số học sinh : 1498

- Đệ Thất : 06

- Đệ Lục : 05

- Đệ Ngũ : 04

- Đệ Tứ : 03

5/ Tư thục Bảo Lộc An Xuyên.

Số lớp : 08

Số học sinh : 605

- Đệ Thất : 05

- Đệ Lục : 02

- Đệ Ngũ : 01

6/ Tư thục Trung học Dục Tài An Xuyên.

Số lớp : 02

Số giáo viên : 02

Số học sinh : 118

- Đệ Thất : 01

- Đệ Lục : 01



Tiểu học Dục Tài

Số lớp : 09

Số giáo viên : 10

Số học sinh : 549 gồm có:

296 nam, 253 nữ.

Trường này cất lầu bê tông cốt sắt rất đẹp,

Sơ cấp Bết Lê Hem (Tin Lành) Định Thành.

Số lớp học : 06

Số giáo viên : 06 nữ

Số học sinh : 267 gồm có: 128 nam, 139 nữ

Sơ cấp Bết Lê Hem (Tin Lành) Quản Long.

Số lớp học : 06

Số giáo viên : 06 nữ

Số học sinh : 211 gồm có: 132 nam, 109 nữ.

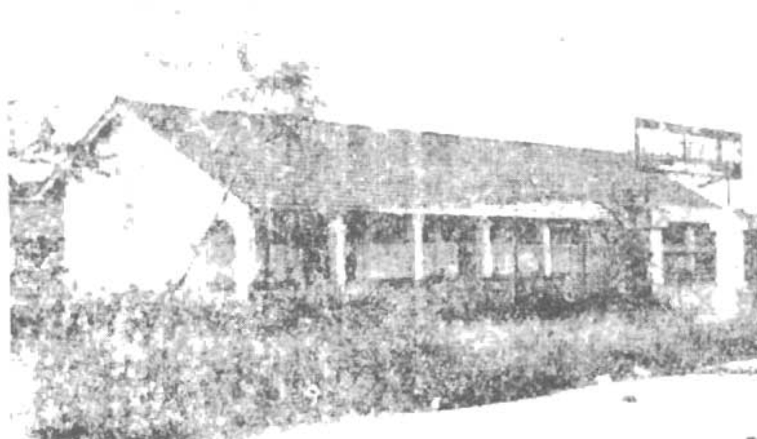
Sơ cấp "Văn Trị"

Số lớp học : 03

Số học sinh : 113 gồm có 67 nam, 46 nữ.

Số giáo viên : 01

Về Y tế, một bệnh viện lớn và đẹp đã cất xong gần tòa Hành chánh, ngó ngang qua đài khí tượng, kèm theo một bảo sanh viện, trang bị đầy đủ.



Mỗi quận lỵ, đều có chẩn y viện và bảo sanh viện Chánh quyền địa phương rất quan tâm đến nền y tế nông thôn, nên đồng bào có đủ thuốc men được săn sóc khi đau ốm và tránh được nhiều bệnh tật.

oOo

TÔN GIÁO

Tại tỉnh lỵ có đình thần Tân Xuyên, chùa Đức Phật Tổ, chùa Bà Mã Châu, chùa Ông Bổn, chùa Cô Hồn chùa Tịnh độ cư sĩ, miễu Gia Long, miễu Ông Thần Minh, Thánh thất Cao đài, hai nhà thờ công giáo và nhà giảng Tin Lành.

Theo bản thống kê mới năm 1969 của tòa Tỉnh trưởng, tổng số tín đồ lên tới 44.300 gồm:

22.000 Tịnh độ cư sĩ

15.000 Công giáo

3.700 Thiền lâm

3.200 Cao đài

và 400 Tin Lành

Ngoài ra còn có một số đông đồng bào theo đạo Phật, tu tại gia theo tục lệ cổ truyền.

oOo

SINH HOẠT

Đồng bào sinh sống tại tỉnh lỵ tương đối dễ dàng hơn miền quê, vì đầy đủ tiện nghi, thuốc men không còn thiếu thốn, vật thực cần dùng mỗi ngày dồi dào và rẻ nhờ sản phẩm cá tôm địa phương.

Ban ngày thì lo làm việc đặng nuôi gia thê đái tử, ban đêm rảnh rang dạo mát và xem phố phường buôn bán tấp nập nhất là phía sau chợ có bán đủ thức ăn.

Trong mấy vùng ruộng nương, đồng bào chuyên nghề cày cấy và trồng trọt hoa quả quanh năm.

Nơi miền rừng cấm và nước mặn, thì họ đốn củi, cưa cây, chằm lá, dệt chiếu, bắt cua, ba khía, đóng đáy, xây nò bắt tôm cá trong sông rạch, giăng câu ống, giăng lưới, đẩy xiệp, đi trễ và đánh cá gộc và cá mè đường ngoài khơi. Chẳng những họ sinh sống đầy đủ nhiều khi còn được mua đồ ngoại quốc với giá rẻ như: đồng hồ, bút máy, áo mưa, đồ hộp, thuốc thơm v.v... do tàu ở Tân Gia Ba qua mua cá khô và cá tươi ướp máy lạnh đem đến.

Tóm lại, dân cư trong tỉnh đều siêng năng theo dõi nghề nghiệp của mình với nếp sống mộc mạc và yên tĩnh, vui tươi và hạnh phúc.

Bài bổ túc
ĐÌNH LÀNG TÂN XUYÊN

Đình làng Tân Xuyên đã có trên một thế kỷ rồi (hồi trước làng gọi là An Xuyên). Đến khi quận Cà Mau thành tỉnh lấy tên là An Xuyên, thì làng sở tại lấy lại tên cũ là Tân Xuyên.

Đình nầy thờ sắc Thần do vua Tự Đức phong vào năm 1880, để trong một ống tre lớn có nắp đậy, sơn son thếp vàng coi rất đẹp. Bổn sắc hình vuông dài, ước độ 45 cm x 40 cm, bằng loại giấy tốt bền bĩ hơn giấy bạch màu vàng lợt pha lẫn màu xanh lợt, và hình rồng vàng màu đậm hơn. Trong sắc, chữ viết bằng tay, đều đặn và sắc sảo, cỡ chữ viết trên các con cờ tướng tròn bằng cây mà chúng ta thường thấy. Mực dùng viết màu đen đậm và láng bóng, chữ chỉ được 7, 8 hàng (tiếc rằng lu lờ không đọc được) bên mấy hàng này, có ghi:

"Sắc phong bổn cảnh Thành Hoàng Chánh trực hựu thiện Đôn Ngưng chi thần".

Sau rốt có đề niên hiệu Tự Đức và ngày? tháng? năm 1880. Trong sắc, không biên tên vị Thần nào.

Theo lời các vị bô lão thuật lại, thì từ xưa, làng nào xây cất đình vừa xong, muốn có sắc vua phong, hương chức tân và cựu phải nhóm họp lại làm tờ đứng xin và tờ ấy

được quan địa phương xem xét, nếu được chấp thuận, thì chuyển đến triều đình để nghị lên nhà vua ân tứ ban sắc cho làng ấy.

Khi được ban sắc rồi, hương chức làng tề tựu đông đủ, tổ chức lễ long trọng đặng rước sắc về đình mà thờ. Ngày ấy sẽ chọn là ngày mà hằng năm trong làng đáo lệ "Cầu an", còn gọi là Kỳ Yên. Cho nên, chúng ta thường thấy ngày cúng Cầu an thường khác nhau trong lãnh thổ xứ Việt Nam, ngoại trừ khi một ngày mà vua ban 2 hoặc 3 sắc. Ngày lễ Kỳ Yên đình An Xuyên là ngày 13 tháng 5 âm lịch mỗi năm.

Sau các cuộc cúng tế trong dịp Kỳ Yên, hương chức tân làng Tân Xuyên luôn dịp có thết tiệc đãi đằng thân hào và viên quan tại quận lỵ và thường thường kết thúc buổi lễ bằng vài chầu hát bội cho công chúng xem.

Cách tổ chức lễ cúng rất linh đình. Trước hết, là lễ "thỉnh sắc" vì sắc thần không để tại đình, sợ e bị trộm cắp, tại đình chỉ có 1 ông từ lo quét dọn cho sạch sẽ và thắp nhang đèn mỗi buổi chiều. Sắc thần được giao cho 1 người phụng thủ, thờ tại nhà người này, sau khi được ban Trị sự đình chỉ định. Khi người phụng thủ sắp qua đời, thì ban Trị sự nhóm họp lại gấp đặng chọn người khác thay thế. Bổn sắc thần thường luân chuyển như vậy, và khi phải giao qua người khác, thì tổ chức lễ "thỉnh sắc" rình rang đặng bàn giao.

Trước năm 1935, người được chọn lựa phụng thủ, là

ông Hội đồng Trần Đắc Danh. Khi ông sắp thiện chung, thì sắc được giao qua ông Hội đồng Lâm Kim Huyễn.

Như đã nói trên, lễ "thỉnh sắc" rất trang nghiêm: cờ xí (lâu nay cắm trên 2 giàng lỗ bộ) lấy ra giàng tề đi đầu, kế đó, là bàn hương án đặng rước Sắc Thần, sau rốt là mấy ông kỳ lão, chức việc trong làng, chót là giàng lễ nhạc bắc cấu.

Tại đình Tân Xuyên, đêm 13 âm lịch thì cúng "sơ lễ" đêm 14 là "chánh tế" sáng ngày rằm là hoàn tất.

Chiều lại, tiệc thết đãi nhân viên các ty các sở, thân hào, điền chủ và thương gia.

Trong buổi tiệc này, năm nào cũng vậy, thường thấy chả giò, vịt tiềm, xán lẩu v.v... luôn luôn có nhiều dĩa xôi. Đến khi tráng miệng, không khi nào thiếu món bánh thửng, là món phải khéo tay mới được ngon, trước kia do hương chức bàn hội tề, trước hết là ông cả, kế đó Hương thân, Hương hào đảm nhận cúng linh thần mỗi người một mâm.

Đó là đại cương và vài chi tiết của lễ Đáo lệ Kỳ yên tại đình.

Đến năm 1945, ông Hội đồng Lâm Kim Huyễn (hiện nay vẫn còn sống) đã phụng thủ hai sắc thần (Tân Xuyên và Tân Yên từ năm 1938) phải tản cư như mọi người khác, trước khi đi, ông yêu cầu ban trị sự đình và hương chức tân cựu nhóm họp gấp đặng tìm kế hoạch bảo thủ vẹn toàn 2 sắc thần nói trên, chớ khi tản cư đem theo bất tiện.

Mọi người hiện diện đều đồng ý giao hai sắc thần cho ông chủ chùa Đức Phật Tổ, đinh ninh rằng nơi cửa Thiền không ai đến khuấy phá.

Nào dè, bọn gian manh và người Miên ở các Sốc trong quận tràn ra Châu Thành và đến chùa lục soát lấy một ít vị Phật nhỏ, lư thao, chân đèn và đại hồng chung đem bán ráo trọi.

Sau ngày hồi cư, mấy ông Hương chức tân và cựu sực nhớ đến ngày Kỳ Yên là ngày 13 tháng 5 âm lịch, bèn quay heo và đem lễ vật tựu đến đình cúng Thần.

Nào dè, khi đến chùa chỉ cách đình không quá 100 thước mấy ông đều bật ngửa hết, khi nghe ông trụ trì nói rằng: "Hai sắc thần để trong ống tre, bọn Miên tưởng là của quí nên lấy đem đi mất".

Vì vậy, đình làng Tân Xuyên hiện nay không còn sắc Thần nữa.

oOo

CHÙA ĐỨC PHẬT TỔ SƯ

Đức Phật Tổ sư, vị Đại Đức chơn tu được sắc phong Hòa thượng, là người đầu tiên đã sáng lập ra ngôi chùa QUAN ÂM TỰ tại Cà Mau.

Đời Tự Đức tại huyện Long Xuyên, tức là quận Cà Mau cũ và nay là tỉnh An Xuyên, có thầy Tô Quang Xuân gốc ở Đầm Dơi xã Tân Duyệt là người sùng bái đạo Phật, ham việc tu hành, tuy không thí phát trường chay khổ hạnh, nhưng bẩm tính người luôn luôn giữ lòng ngay thẳng, làm lành lánh dữ, sẵn dạ thương người, bà con láng giềng ai ai cũng kính yêu.

Gia đình đã cầu hôn cho người, sắp đến ngày làm lễ sơ vấn, thì người đi đốn củi về chụm đặng lo đãi đằng bà



con trong cuộc lễ Tiểu đăng khoa. Người vào rừng, may gặp được cuốn kinh "Năm Ông" mừng rỡ, và khi trở về nhà, lại nặng lòng lo việc Đạo, bèn từ khước hẳn việc hôn nhân, dứt tình quyến thuộc, quyết tâm theo việc tu hành.

Thầy ra đến Cà Mau chọn nơi thanh tịnh lập một cái am, đêm ngày tụng niệm. Việc làm của thầy khiến một số người mỉa mai qua câu sau đây:

"Tu sao dầu lược điểm trang.

Tóc thời không cạo, dung nhan như dường".

Thầy rằng: "Nơi chốn Phật đàng,

Lấy câu sắc sắc làm đường phân phân".

Nhưng thầy vẫn kiên tâm theo Đạo, một lòng tin tưởng đức Phật Như Lai. Qua mấy năm tụng kinh niệm Phật, lòng thành của thầy đã được chứng minh. Thầy cất hai dãy nhà để nuôi bệnh, ở gần chùa, đặng săn sóc và cho thuốc men, ngày đêm lo lắng, không nề cực khổ gian lao, nên nhiều bệnh trầm kha cũng được lành mạnh. Theo lời các vị tiền bối thuật lại: Có lần chúa tể sơn lâm bị bệnh, cũng tìm đến thầy mà xin thuốc. Vì vậy, tiếng thầy được đồn đãi xa gần, từ Bãi Xàu, Ba Xuyên đến Bạc Liêu ai cũng đều kính phục. Bổn đạo càng ngày càng đông, kẻ góp công người góp của, xây dựng cảnh chùa và trùng tu cho tốt đẹp thêm.

Việc tu hành như thế, tưởng cũng đã yên, không ngờ tai bay họa gởi: thầy bị kẻ ganh hiền ghét ngỏ, vu cáo là

gian Đạo sĩ, cố tâm làm loạn. Thầy bị quan trên bắt giải về Gia Định. Bổn đạo lấy làm đau xót trước cảnh người ngay mắc nạn, khóc than thảm thiết, tất cả đều muốn đi theo, nhưng thầy vỗ về an ủi bổn đạo rằng: "Lòng thành rồi sẽ có ngày sáng tỏ".

Trên đường đi, thầy rất khổ sở, vì quan trên ra lệnh canh phòng nghiêm nhặt. Ròng rã mấy tháng trời, trải qua các nơi Láng Giài, Bạc Liêu, Trà Ôn, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Chợ Lớn, nơi nào thầy cũng được đón tiếp, sùng bái. Trước sự kính mộ của mọi người, từ xa đến gần, quan trên lại bày ra nhiều trò thử thách: nào là lót tượng Phật dưới chiếu ra lịnh cho thầy ngồi, trộn thịt với đồ chay bảo thầy ăn, nhưng thầy là bậc chân tu, nên tránh qua được mọi thử thách.

Đến chừng ấy, quan trên thấy thầy là đấng cao siêu chánh quả, bèn dâng sớ về triều đình bày sự thật. Sẵn lòng kính trọng đạo Phật, đức vua lấy làm thương xót cho người chơn tu mắc nạn, bèn sắc phong Hòa thượng.

Trong khi chờ đợi thánh chỉ, quan trên cho thầy tạm ở tại chùa Kim Chưởng. Nơi đây, thầy rất buồn bực. Phần thì tưởng mến bổn đạo, phần thì lo chùa chiền Cà Mau không ai chăm nom chu đáo, nên thầy than:

"Ngày đêm trắc trở chẳng yên,

Cà Mau cảnh nọ chùa chiền ai coi.

Tấm lòng mơ tưởng không nguôi,

Nằm đêm tưởng đến ngùi ngùi lụy rơi".

Đến ngày mồng ba tháng 6, thầy cho bổn đạo trong chùa Kim Chưởng biết thầy sắp thoát tục. Vị hòa thượng và bổn đạo đánh chuông, gióng trống inh ỏi, và đi báo quan trên.

Các quan lại dâng sớ về triều một lần nữa. Đức vua bèn ban cho hai cây gấm để tẩm liệm thi hài và đem linh cữu của thầy về Cà Mau an táng.

Ngày nay, tại chùa Quan Âm Tự Cà Mau, đứng giữa không gian vòi vọi là một cái tháp trang nghiêm gần bên phương trượng của chùa, nằm bên tay trái, khi đi vào: ấy là di thể của Đức Tổ Sư thoát tục về Tây Phương nêu lại đời đời một tấm gương cho phái đạo Thiền Lâm.

Trong kinh có câu: "NHẤT THIẾT DO TÂM TẠO, hễ làm lành thì gặp lành".

"Ai ai cũng ở trong trời,

Tu thời được phước, tránh nơi luân hồi".

Chùa xây cất tốt đẹp và sơn phết huy hoàng, trước sân và chung quanh đều có cây cối um tùm và bông hoa đua nở bốn mùa.

Ngày Tết, ngày rằm và vía lớn, đồng bào ở tỉnh lỵ và tín đồ ở mấy xã lân cận tề tựu đông đủ đặng lễ Phật.

Và cũng chính tại nơi ngôi chùa đồ sộ này, năm 1926 ông trụ trì Đào Bá Nhẩn, nhờ sự giúp đỡ của ông huyện danh dự Nguyễn Công Khanh, (năm ấy nắm quyền chủ



quận Cà Mau) có tổ chức lễ Trường Hương, Trường Kỳ được kết quả mỹ mãn. Và nhờ sự có mặt của nhiều vị hòa thượng ở lục tỉnh đến, nên Chùa Đức Phật Tổ càng nổi tiếng thêm.

oOo

CHÙA BÀ MÃ CHÂU

Chùa này hiệu là "Thiên Hậu Thánh Mẫu" tục gọi là Bà Mã Châu, ở trung tâm tỉnh lỵ, nằm cạnh ty Bưu điện cũ, trước mặt là ngã ba sông Gành Hào, tại mé sông có sân rộng lớn tráng xi măng, có nhiều quán bán thức ăn và

uống và một cây xăng, sân có hàng rào bằng gạch bao quanh

Ngôi chùa tuy xây cất theo cổ lệ như chùa Huê Kiều ở các nơi khác, song nguy nga đồ sộ có nhiều cây cột bằng đá xanh, cửa bằng cây danh mộc, kèo, đòn tay và khánh thọ đều chạm trổ và sơn son thếp vàng rất công phu.

Chính giữa là chánh điện, nơi thờ Bà, trước bàn, đủ các đồ nghi trương, lỗ bộ và hai cây lọng lớn, hai bên có đông lang, tây lang, sau là nhà kho và hầm bê tông chứa nước mưa.

Trải qua bao biến cố, ngôi chùa vẫn đứng sừng sững còn nguyên vẹn: đó là công trình của ba Bang: Triều Châu. Hải Nam và Quảng Đông.

Ngày đêm, khói nhang nghi ngút, ánh đèn rực rỡ. Bá tánh, nhất là trong ngày rằm và vía lớn, phần đông là Huê Kiều rầm rộ và thành tâm đến cúng kiến thỉnh nguyện, tạo ra một cảnh tấp nập nhưng tôn nghiêm.

Trước kia mỗi năm rằm tháng Giêng là ngày vía Bà cúng lớn, luôn mấy ngày đêm và thường có hát Tiều trọn 1 tuần lễ. Khi bế mạc, lại có tổ chức cuộc cho vay tiền bạc và hồng cam: người vay cho rằng tiền bạc đem về làm ăn mau phát đạt, còn trái cây ăn nên thuốc. Vay thì một phải trả hai, không cần làm giấy nợ, tài phú của chùa chỉ biên tên họ và địa chỉ người vay vào sổ, song ai nấy đều sòng phẳng qua rằm năm tới

Cuộc lễ hào hứng nhất là "thí giàn".

Giàn cất cao lối năm thước, bề mặt 6 th x 15 th, trên lót ván rầm và chất đầy giỏ trái cây và thịt heo, đụng thì gắn kẹo đậu phụng, kẹo mè, bánh in, bạc giấy v.v... do các thương gia đem đến cúng. Chính giữa giàn, để hình ông Tiêu bằng giấy bồi, lớn cỡ người thật, trong bụng để một số bạc vài chục đồng. Đây là món hấp dẫn nhất mà ai ai cũng hờm sẵn chờ khi cúng xong và nghe tiếng trống thứ nhất vừa đánh thì lẹ làng trèo lên móc ruột ông Tiêu mà lấy số tiền. Nhiều khi, người đi giựt giàn đổ máu với nhau, chỉ vì ông Tiêu.

Đến nay, tục lệ: hát Tiều, cho vay và thí giàn không còn nữa vì gây tốn kém quá nhiều cho quỹ nhà chùa.

Trong ngày vía và rằm khác (Trung Ngươn và Hạ



Ngươn) khách thập phương mang nhang đèn và lễ vật đến chùa cúng rất nhiều.

Trong chùa, lại còn cho xin xăm và bàn xăm như tại Lăng Ông Bà Chiểu, song khác một điều là người ngoài không được bàn xăm và bán nhang đèn, vì là độc quyền của ông Từ (ông nầy cai quản và săn sóc chùa không có lãnh thù lao mỗi tháng).

Lối 50 năm về trước, năm nào nắng hạn lâu ngày và khí trời oi bức, thường có "Nhộn" tức là bệnh truyền nhiễm như: thiên thời, dịch hạch, trái giống v.v... thì ban Trị sự chùa tổ chức lễ: "Lên giàn hỏa".

Người ta đốt than trước cho kịp cháy đỏ, trên sân chùa, độ khoảng 3 th x 10 th, bề dày chừng 10 phân. Khi đúng Ngọ (12 giờ trưa), một người lực lưỡng ăn mặc như hát bội: đội mão, mang gươm có treo lục lạc, mặt vẽ rằn ri dữ tợn, quần màu đỏ chói, đi chân không, (cũng có mang lục lạc), chạy tới chạy lui đôi ba chục lần gần đống than lửa này. Sức nóng đến đỗi, đứng xa 5, 6 thước, mà chịu không nổi. Người ấy chạy gần lửa, mặt mày đỏ ké mồ hôi ướt đầm, mà chân không bị lửa táp.

Gần đây, nhất là ban đêm, nhiều người có "máu đỏ đen" đến xin xăm, cầu Bà ứng mộng vài điềm chiêm bao đặng bàn đánh đề "số đuôi", là môn cờ bạc thịnh hành tại Cà Mau, mặc dầu nhà chức trách địa phương vận dụng đủ mọi phương cách ngăn cản và lùng bắt.

CHÙA ÔNG BỔN

Chùa này trên 100 năm rồi, trước kia, cất tại ngã ba sông Gành Hào, nơi là Ty Công chánh hiện nay.

Theo lời các bô lão kể lại, chùa Ông Bổn do ban Phước Kiến tạo lập mang hiệu là "Phước Lãnh Miếu". Trong chùa, có đến 2 sắc thần phong là "Phước Đức Chánh Thần" vào thiên hiệu Tự Đức thứ 8 năm 1856.

Trong sắc thần thứ nhất ghi thêm chữ: "Lạc Hòa" và trong sắc thứ nhì, có đề: "Lạc Hội". Ngoài 2 sắc thần kể



Chùa Ông Bổn tại xóm Phước Kiến đã cất lại bằng vật liệu nặng

trên, lại còn một cái khánh, sơn son thếp vàng phía trong khắc một chữ "THẦN" rất lớn và thờ một tượng bằng cây bề cao lối 3 tấc, mà người Phước Kiến gọi là: "Ông Bổn".

Khi người Pháp đến đặt nền thống trị tại Cà Mau, hồi cuối thế kỷ vừa qua thì địa điểm nói trên được chọn để xây cất văn phòng và dinh chủ quận. Vì vậy chùa Ông Bổn bị bắt buộc dời đi nơi khác.

Sau khi xem địa thế, ban Phước Kiến nhận thấy do Rạch Rập là nơi thuận lợi nên họ chung đậu tiền bạc cất chùa lại tại địa điểm mới.

Nhiều ông Bang trưởng tuần tự điều khiển chùa nầy: Bang Tọn, Bang Yên, Bang Lò, Bang Tịnh, Bang Cọ, Bang Chánh, Bang Hổ, Bang Nam v.v... Lớp người trước chết đi, con cháu họ vẫn tiếp tục công việc thờ phượng của ông cha, và một phần lớn do sự liên hệ hôn nhân, lần lần, họ đồng hóa với người Việt Nam, để rồi cuối cùng trở thành người Việt Nam thiệt thụ. Vì vậy, lối 40 năm sau này, chùa Ông Bổn do người Việt Nam đảm trách việc cúng tế. Và nếu không có tên xóm Phước Kiến còn lưu lại đến ngày nay, thì ít ai còn nhớ cội rễ chùa nầy do người Phước Kiến tạo ra.

Biến cuộc năm 1945 đã tàn phá di tích cũ: Chùa bị đốt, các cây da cổ thụ trước chùa bị đốt sạch và sắc thần cũng bị vạ lây.

Khi đồng bào xóm Phước Kiến hồi cư vào đầu tháng 5

năm 1946, thì kẻ công người của dựng lên một cái miễu bằng lá tạm dùng nơi thờ phượng.

Mãi đến năm 1960, nhờ sự nâng đỡ của chánh quyền cùng sự đóng góp của đồng bào, chùa Ông Bổn được xây cất lại bằng gạch ngói, có một vỏ ca ba căn, một thảo bạc nguy nga tráng lệ, để thờ phượng.

Hằng năm, đến kỳ đáo lệ, ngày rằm và 16 tháng giêng â.l ngoài sự chung lo của đồng bào địa phương, còn sự chăm sóc và tham dự của Hương chức xã Tân Xuyên.

Trước kia, mỗi lần cúng, cũng heo cúi lễ vật, nhưng có tục là quan khách chỉ ăn toàn là mì xào: thứ mì kỹ xào với con hàu tươi, tôm khô và thịt heo, có đến cả chục chảo đụng để ăn thay thế cho cơm.

Khi cúng xong, đồ ăn dọn lên trên 9, 10 bộ ván, một người đánh phèn la vang rền cho đồng bào trong xóm hay đến dự tiệc. Mỗi năm thường có nhiều chiếc ghe nóc của người Phước Kiến ở tận Rạch Gốc, Năm Căn và Ông Trang đều cách Cà Mau trên 60cây số qui tụ về đặng dự kỳ đáo lệ, đậu từ vàm Rạch Rập đến ngã ba Gành Hào, dài trên 300 th.

Kể từ năm 1960 về sau, tục lệ cúng kiến được thay đổi: ngày rằm thì cúng và đãi chay qua ngày sau thì ròng là mặn, cho hạp với thời buổi này, và tục lệ ăn mì xào không còn nữa.

oOo

MIỄU ÔNG THẦN MINH

(Tiểu sử ông Nguyễn Hiền Năng)

Năm Nhâm Tuất (1802), Đức Thế tổ nhà Nguyễn, niên hiệu Gia Long, dẹp yên nội chiến và thống nhất giang sơn.

Qua năm Canh Thìn (1820) vua Minh Mạng lên kế vị.

Đức Minh Mạng là ông Vua thông minh, cần mẫn, hết lòng lo việc nước. Về phương diện chính trị, để đi sát nhân dân và điều hòa nền hành chánh: nhà vua chủ trương chia quốc gia ra tỉnh, phủ, huyện, tổng và xã.

Trong khuôn khổ đó, đất Nam Kỳ được chia thành 6 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, thuộc miền Đông và Long Hồ, An Giang, Hà Tiên thuộc miền Tây.

Cà Mau hiện nay là huyện Long Xuyên, thuộc tỉnh Hà Tiên.

"Long Xuyên" là địa danh do vua Gia Long đặt ra, sau khi quan sát cuộc diện; ba con sông lớn (Ông Đốc, Gành Hào, Quan Lộ) chạy vắt qua một vùng đất khá phì nhiêu.

Theo truyền thuyết vào khoảng năm 1837 dưới triều vua thánh tổ Minh Mạng, ông Nguyễn Thiện Năng (mà về sau nhiều người Nam gọi trại là Nguyễn Hiền Năng) người sinh trưởng ở miềnTrung, được vua sắc phong tri huyện và bổ đến trấn nhậm huyện Long Xuyên

Quan huyện đem gia quyến, gồm một vợ và một con nhỏ, cùng đoàn tùy tùng đến nơi nhậm chức. Ngài là một vị quan trẻ trung, văn võ kiêm toàn, thanh cần liêm chánh, nên suốt thời gian trấn nhậm, rất được nhân dân trong huyện tôn trọng và kính mến.

Thời bấy giờ, nước nhà đã được tự chủ, sự giao thông dễ dàng, nên các ngoại kiều, nhất là Khách trú (Hoa Kiều) phần đông họ Quách, từ Tân Gia Ba, Xiêm La (nay là Thái Lan), Cao Miên tràn sang đây lập nghiệp và ra sức cạnh tranh với người bổn xứ trong thương trường.

Trong thời gian trấn nhậm huyện Long Xuyên, ngài cai trị rất nghiêm nhặt và thẳng thắn. Những người ỷ thế hiếp cô, buôn gian trốn thuế... đều bị ngài đòi tới nha huyện trừng phạt nặng, như đóng gông, xư trượng, giam hậu v.v...

Ngài thương mến người bổn xứ, nhưng đối với người Hoa Kiều, ngài ít cảm tình, nên trong việc phạt vạ, họ thường bị nhiều cực hình khổ khắc. Vì thế, mối căm thù ngấm cháy trong lòng họ, và ngày đêm họ mong chờ cơ hội để vùng dậy báo thù.

Đến năm 1851, là năm Tự Đức thứ 4, trong nước có nhiều loạn lạc, giặc giã cướp bóc nổi lên đánh phá tứ tung.

Thừa cơ hội ấy, và lợi dụng mối căm thù âm ỉ cháy trong lòng họ Quách tại huyện Long Xuyên, phủ Liếm cũng là người Hoa Kiều (chức Phủ thời đó là chức Bang trưởng gần đây), bèn xúi giục và cầm đầu một số người họ

Quách nổi lên đánh phá xóm làng, phía Sóc Trăng rồi đánh tràn qua Cà Mau với mục đích xưng hùng một cõi và sát hại quan huyện Năng đặng rửa hận.

Trước tình hình đó, quan huyện, với ý định giải hòa, sai hai tên lính lệ đi tìm mời Phủ Liêm và một ít người trong họ Quách đến nha huyện đặng thảo luận.

Bấy giờ Phủ Liếm và thuộc hạ đang hội họp để bàn mưu định kế đánh phá nha huyện nên khi hai lính lệ đến nơi liền bị chúng bắt trói. Đồng thời chúng dùng ghe lớn chèo đến tấn công nha huyện.

Được tin cấp báo, biết rằng nguy cơ đã đến, mặc dầu đang bị đau nơi chân ngài và phu nhơn (vốn cũng là người võ nghệ siêu quần) cùng nghinh chiến với quân phiến loạn. Ghe giặc cặp bến. Quân giặc ồ ạt tràn lên bờ. Ngài và phu nhơn dốc toàn lực chống lại quân thù. Nhưng quả bất địch chúng hai vợ chồng đành mở cửa sau dìu dắt con thơ chạy trốn vào rừng và tìm cách sang sông quan lộ; ẩn trú sau xóm Phước Kiến. Quân giặc xông vào đập phá nha huyện và theo dấu truy tầm ngài rất gắt. Quá tức giận vì không tìm ra được tung tích ngài, bọn chúng mới truyền rao: Nếu dân xóm Phước Kiến không bắt quan huyện đem nạp, thì cả xóm phải bị thiêu hủy.

Vì lòng nhân đạo, không nỡ để dân lành liên lụy vì mình, ngài quyết một mất một còn với giặc: liền nhờ người đưa sang sông, trở lại. Thuyền vừa cặp bến tại quãng cách chùa Cô Hồn hiện nay chừng 50 thước, thì quân giặc xông

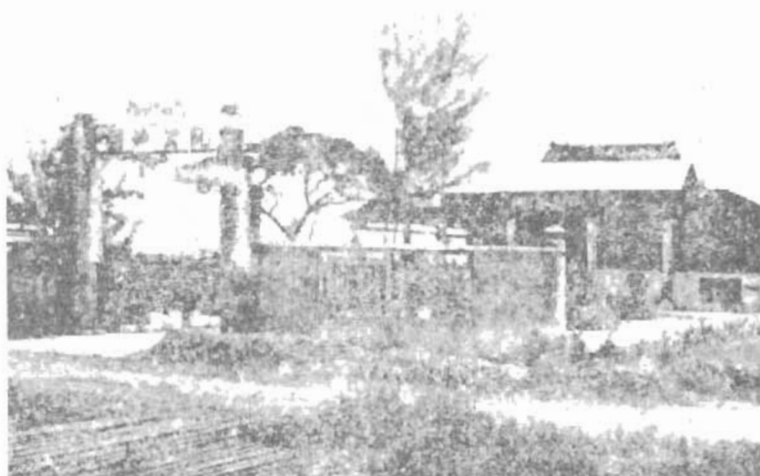
vào đâm chém dữ dội. Ngài và bà huyện tay bồng con chống trả kịch liệt. Quân giặc từ khắp nẻo kéo đến mỗi lúc mỗi đông. Xác giặc nằm ngổn ngang trong trận địa. Liệu không thể đương cự trước thế giặc quá mạnh, Ngài thì cản giặc, phu nhân thì bồng con mà chạy trong tiếng reo hò của kẻ địch cho đến mút xóm. Đến đây, ngài và bà đều sức tàn lực kiệt...

Hai ông bà huyện bị quân giặc hạ sát một cách thảm thương, còn đứa con nhỏ, giặc không ngần ngại nắm hai chân vung lên cao mà đập xuống đất vỡ sọ chết tốt.

Thi hài cả ba, không hòm, không chăn chiếu... bị quân giặc vùi dập chung vào một hố ngay địa điểm trận đánh cuối cùng.

Từ đó giặc họ Quách hoành hành tại huyện Long Xuyên, nhưng, chẳng bao lâu quan huyện Tiếp, trấn nhậm huyện Kiên An, hay hung tin liền xin viện binh của triều đình xuống huyện Long Xuyên dẹp quân phiến loạn. Giặc họ Quách do Phủ Liếm cầm đầu bị thảm hại, lớp tử thương, lớp bị bắt sống, lớp thoát chạy tản lạc...

Người ta đồn rằng quan huyện Nguyễn Thiện Năng tuy đã ra người thiên cổ nhưng hồn thiêng không chết thường ứng nhiều điềm linh.... Từ đó về sau, không rõ vì nguyên nhân nào, người Hoa Kiều mang họ Quách còn ở lại đây thường bị chết một cách bất ngờ và thảm thiết: có người đang mạnh giỏi nửa đêm đâm ra hốt hoảng la lên, rồi hộc máu ngã lăn ra chết. Người Hoa Kiều nhất là người



thuộc dòng họ Quách và cả dân chúng trong huyện đều tin tưởng, là hồn thiêng của Ngài ứng lên để giải oan hoặc báo thù (?).

Năm 1886, dưới triều vua Hàm Nghi (trước khi bị Pháp bắt) để được sống an toàn vì sự tin tưởng trên, một số Hoa Kiều sinh sống ở Cà Mau hợp nhau xây mộ đá và dựng miếu thờ ngay trên phần đất mà xưa kia họ Quách đã vùi dập Ngài và vợ con. Miếu nầy sau lại dời về gần Cầu Quây bây giờ. Kỳ diệu thay! Kể từ đó, khách trú họ Quách được yên ổn và làm ăn càng ngày càng phát đạt. Để nhớ ơn Ngài, mỗi năm, đến ngày mồng 6 tháng 7 â.l. người Hoa Kiều chung đậu tiền bạc cùng người bổn xứ thành kính đến miễu thờ Ngài để quy tế long trọng.

Và những ai xuôi ngược trên dòng sông Quan Lộ, đều chú ý về phía hữu ngạn, sừng sững một ngôi miếu, kiến trúc theo lối cổ điển phía hậu có ngôi mộ to tướng. Đó là miễu thờ (ông Thần Minh) - một húy mà nhân dân trong huyện dùng để suy tôn quan huyện Nguyễn Thiên Năng.

Năm 1938, chánh phủ Pháp khởi sự làm cây cầu quây trên sông Quan Lộ, để nối liền lộ trình Cà Mau - Bạc Liêu. Miễu và mộ quan huyện nằm ngay dưới phần đất thuộc dốc cầu, nên vị chủ quận bấy giờ ra lệnh cho Hương chức sở tại cải táng hài cốt Ngài và vợ con tại khoảng đất giữa chùa Quan Âm Cổ Tự và đình xã Tân Xuyên ngày nay.

Vì đã trải qua một thời gian khá lâu, hơn nữa, lúc chôn cất không hòm quách, nên lúc khai mộ, người đương thời chỉ lấy được một cái sọ lớn, vài ống xương chân .

Lễ cải táng được chánh quyền cho phép tổ chức trọng thể, có hương chức làng, tổng và một đội lính đi đưa. Bài vị và tước của Ngài được đưa tạm thời vào đình làng cho ngày tái lập miếu mạo.

Ngày qua tháng lại, kế đến những năm giặc giã, rồi tiếp theo cuộc chính biến năm Ất Dậu 1945, công việc tái lập miếu không tiến hành được. Mãi đến năm 1955, miếu võ được trùng tu, bài vị và tước của Ngài đem về thờ phượng tạm tại đình xã.

Năm 1963, nhờ sự giúp đỡ của các vị hảo tâm cùng nhau kẻ góp công, người góp của xây cất ngôi "Nguyễn

Công Thần Tự" để thờ phượng Ngài.

Giờ đây với tâm thành hoài niệm các bậc tiền bối, toàn kẻ hậu sinh là các con của xứ Cà Mau xin kính cẩn ghi lại cuộc đời trung cang nghĩa khí của Ngài, gọi là nghiêng mình dâng lên anh linh Ngài một nén tâm hương và đóng góp vài nét sử liệu vào quyển lịch sử Cà Mau (tỉnh An Xuyên) một tỉnh cuối cùng của miền Nam nước Việt, được thành hình bằng máu đào xương trắng của bao nhiêu đấng anh hùng liệt sĩ.

oOo

CHÙA CÔ HỒN

Tại tỉnh lỵ Cà Mau, cách đập kinh 16 lối 150 th, hướng về phía lò heo cũ là một ngôi chùa kiến trúc theo lối kim thời bằng vật liệu nặng, tráng lệ và rộng rãi. Trước chùa một cái sân lót gạch tàu thường cho các chành mướn đặng phơi lúa hột hoặc chất lúa đã vô bao: ấy là chùa Cô Hồn do hai Bang Hải Nam và Khẹ (Hakas) chung đậu tiền bạc xây cất cách đây lối 35 năm. Nơi đây cũng là chỗ mà ông huyện Nguyễn Thiện Năng, chủ quận huyện Long Xuyên (Cà Mau cũ) trấn nhậm và bị bọn người Tàu họ Quách giết với vợ và đứa con duy nhất, đặng trả thù chánh sách cai trị nghiêm khắc của quan huyện đối với gian thương.

Nhiều người lầm tưởng là chùa nầy để thờ một cô nào đó hoặc có tên HỒN: sự thật là chùa của 2 bang nói trên thiết lập ra đặng thờ những vong hồn cô đơn bị bỏ rơi,

không ai cúng kiến (theo tự điển Đào Duy Anh dịch ra tiếng Pháp là "âmes abandonnées, sans culte".

Một vài nhơn vật gốc Hải Nam tại Cà Mau, như ông Bang Son ở ấp Ò Rô, xóm Tân Thuộc và con ông Chúa Tàu Cúi ở vàm sông Ông Đốc, có người mẹ là bà Mười Tàu Kích vừa tạ thế cách đây vài năm, đã thuật lại sự tích chùa Cô Hồn như sau:

"Trước năm 1910, Cà Mau và Rạch Giá là 2 nơi có nhiều nhất người "Huê Kiều thuộc bang Hải Nam, vì lẽ 2 tỉnh nầy ở phía Đông vịnh Xiêm La gần Tân Gia Ba ở phía Tây Nam nên tàu buồm thường ở tận cù lao Hải Nam đến buôn bán mỗi năm, nhất là trong mùa hạn.

"Họ đến trên tàu buồm bằng cây thông, mỗi tàu có 3 cột buồm (đôi khi tàu nhỏ thì 2 buồm. Bánh thì lại to lớn, tay lái bề tròn trên 0 th 50, phải có 2 người tài công lực lưỡng điều khiển mới bẻ qua bẻ lại được. Người địa phương gọi là "Tàu ô" (Tàu của bọn cướp biển) tàu Hạ (ở Tân Gia Ba đến) hay tàu Hải Nam (ở cù lao Hải Nam tới) chở đầy nhóc: đầu lửa, ống quẹt hiệu con sấu, vải đen còn gọi là vải hạ, bánh bích qui nhỏ cỡ đầu ngón chơn cái phía trên có gắn bông đường màu hường đựng trong thùng thiếc củ hành, cam tàu, hồng khô, trái vải. Đôi khi tàu chở á phiện lậu giấu trong cột buồm và nhiều thùng rượu whisky "Black with" dưới hầm phía trên có 2 nắp đậy kín. Bi sở thương chánh Cà Mau khám phá nhờ có người điểm chỉ, có một lần tàu và đồ quốc cấm, bị tịch thâu, Chúa tàu và thủy thủ

thì áp giải về Sài Gòn giao cho Sở Tân Đáo ở Chợ Cũ đặng trục xuất về Tàu.

Khi đến bến, tàu neo dưới sông từ đầu kinh 16 đến lò heo cũ, lối 1 tháng, vừa cất hàng, vừa ăn (mua) khô lóc, khô bổi (cá sặt lớn con), khô bẹ, cá mặn, tôm khô, chiếu lát trắng chớ không mua loại có màu, lát nguyên sợi cột thành bó. Năm nào đìa bàu thất mùa, hoặc "chìm" (bị ngập nước khi mưa lớn) tàu chưa được khẳm, thì họ phải chở thêm cả trăm con heo cho đầy tàu.

Khi tàu lui ra tới vàm sông Ông Đốc, thì trực chỉ Tân Gia Ba (Singapour), chớ ít khi ra biển Trung Hoa đặng về cù lao Hải Nam. Vì lẽ ấy, nên tại Rạch Giá và Cà Mau, dân chúng thường gọi là tàu Hạ.

Theo truyền thuyết vài người Tàu thuộc bang Hải Nam vừa kể trên; thì không được biết chắc chắn dưới trào vua nào (Gia Long hay Minh Mạng?) hải quân Việt Nam đi tuần tiễu dọc theo duyên hải chia ra làm ba chặng: Hà Nội-Vũng Tàu-Mũi Cà Mau, sau rốt, Mũi Cà Mau-Hà Tiên.

"Trong một đêm tăm tối, tại miền Trung, tàu tuần bắt gặp một chiếc tàu Hải Nam 3 buồm chở cả thảy 109 người toàn là đàn ông gồm chúa tàu, tổng khậu (đầu bếp) thủy thủ và lối 10 chú tững (con nít) để sai vặt Việt Nam nghi đó là tàu ô đi ăn cướp, vì trong lúc khám xét mấy hầm tàu gặp nhiều bạc nén, vàng thoi và nữ trang đắt giá, chớ không có hàng hóa chi cả.

"Khi 2 bên giằng co nhau, một trận đấu khẩu kịch liệt xảy ra: rốt cuộc 1 thủy thủ Việt Nam và ông chúa tàu ẩu đả rồi trong lúc xô xát với nhau ông bị trợt té đập đầu vào be tàu bể óc chết liền. Bọn thủy thủ tàu Hải Nam đâm ra uất hận toan làm dữ nên tất cả đều bị hải quân Việt Nam chém quách hết thi hài quăng xuống biển làm mồi cho cá mập. Chỉ còn sống sót 1 chú tững nhờ đêm tối lén chun trốn trong kẹt hầm, phía sau lái có một cái ky lớn đậy kín lại?

"Tàu được dòng về cố đô Huế và tiền bạc bị tịch thâu hết. Vài ngày sau vụ hành quyết tập thể nầy được phát giác, nhờ chú tững còn sống sót tố cáo với vợ ông chủ tàu là người Việt Nam thuộc dòng dõi nhà vua.

"Chú tững nầy thuật lại sự việc rùng rợn đã xảy ra. Và cách đó chẳng bao lâu, bà vợ ông chủ tàu tình cờ bắt gặt 1 người lính thủy Việt Nam khi dạo phố phường, có đeo một chiếc nhẫn bằng vàng y, nhận hột màu hường có gọt cạnh: đó chính là món nữ trang kỷ niệm của bà tặng cho chồng. Bà bèn đến yết kiến Hoàng thượng và rất tiếc kết cuộc ra sao không ai được biết?

"Vài tháng sau, linh hồn ông chúa tàu và một số thủy thủ thường về ứng mộng cho gia đình, nhất là cho mấy ông chúa tàu đi buôn qua Việt Nam và Tân Gia Ba, nên nhiều tai họa thảm khốc như bão tố thình lình, hoặc tàu bị "phá nước" (lủng lỗ khi chạm đá hàn ngoài khơi). Nhờ đó, thủy thủ kịp thời cho tàu hướng về chỗ an toàn trú ngụ hoặc

khám phá chỗ lủng mà trám lại cho tàu khỏi bị đắm.

"Còn nhiều chuyện hiển linh khác nữa của vong hồn 108 người bị giết nhập xác lên đồng báo tin cho tàu Hải Nam tránh được nhiều cuộc cướp bóc của tàu ô.

"Vì các lẽ nói trên người Hải Nam sinh sống tại Cà Mau và rải rác trên lãnh thổ Việt Nam lập ra Chùa Cô Hồn đặng thờ vong hồn những người Hải Nam chết oan không có bà con quyến thuộc thờ phượng và cúng kiến.

Tất cả những chuyện trên là lời đồn hư thực thế nào thì chưa được rõ.

oOo

Mới đây, nhơn dịp ngày Xuân Nhâm Tý (1972) tôi có đến nhà hàng "Thiên Nam", số 53 đường Công Lý (Pasteur) và hân hạnh được hầu chuyện với Ô.X... một người Hải Nam chính tông 47 tuổi giúp việc tại đây, nói khá rành tiếng Việt. Ông cho tôi biết ông là người sanh trưởng tại cù lao Hải Nam hiện cha mẹ còn sanh tiền tại đó, ông đã lìa quê hương trên 20 năm nay, không có dịp trở về cố quốc, và cù lao Hải Nam dân số trên 3 triệu. Dân Hải Nam có thể đáp máy bay từ Sài Gòn về Hôngkong mà thôi. Còn muốn về cù lao Hải Nam nếu không phải là người có thế

lực và thân chánh quyền thì phải lén đáp tàu Anh quốc nhổ neo lúc ban đêm mà trốn đi.

Ông lại cho biết thêm một vài tài liệu quan trọng nữa: "trên cù lao hiện nay, không biết bao nhiêu chùa cô hồn dọc theo mé biển đã lập ra gần 1 thế kỷ rồi đặng thờ vong hồn của trên 100 người Hải Nam bị giết ngoài biển Trung Hoa (chớ không có nói đúng là 108 người) nhất là trong những xóm có tàu buôn và tàu đánh cá, vì họ thường linh đinh trên mặt bể.".

Chúng tôi đinh ninh rằng những tài liệu do nhiều người Huê Kiều, Hải Nam cung cấp trên đây chưa đúng.

Xin quí vị độc giả vui lòng bổ túc cho sự tích "Chùa Cô Hồn" được hoàn mỹ.

---

(1) Rất tiếc không chụp được ảnh chùa, vì trước sân nhiều quán dựng lên bít hết mặt tiền.

oOo

MIỄU GIA LONG

Khỏi cầu quay Cà Mau phía Kinh Xáng đi lên Ô Rô, lối 200 thước, còn một cái miễu nhỏ xưa gọi là "Miễu Gia Long" còn gọi "Miễu Quốc Công" hoặc "Âm dương thần".

Miễu này lối 08 th x 10 th trước kia không được trùng tu, nên coi mòi u tệ: sân cỏ mọc um tùm có một cây dương cao và cằn cỗi, trong miễu nền đất đóng rong xanh lè vách

thì nhện giăng tứ phía. Miễu do vua Gia Long hạ chỉ lập ra để thờ các vị công thần , lúc ngài chạy xuống miệt Cà Mau.

Trong miễu, thấy một cái bàn thờ cũ kỹ, sơn son thếp vàng, đã phai màu, trên để nhiều bài vị, lư hương và một cái hộp cây lớn bị mọt ăn nhiều chỗ. Hộp này đựng nhiều tờ giấy bạch có viết chữ Nho, chữ còn chữ mất, khó mà đọc được. chỉ biết đó là sắc vua ban, ghi nhiều tên và chức vị các quan tùy tùng, hoặc chết vì bệnh tật, hoặc bỏ mình trong lúc đi hộ tống, trong đó có tên Nguyễn Văn Vàng, tử trận tại sông Khoa Giang và nhiều quan võ khác cũng mang họ Nguyễn.

Mỗi buổi chiều, một ông từ đến đốt nhang rồi về, chớ ít khi cúng tế.

Trước năm 1945 khi nào nhộn, thì hương chức làng An Xuyên làm lễ gọi là "Tống gió".

Người ta kết một chiếc tàu nhỏ bằng bẹ dừa nước, để trên một cái bẹ chuối khá to độ 2 th x 5 th, trang hoàng hình nhơn mang cờ xí đủ màu sắc, coi rất ghê sợ.

Sau khi hành lễ trong miễu xong thì lối rạng đông, ba hồi trống nổi lên inh ỏi đèn sáp đốt sáng trưng trên tàu, nhang cắm khắp chỗ: lối 20 người dân lực lưỡng khiêng chiếc tàu xuống mé sông. đặt trên bè chuối chờ ghe dòng ra sông Ông Đốc.

Trong chiếc tàu. có một con heo tươi ít lắm là một tạ,

gà vịt, xôi chè và bánh trái đủ thứ. Lại thêm một mâm đèn với một hộp á phiện.

Trước mũi ghe, thầy Mang là thầy Pháp trứ danh ở Rạch Rập, mặc đồ đen, thắt dây lưng đỏ mặt mày vẽ rằn ri, tay cầm gươm sáng trắng, quơ qua quơ lại, hò hét vang dậy dưới sông.

Ghe tới ngang nhà nào, thì trên bờ nhà đó phải bỏ muối cục vào lửa mà đốt cho nổ lên.

Khi ghe dắt chiếc bè ra tới ngã ba sông Ông Đốc và Rạch Giếng thì đợi đến nước ròng chảy thật mạnh, mới vứt dây cho bè trôi ra biển, nói đúng hơn là ra vịnh Thái Lan.

Nhưng bè và tàu không hề trôi tới vàm sông Ông Đốc được, vì cách Rạch Giếng lối 10 cây số là tới Rạch Cui, một sốc Miên đông đảo. Họ đã đoán trước lúc nào bè trôi ngang qua, nên hờm sẵn nơi đó, kéo bè và tàu lại, dọn hết các đồ vật cúng quảy mở yến tiệc linh đình tại mé sông, rồi phá cho bè chìm.

oOo

MIẾU CÁ ÔNG

Tại rạch Ông Trang, thuộc xã Viên An, cách vàm trên 100 th, kế bên Hội đồng xã có một ngôi miễu thờ cá Ông, trên 50 năm rồi.

Ở gần biển, khi cá Ông "lụy" (chết) thây thường trôi tấp vào bờ, vì sóng đánh.

Tục truyền rằng: Cá Ông thường hay cứu vớt người đi biển ngộ nạn. Khi gặp ghe sắp bị đắm vì giông tố, cá Ông trồi lên mặt nước, đỡ ghe đưa vào trong cạn. Hễ cá Ông đi, thì luôn luôn một cặp cá đao theo hộ vệ hai bên mình, con nào cũng có đao dài trên 1 th.

Cá Ông thì hiền từ, còn cá đao dữ tợn: hễ gặp con cá nào muốn chạm đến mình cá Ông, thì hộ vệ tả hữu dùng đao của mình chặt qua chặt lại lia lịa và thật mạnh. Cá nào gặp đao nhọn và bén này đều phải tan xương nát thịt. Đôi khi sóng to gió lớn nổi lên thình lình, hoặc bão bùng liên tiếp, cá Ông rủi bị đánh giạt mạnh vào đá, thì lụy. Khi biết hung tin này, mấy người chuyên nghề hạ bạc đều nghỉ việc, tựu tập lại, bè ghe lớn đặng rước xác cá Ông về xóm lập miễu thờ.

Tại miễu Cá Ông ở rạch Ông Trang, người ta thờ cái đầu lớn cỡ cái mái bâu và chút ít xương, sau khi tẩm vào rượu trắng và phơi khô.

Bàn thờ cá Ông nằm giữa, hai bên có một cặp đao của cá đao, cắm vào bệ bằng cây. Cặp đao này chỉ dài lối 1 th, một cái lâu ngày bị gãy chót trên, chớ đao lớn có thể dài đến 1 th rưỡi (như con cá đã bắt được năm 1925 tại cửa Bồ Đề, mà cái đao bán cho Ông Rạch Biện Thái ở Xóm Thủ).

Đầu cá Ông thờ trên bàn trùm vải đỏ, còn gặp đao thì



Xóm và Rạch Ông Trang với cầu khỉ.
Cách vàm rạch nầy lối 100 th, là "Miễu Cá Ông".

để trần, trông oai nghiêm và rùng rợn.

Ngày cúng miễu hàng năm thường là không nhất định, vì còn tùy theo thời tiết và gió xây hướng sớm hay trễ. Bà con trong xóm tựu lại đông đủ, vật heo cúi làm gà vịt và nấu chè xôi đặng cúng tế, xong rồi, đoàn ghe đánh lưới mới dám trương buồm ra khơi.

Năm nào cũng vậy, lần đầu tiên ra khơi, khung cảnh thật rộn rịp và vui vẻ, vì ghe nào cũng đều treo cờ vải nhỏ ngũ sắc, dài theo dây chằng cột buồm từ trên chót xuống đến be ghe, ở xa thấy như cờ treo của mấy trạm xăng tại Sài Gòn.

CHƯƠNG V
VÀI TẬP QUÁN, TỤC LỆ CỔ TRUYỀN

Trong mấy vùng xa xôi, còn nhiều phong tục và tập quán lưu lại đời nầy qua đời khác khó mà canh tân được, vì mấy ông kỳ cựu, nhất là bà lão, cho rằng: Những tục lệ ấy chính là của tổ tiên ta truyền tử lưu tôn, chớ không phải là của người Tàu nhập cảng!

Ta gặp nhiều nghi lễ phiền phức trong các việc quan hôn, tang tế và cách trị bệnh. Nhiều phong tục, tập quán chịu ảnh hưởng sâu xa về sự tín ngưỡng quỷ thần của Trung Quốc, gây không biết bao nhiêu tai họa, làm cho người bệnh chết oan uổng, hoặc mang tật suốt đời.

NHÀ CỬA - Trong thôn quê, ít nhà vách tường cột gạch, mặc dầu nhiều người giàu với ruộng nương cò bay thẳng cánh. Thường thường, nhà lá, mái dày lắm khi đến 3, 4 tấc, hoặc nhà ngói vách lá (vách ván), ba căn suông, hay có hai chái gọi là "nhà trên". Kế đó là "nhà dưới" dùng vào việc bếp núc và làm vựa lúa. Phần đông nhà dưới thường đâm nóc xuống sông.

Trước mặt nhà trên, thường có "thảo bạc", không cửa nẻo và vách phên chi hết.

Khi muốn cất nhà, người ta coi ngày trong lịch Tàu và lựa hướng tốt. Khi thượng đòn dông, chủ nhà cúng kiến và treo một cuốn lịch Tàu mới với một miếng vải đỏ lối 6 tấc vuông, vẽ hình bát quái đề chữ: "Khương Thái Công tại thử". Lễ ấy gọi là: "Thượng lương" (lên đòn dông).

Chủ nhà phải đối đãi tử tế với thợ mộc, cho ăn uống đầy đủ, sợ e họ "ếm bùa" thì gia đình sẽ mang họa về sau (?).

Chính giữa nhà, là bàn thờ: phía trên, bàn thờ ông Táo; dưới đất: bàn thờ ông Địa hay Thần Tài, hai bên bàn thờ ông bà. Có khi, còn thêm hai cái trang trên nóc tủ hoặc trên vách nhà thờ ông Quan Thánh Đế Quân và bà Cửu Thiên Huyền Nữ.

Phía trên cao mấy bàn thờ ông bà, thường treo một tấm biển viết ba chữ Nho thật to, cỡ 3, 4 tấc.

Còn ngay giữa nhà, trước mấy bàn thờ, thường là bộ ghế trường kỷ, trên có để một cái gối dựa thật to: đó là nơi tiếp khách.

Nhà khá giả thường treo liễn cẩn ốc xa cừ, hoặc liễn kè ốp vào cột trong khắc câu đối, chữ nho thếp vàng.

Ngoại trừ cửa cái và cửa sau của nhà trên, ít thấy cửa sổ, vì vậy, trong nhà tối tăm và không thoáng khí.

Trước sân, ít khi có hàng rào, nhà nào nhà nấy thường trồng cây cột nhỏ bề cao trên 1 thước, phía trên đóng miếng ván nhỏ sắp một cái lư hương và 1 cái ve chai để cắm bông vào ngày mồng một và rằm: đó là bàn Ông Thiên, đốt nhang mỗi buổi chiều.

ĂN UỐNG: Ở thôn quê, ít được dịp ăn thịt heo và thịt bò, thường ăn tôm cá và rau cải, vì vậy dân chúng được khỏe mạnh. Món ăn cần thiết là mắm: nhà giàu có đến đôi ba tạ, nhà nghèo ít lắm cũng cụ bị vài ba yến đặng đến mùa mưa, lúc khổ ăn, đem ra kho với cá, hoặc chưng ăn với rau dừa hay bông súng.

Gặp đám giỗ, nhà giàu thì vật heo, nhà nghèo cũng ráng làm gà vịt đặng cúng quảy ông bà.

Thức uống thường là nước lã, hoặc trà Tàu, hoặc rượu nếp. Bữa ăn thường ngày dọn trên bộ ván ngựa, chén đũa và tô bát đựng đồ ăn dọn chung một lần trong mâm cây hay mâm thau. Con nít thường ăn riêng chớ ít khi được ngồi chung với người lớn.

ĂN TRẦU: Thói quen ăn trầu không thể bỏ được nhất là mấy ông già bà cả. Khi lấy một lá trầu ngắt đuôi bỏ và quệt vôi kèm thêm một miếng cau tươi (hoặc khô) bỏ vào miệng hoặc vào ống xởi bằng ngà, thau hay xương thì câu chuyện bắt đầu, đúng theo câu ca dao:

"Miếng trầu là đầu câu chuyện".

Miệng nhai , tay xỉa thuốc liên miên chủ và khách bàn về thời tiết, mùa màng, giá lúa, thời cuộc hiện tại trong và ngoài nước v.v..

Người nghiện trầu tìm cho được trầu vàng, vôi trắng và cau tươi thật ngon: nhiều "bà già trầu" nghiện cho đến đỗi ăn một hơi 3, 4 miếng, nên người ta thường nói:

"Hễ miếng kia hạ rộng, thì miếng nọ động quan"

Tuy vậy, trầu cũng có ích lợi: vì cay và mùi thơm tẩy

được mùi xú uế trong miệng và làm cho răng được chắc thêm.

HÚT THUỐC: - Người dân ở thôn quê hút thuốc bánh, còn gọi là "thuốc Gò Vấp" hoặc thuốc giồng, vấn bằng giấy quyến mỏng cắt ra cuốn tròn lại. Điếu thuốc thì đầu lớn đầu nhỏ, đầu lớn để đốt, đầu nhỏ để ngậm. Họ không quăng bỏ thuốc tàn, mà thấm nước miếng dán trên cột nhà hoặc trên cánh cửa, thường thấy có nhiều hàng dọc ngang, để khi hết thuốc gỡ ra mà hút cho đỡ ghiền.

Thuốc rời và giấy quyến đựng trong hộp, phía trong nắp có gắn một miếng kiếng, để soi nên gọi là "hộp kiến" phía ngoài vẽ bông hoa đủ màu. Thanh niên thì bắt đầu hút thuốc điếu vấn sẵn.

ĂN MẶC: - Trước kia người Văn Lang là tổ tiên của chúng ta, mặc áo dài gài nút phía bên tay trái. Từ khi người Tàu qua cai trị thì Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp truyền lệnh cho nhân dân gài nút phía bên tay mặt.

Ở trong nhà, đàn ông thường mặc áo bà ba không túi, quần thì vận lại có sơi nhợ to thay thế dây nịt hoặc sợi dây lưng bằng vải hay lụa, phía trước treo toòng teng một cái hồ bao đựng thuốc hút và giấy tờ.

Đàn bà, con gái thường mặc áo dài đen, nút bằng hổ phách hay mã não, trong có áo bó (áo túi bó chặt ngực) hoặc áo vá quàng, chớ ít khi dùng áo màu.

Vì vậy, ta thường nghe ở miệt đồng quê Cà Mau bốn câu hát chọc gái sau đây, khi gặp cô gái mặc áo vá quàng tóc bới có giắt một cây nhím.

- *"Áo vá vai, vợ ai tôi không biết!*
  Chớ bận áo vá quàng, chỉ quyết vợ tôi"
- *"Áo đơn năm nút không màng,*
  Thương cô áo chẹt, vá quàng nửa lưng"
- *Không thương cổ có hột vàng,*
  Thương em chiếc áo vá quàng năm thân.
- *Thương em thuở áo mới may.*
  Bây giờ áo đã rách tay vá quàng.

Mấy ông già thường bịt trên đầu 1 cái khăn vải đỏ, đàn ông con trai thì bịt khăn xéo vải trắng. Ta thường nghe câu hát huê tình sau đây, nhất là ở xóm Cái Rắn:

Ra về không lẽ về luôn,
Để khăn xéo lại, lệ tuôn em chùi!

Mấy bà già vắt trên vai một cái khăn rằn hoặc khăn đỏ để lau miệng khi ăn trầu, đàn bà đội khăn một màu, con gái kim thời hơn một chút, đội nón lá buôn hay nón bài thơ.

Ít mấy thanh niên còn bới tóc nữa, họ hớt tóc ngắn thường "chải bảy ba".

Đàn bà vẫn bới tóc có bánh lái, bỏ hai, ba vòng xức dầu dừa cho thơm và láng. Đầu tóc có giắt một cây móc tai, hoặc một cây trâm bằng bạc.

Mấy cô gái nào theo kim thời, thì bới tóc cho gọn thôi, nên không bị chế giễu như câu hát huê tình xưa nữa:

Chị kia bới tóc đuôi gà,

Nắm đuôi giựt lại, hỏi nhà chị đâu?

Nhà tôi ở dưới đám dâu,

Ở trên đám đậu, đầu cầu ngó qua.

Ngó qua bèn kiểng Tô Châu,

Thấy em gánh nước trên đầu giắt trâm.

Khi kỳ yên chạp miễu, hoặc đám cưới đám ma, mấy ông lão và đàn ông con trai đều khăn đen áo dài, chân mang guốc, giày hàm ếch hay giày Tàu mã mị.

Mấy ông già thường để râu cằm, đàn ông để râu mép còn gọi là râu "ngạnh trê".

TRANG SỨC: Mấy bà lão không đeo nữ trang bằng vàng hay đồng, mà thích đeo nơi cổ một xâu chuỗi hổ và một đôi bông cũng bằng hổ hoặc mã não.

Mấy cô gái thường đeo chưn nôm, cà rá, dây chuyền và bông tai búp, bằng vàng hay đồng.

Thanh niên đeo vâm trống bằng đồng hoặc cà rá nhận hột mài cạnh đủ màu, nếu khá giả, họ đeo đồng hồ tay.

HÔN NHÂN: - Việc dựng vợ gả chồng trong thôn quê tại nhiều nơi còn theo tục phiền phức như là: coi ngày, gả con ăn tiền v.v...

Tệ đoan nhất là, "làm rể ở": khi hai đàng sui gia thỏa thuận xong việc hứa hôn, thì chàng rể phải đến nhà cha mẹ vợ ở đặng công làm chuyện chẳng nhà, khác chi người ở đợ thí công, đặng đền bù phần nào công khó nhọc của nhạc gia. Chẳng phải là "làm rể ở" trong thời gian đôi ba

tháng, có khi đến 6, 7 tháng, hoặc cả năm mà chàng rể vẫn chưa cưới được vợ.

Xưa kia, trong việc hôn nhân, có đến 6 lễ cả thảy, đến nay may thay! được rút bớt lại còn 3 lễ chánh:

1. Lễ nạp cát (làm quen)

2. Lễ hỏi (ăn trầu uống rượu)

3. Lễ thân nghinh (lễ cưới rước dâu).

Thường khi, trong vùng Cà Mau, đám cưới phải đi ghe chèo hoặc ghe gắn máy đường xa mệt nhọc và tốn kém, nên người ta nhờ đến ông mai thương lượng bên trong cho khéo đặng còn hai lễ chánh mà thôi: ăn trầu uống rượu và lễ cưới.

Công việc của ông mai rất khó khăn phải uốn ba tấc lưỡi đặng bên sui gái khỏi làm eo xách, vì vậy, người ta thường nghe câu hát:

"Trong đời có bốn chuyện ngu,

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu"

Đến ngày lễ cưới, khi ghe đàng trai tới gần nhà sui gái, thì phải đốt pháo vang lên báo hiệu đặng chuẩn bị tiếp rước. Đôi khi, ghe gặp nước xuôi tới sớm hơn giờ đã định, hoặc gặp nước ngược, tới trễ lối 1, 2 giờ sau thì bên sui gái lại bắt lỗi phải đem khay trầu rượu tạ lỗi, rồi mới được vào nhà.

Lễ vật trong lễ thân nghinh gồm 1 con heo để trong cũi, trên gáy và lưng có rắc con tàu thật nhiều (sau này có thể thay thế bằng "heo nằm" nghĩa là trao một số tiền tượng trưng thế con heo sống), hai cây đèn sáp thật lớn có

thoa son, nhiều mâm rượu, trà, bánh, đồ hộp hoặc trái cây phải số chẵn mới được. 4, 6, 8 mâm, tùy theo giàu nghèo, một mâm trầu đơm cho khéo với một quày cau, phủ vải đỏ, một cặp chè đựng rượu trắng.

Một ông bô lão lên đèn trên bàn thờ, lễ "Từ đường" khởi sự. Chàng rể mặc áo xanh, cô dâu áo đỏ, áo nào cũng rộng xùng xình, lạy mỗi bàn 4 lạy.

Kế đó, lạy ông bà còn sống, cha mẹ vợ và bà con cô bác trong thân tộc, mỗi người 2 lạy. Nhiều khi, sui gia gái khó tính, không cho lạy tất cả bà con ngồi chung lại trên bộ ván mà phải lạy từ người, hoặc từng cặp vợ chồng. Thành thử, chú rể nào gặp gia đình bên vợ đông đảo bà con, khi rước dâu được, thì rã giò co gối.

Khi cô dâu trong buồng bước ra, và trước khi cặp vợ chồng ra về, thì chàng rể phải lanh mắt bước lẹ tới "chụp bóng" người vợ, nghĩa là chen chân đi trước, đặng thực hành câu: "chồng chúa vợ tôi" nếu không lẹ chân thì sau nầy người vợ sẽ lấn lướt ăn hiếp chồng.

Sau lễ cưới 3 ngày, lại còn thêm lễ "xá tợ". Chàng rể và cô dâu phải trở lại giở mâm trầu. Nhiều khi sui gái dễ dãi, trước khi rước dâu, cho cặp vợ chồng mới giở mâm trầu liền đó.

Nhưng nhiều khi, vì một duyên cớ nào đó, sui gia hai bên đâm ra xích mích, không ai lui tới đến ai, trái với câu ca dao "bà con một ngày một xa, sui gia một ngày một gần".

Hiện nay, tại mấy vùng xa xôi, vẫn còn nhiều cô gái còn giữ nề nếp xưa là "cha mẹ đặt đâu con ngồi đó" hoặc

"con gái 12 bến nước trong nhờ đục chịu" hoặc "áo mặc sao qua khỏi đầu" hoặc "Phụ mẫu sở sanh để cho phụ mẫu định, con đâu dám tự quyền cãi lịnh mẹ cha".

Vì vậy nhiều cặp vợ chồng trước khi cưới hỏi không được hiểu biết tính tình nhau, nên đành tan rã sau một thời gian ngắn ngủi, trong sự ân hận suốt đời của kẻ làm cha mẹ.

SINH SẢN: Khi đàn bà có thai, thì cữ nhất là không ăn cua và ba khía, sợ đẻ ngang.

Đến lúc chuyển bụng, cấm tuyệt người chồng có mặt tại giường cữ.

"Đàn ông đi biển có đôi,

Đàn bà đi biển mồ côi một mình!"

Khi lâm bồn, chỗ nào không có cô đỡ hương thôn thì rước bà mụ ta, dùng miểng chai bén hoặc dao tre mà cắt rốn, chớ cữ không dùng kéo sắt.

Người sản phụ phải nằm lửa, uống nước đái con nít, ăn cơm với muối tiêu thật cay, thoa nghệ khắp thân mình, đến đầy tháng mới rời khỏi giường cữ.

Cấm người ngoài thân tộc đến thăm. Trên cửa buồng thường thấy treo 1 khúc xương rồng, hoặc dán một lá bùa giấy vàng, chữ đỏ, đặng ếm tà ma.

Nếu trẻ sơ sinh thường hay khóc đêm, gọi là "khóc tang" thì nên kiếm xin cho được một chéo khăn tang của người khác đem về đốt rồi lấy tro hòa nước trà nhểu cho nó uống.

Đúng 1 tháng, cúng "lễ đầy tháng" đặng tạ ơn 12 Bà Mụ, với chè đậu trắng, xôi đậu xanh, đỏ, vàng, tím, 1 con cua và một hột vịt luộc

Đúng 1 năm là lễ "thôi nôi" cũng cúng như trên. Nếu sản phụ không đủ sữa cho con bú, thì mua giò heo về hầm ăn. Nếu đứa trẻ èo uột, thì "ký bán" nó cho ông bà khuất mất nuôi dùm, hoặc đặt thêm cho nó một tên xấu xí, nếu nó "xấu háy" khó nuôi như: con Bù Tọt, con Thẹp, con Đít, thằng Cu, thằng Tèo, thằng Cẩu v.v...

Con trai hoặc con gái cũng vậy, trên mỏ ác, đều có thoa một lớp dày vị "châu thần" cho ấm, và trong lúc được năm, bảy tháng, thường để hai cái vá hai bên đầu, con gái thì để chóp.

BỆNH TẬT: - Trước kia chưa có y tá hương thôn ở mấy xã xóm đông đúc dân cư, đồng bào miền quê thường dùng thuốc Nam, thuốc Bắc do người Huê Kiều bán.

Khi đau rét, nếu cơn nóng lạnh hoành hành dữ dội người ta dùng rau cần dày lá đâm nhỏ, trộn với vài lát gừng và một con thằn lằn sống đặng bó cườm tay lại "nam tả, nữ hữu" đặng "chận cữ". Nếu dùng toàn lá cây, thì theo định mức: "Nam thất, nữ cửu".

Đến nay đồng bào khá tiến bộ, thường đến bác sĩ tỉnh lỵ để khám bệnh và tiêm thuốc.

Tuy vậy, ở một vài nơi, thỉnh thoảng người ta còn nghe tiếng trống giống tung - tung của bà bóng, hay tiếng hò hét của thầy pháp "lập đàn" chữa bệnh.

CHÔN CẤT: - Nghi lễ ít ai làm đúng được vì rất phiền

phức. Nơi đồng quê, khi ông bà hoặc cha mẹ vừa tắt hơi, con cháu lấy vải đỏ đắp mặt lại và dùng 1 miếng vải trắng in dấu bàn chân có thoa son đặng để trong hộp hoặc trong khánh mà thờ, cũng nam tả, nữ hữu (lúc xưa, chưa có thợ chụp hình, nên không có ảnh được).

Đến ngày cúng giỗ, đem miếng vải ấy ra cho gia đình và bà con tụ lại xem. Đồng thời những kỷ niệm êm đềm và tánh tình tốt của người quá cố được nhắc đi nhắc lại cho con cháu nghe.

Âu cũng là 1 phong tục tốt vậy.

Người đủ ăn thì sắm quan tài để dành sẵn bằng loại cây thường mà gói ghém với vải sô và giấy súc. Người giàu có thì dùng thọ đường (hòm) bằng cây danh mộc (cây trai hoặc quỳnh đàn), liệm bằng gấm vóc lụa là.

Nhà giàu thì có bàn minh tinh, trên bàn dựng 1 cây triệu (còn gọi là minh sanh) cao lối 5, 6 thước đề tên họ, năm sanh, ngày tử của người quá cố, quan tài để trong nhà giàng có sơn son thếp vàng, do đạo tỳ khiêng. Con trai mang giầy rơm, mũ bạc, áo thùng, chống gậy tre, con gái bỏ tóc xõa, đội mũ nhọn bằng vải trắng che bít cả mặt mày.

Đây là vài câu hát xưa trong việc tang tế:

- "Một mai ai đứng bên kinh.

  Ai phò giá triệu, ai rinh quan tài?

  Bên kinh đã có con trai,

  Giá triệu con gái, quan tài con trai"

- "Trưởng nam le lưỡi rà hòm,

Con gái than khóc kế chòm cỏ may",

Nếu tẩm liệm trét chai phía trong quan tài không kỹ, xác chết sình lên và chảy nước ra, thì tang gia cho rằng người quá vãng có điều chi không vừa lòng. Gặp trường hợp ấy, trai trưởng nam phải le lưỡi mình mà ra ngay chỗ ấy cho hòm hết thảy (?).

Sau khi chôn cất, tang chủ sai người đi "kiến" thịt heo, nghĩa là đem biếu cho mỗi người đến giúp đám hoặc có phúng điếu, một miếng thịt heo, lớn nhỏ tùy theo công khó nhọc và số tiền cúng.

Còn những đồ vật nào mượn dùng trong đám ma chay như bàn ghế, thì cột vào một sợi chỉ lụa màu đỏ, rồi mới hườn lại.

Kể từ đó các con trai người quá vãng phải để râu (không nên cạo), không được dự các cuộc vui chơi, con gái thì mặc toàn đồ đen.

Ba ngày sau chôn cất, con cháu lại quày ra mả cúng lễ "mở cửa mả" để cho người quá cố được đi đầu thai. Đồ cúng gồm một con gà giò sống, một cây mía lau và tam sanh (một miếng thịt heo, một con tôm càngg, một trứng vịt) ba món đều luộc chín. Khi cúng xong, họ cắm cây mía trước nấm mồ và thả con gà đi đâu thì đi, chớ không đem về nhà, vì vậy thường thấy trước nhiều nấm mộ có mọc bụi mía lau. Còn con gà bị lạc lối, đâm ra ngơ ngác, như lời ví:

"Lờ quờ như gà mở cửa mả"

Đến nay trong thôn quê, nhiều qui thức phiền phức đã cải cách, việc ma chay được giản dị hơn.

NHỮNG CUỘC GIẢI TRÍ: Trong hương thôn, mấy ông lão thừa lúc nhàn rỗi, đọc sách chữ Nho, ngâm thi uống rượu nói thơ hoặc đánh cờ tướng.

Trai tráng thì khảy đờn, đá cầu, ca hát, đánh bạc v.v... vài nơi mở mang hơn, có chơi bóng tròn.

Con nít đánh đáo, cút bắt, thả diều, nhảy cháng chậu...

Sau này, có máy thâu thanh dùng pin, nên khắp nơi được nghe tin tức thế giới và trong nước, tân nhạc cổ nhạc, kịch vui, tuồng hát cải lương.

Đó là các cuộc mua vui rất thích thú cho đồng bào ở miền quê, chớ mấy gánh hát bôi và cải lương không hề đến tận xóm xa xôi bao giờ.

oOo

MÊ TÍN DỊ ĐOAN

Nói về mê tín dị đoan ở đồng quê Cà Mau, thì kể không xiết được, nên chỉ thuật dưới đây những điều mà tôi tận mắt thấy. (Dĩ nhiên là sự mê tín của ngày xưa, ngày nay đã bớt đi nhiều)

- Muốn cho con nít được sởn sơ, kiếm móng cẳng cọp bịt bạc hai đầu, hoặc vảy con trút xoi lỗ cột chỉ cho nó mang vào cổ. Vài người lại cho đeo bùa, tom hay niệt: bùa thường bằng vải đỏ do thầy pháp làm phép, tom và niệt thì bằng chỉ trắng xe lại có một cục chì treo toòng teng từ bên

vai trái choàng xuống dưới nách bên mặt. Khi đeo ba món này, phải cữ hẳn không nên chun dưới ván ngựa hay dưới sào phơi quần áo

- Sau khi cúng xong lễ thôi nôi, người ta lấy ba món đồ sắp trước mặt con nít: một cây kéo, một cây viết và một kiếng soi hoặc một cây lược.

Nếu chụp cây kéo, lớn lên nó sẽ chọn nghề lao động, lấy cây viết, nó sẽ học hành giỏi, còn chụp cái kiếng hay cây lược, nó sẽ là người thông minh và có thứ tự.

Khi trẻ con bị nấc cụt thì lấy đuôi lá trầu thấm nước miếng rồi dán ngay chính giữa trán nó. Khi chúng nổi cơn ho thất thanh, người mẹ la lớn nhiều lần: chém ho! chém ho!".

- Khi ngủ thức dậy, rủi trặc cổ, thì lấy gối của mình nằm đem ra phơi nắng (nếu trời mưa dầm dề trọn ngày thì sao?)

- Không nên dòm mặt vào lu nước, bóng mình rọi xuống nước sẽ làm mình té sống, hoặc chết đắm.

Cũng không nên để bóng hình lọt vào quan tài lúc tẩm liệm người chết.

- Phàm là học trò, cấm ăn cẳng gà, vì khi cầm viết tay bị run tuồng chữ không được tốt.

- Không nên giỡn và la om sòm dưới tàn cây cổ thụ thư: cây da, cây bồ đề, cây gừa v.v... vì "Ông Bà" thường ngự trên các cây ấy quở phạt, mình phải bị ốm đau.

- Ngày Tết, không chạy đi mạnh chân, vì "động đất

đai". Nhất là ngày mồng một cấm quét nhà, qua mồng hai mồng ba mới quét, nhưng từ ngoài sân quét vô chớ không được từ trong quét ra, như vậy tránh được hao tài tốn của.

- Khi mắc xương cá trong cổ, lấy mỏ con cồng cộc phơi khô (nhiều nhà có sẵn) cào nhè nhẹ cuống họng năm bảy lần. Hoặc biết ai trước kia bị đẻ ra ngược, cậy họ lấy tay cào xuống họng nhiều lần (có lẽ bị nhột cổ nên xương chạy xuống).

- Gặp lúc "nhộn" nghĩa là xảy ra bệnh truyền nhiễm, người ta thường cắm ngoài sân một cây mọc, trên chót có úp cái tĩn nước mắm phết vôi trắng, chỉ rằng những nhà ấy có con cháu của ông bà khuất mặt, được chừa ra.

- Khi cổ hoặc lưng bị giời ăn, thường tìm thầy mà khoán (làm bùa trên vết rồi thoa son).

- Nếu đau bệnh rét có làm cữ (khi lạnh, khi nóng) thì phải "chận cữ" (có nhiều cách, tùy địa phương).

Người nào làm ruộng trúng mùa nhiều quá, như trên 20 giạ mỗi công tầm phát cấy (công ta lối 75 sào tây) thay vì thết tiệc ăn mừng, thì trái lại phải xả xui: Người nhà lấy một cây chổi rơm mới, đập nhẹ trên đầu nhiều lần, vì cho rằng hễ gặp lợi nhiều, thì có họa to.

- Gà hay vịt vừa nở ra chết ngộp, người ta để trên mặt đất, miệng la lên nhiều lần:

"Chập chộ mẹ mày chết, con mày sống".

Còn tay thì vỗ dưới đất. Đôi khi, gà vịt chết ngộp nhờ lấy hơi đất mà sống lại.

Trong các dịp cúng kiến nào có làm gà, không bao giờ

ăn cặp giò: phải chừa lại để phơi phô, rồi đem treo toòng teng trên giàn bếp, đợi thầy bói quẻ rùa đến xem vảy mà đoán vận mạng cũng như tại quán "Thiên lộc đạo viên" hiện nay có treo 2 xâu dài cả trăm thước tây, phía bên hông mặt Lăng Ông tại Bà Chiểu.

Khi bị đòn giông nhà người khác đâm ngang mặt tiền nhà, treo một miếng kiếng soi, hoặc một hình bát quái đặng phản chiếu, hình dáng xấu xa.

- Trong thôn quê, thường lấy đất sét nhồi cho nhuyễn đặng đắp 3 ông Táo, dùng kê trách hoặc chảo lớn hấp bánh ít và bánh tét. Khi ông Táo bể, không nên vứt bậy bạ, mà phải đem sắp gần miễu ông Thổ Thần ngoài vườn. Hỏa lò, cà ràng, bình vôi cũng thế.

- Xây bếp núc, cần coi ngày, trong lịch Tàu.

- Ra đi năm ba ngày, cần coi ngày xuất hành. Nếu đi lâu sợ con cháu nhỏ nhớ mình, lấy một cục sáp nhỏ trét dính lại một chùm tóc của chúng nó.

Về việc coi ngày, có câu ca dao sau đây:

"Mồng năm mười bốn hăm ba,
Trong ba ngày ấy đừng ra khỏi nhà!"

Đồng bào còn nhớ tích xưa của Sơn Tinh và Thủy Tinh và tin tưởng rằng đến ngày mồng ba thang 10 âm lịch thì chắc chắn giông mưa lớn, ít ai dám đi đâu vì:

"Ông tha thì bà không tha,
Đánh nhau một trận mồng ba tháng mười".

và: "Ông tha nhưng bà chẳng tha,

Lại còn mười ba, hăm ba tháng mười".

Vì vậy trong mấy ngày kể trên, nhất là mồng ba tháng mười, tàu và xe hơi hay ế ẩm hành khách.

oOo

ĐỊA DANH

Cũng như nhiều tỉnh khác, tên sông, rạch, xóm và ấp thường đặt ra do thổ sản hoặc lấy tên người đến lập nghiệp trước nhất, hoặc căn cứ vào một vài kỷ niệm nào đó.

Rồi lâu ngày, theo lối truyền khẩu, địa danh trở nên sai lệch, nhiều khi không còn ý nghĩa gì hết, nhưng ai nấy cũng gọi theo thói quen. Sau đây là vài bằng chứng.

a. Do những người đến ở trước: Xóm ông Muộn và ông Tự (xã Phong Lạc) xóm ông Xích (xã Khánh Bình) kinh Biện Nhị (xã Khánh Lâm) kinh xáng Đội Cường (xã Thạnh Phú), kinh xáng Bà Kẹo (xã Phú Mỹ), xóm bà Bèo và rạch Nàng Âm (xã Tân Hưng) lung Bà Đội Om (xóm Bản Cú), xóm bà Hính (xã Tân Hưng Đông), rạch bà Thanh, bà Điều, ông Quyền, ông Định, ông Như, ông Do (quận Năm Căn), xóm ông Trang, xóm Rẫy Chệc (xã Viên An) v.v...

b) Do thổ sản, thú vật và cây cối: Sông Gành Hào xóm Đường Cũi, xóm Ô Rô, kinh Bạch Ngưu, xóm Đầu Nai (xã Tân Phú) rạch Muối và Cái Rắn (xã Tân Hưng) rạch Bù Mắt và xóm Kiến Vàng (xã Tân Hưng Tây) rạch

Vọp (xã Phong Lạc), rạch Chồn (xã Tân An) rạch Dừa Nước và rạch Ông Thầy (Xóm Thủ), xóm và Rạch Đầm Dơi, Bàu Sen (xã Tân Duyệt), xóm và rạch Đầm Chim, rạch Kỳ Đà, Lung Chim và Bộng Kéc (xã Tân Thuận) xóm Nổng Kè và rạch Giồng Kè (xã Tân Lợi) rạch Chà Là (xã Tân Hưng Đông) xóm Rạch Rán (xã Khánh Bình Đông) rạch và xóm Rau Dừa (xã Hưng Mỹ) rạch Gốc (xã Tân An), Hòn Khoai, Hòn Đá Bạc v.v...

c) Do tục lệ hoặc vài kỷ niệm: Kinh 16 (tỉnh lỵ), sông Bảy Háp, vịnh La Làng (xóm Bần Cú) vịnh Nước Sôi (xã Viên An) v.v...

oOo

THỔ NGỮ

Còn gọi là (tiếng lóng) hoặc địa phương ngữ, chỉ dùng riêng biệt cho một vài vùng nào đó thôi. Cho nên đồng bào ở tỉnh khác, khi có dịp xuống tận thôn quê Cà Mau đều ngạc nhiên không ít khi nghe nhiều tiếng lạ tai.

Dưới đây là một số tiếng lóng mà tôi được biết

- Giá né, nẩu : người đó (miệt thị)
- Đi rồi, ngủ rồi : tắt hơi.
- ê mình : muốn đau.
- Vách lụa : vách ván.
- Buồng gói : buồng ngủ có đựng đồ qui gói lại.
- Nhà vuông : nhà việc làng vì cất vuông vức
- lanh vải : xấp vải

Giấy quyến : giấy mỏng để vấn thuốc.

Một dun giấy quyến : một xấp giấy cắt bề ngang bằng 1 điếu thuốc.

Áo bó : áo túi chật của con gái, bó ngực lại

Khăn xéo : khăn bịt bên cao, bên thấp

Cây nhím : móc tai giắt trên đầu tóc, mặc dầu không phải bằng lông nhím.

Túi lá liễu : túi lớn áo bà ba phía bên hông tay mặt, hình bán nguyệt.

- Hộp rừng : Hộp bằng cây tràm, hình trái soan đựng trầu cau khi đi rừng.

Ăn ba hột : điểm tâm, ăn rất ít, lấy lệ.

Một cây rượu : một chai.

Cái cống : Lon sữa bò, có cán dài để múc dầu, nước mắm.

Cái ang : Lu xưa to lớn, miệng trớt, để chứa nước, dung tích bằng 2 mái vú.

Cái tôn : Nhạo đựng rượu không có quai.

Cái phản : bộ ván ngựa, chớ không phải cây phảng để phát cỏ.

Cai tợ : bàn ba chân mặt tròn, xây tròn được.

Gàu xà nách : Gàu lớn chằm bằng lá cây cà bắp (đọt) dừa nước.

Mác mỏ vọ : mác mũi không nhọn.
Cà lé : mùng nhỏ cho con nít ngủ trên võng
Cái sịa : giống như nia, nhưng đương có lỗ để phơi chuối hay sấy cau chẻ ra.
Bánh cà bắp : bánh nếp gói bằng lá cà bắp cây dừa

Ông thầy, ông Hổ.
Hương quản, Hia Khai } Con Cọp

Vịt chàng bè : Vịt trống có lông đầu xanh lóng lánh
Già sói, chó đồng : Chim già đẩy, lông ô.
Xộn, bự : to, lớn.
Con miễu : Con mèo (có lẽ là tiếng "miêu" nói trại)
- Bông phướng : bông bụp, bông lồng đèn.
Dừa bụng : dừa trái thật lớn.
Cau ớt : loại cau nhỏ trái.
- Một hú : khoảng đường ở giữa hai người, người này hú người kia nghe được.
Dập bã trầu : một nghỉnh, một chập.

Tàn điếu thuốc
Sôi siêu nước } chốc lát, trong giây phút.

Đi đồng : ra ngoài đồng tiểu tiện.
Mần ên : làm một mình.
Gõ dây thép : lẹ làng (như đánh điện tín).
Cầm lái vọt : dùng chèo đăng bát hay cạy, chớ ghe không có bánh lái.
Một thiên lúa : một trăm giạ, chớ không phải một nghìn giạ.
Đầu gà đít vịt : con lai, cha Tiều, mẹ Miên.
Thầy tớ : đày tớ (nói trại).
Nình ông, nình bà : đàn ông đàn bà. v.v...

Ở mấy xóm xa xôi, nhiều người nói đớt chữ R ra chữ G như: đi ra là "đi ga", rõ ràng là "gõ gàng" v.v...

Vì thế, ở Bạc Liêu, người ta thường chế giễu dân Cà Mau bằng câu này:

(Lấy cái gổ, bắt con cá gô, bỏ vô cà gòn, đem xuống guộng).

Đến nay, phần đông đồng bào sửa đổi chút ít nhưng đánh lưỡi chưa được đúng chữ R, mà thành ra chữ D: đi da, dõ dàng v.v...

Còn rất nhiều thổ ngữ, lược ra không hết.

oOo

TIẾNG TÀU - TIẾNG PHÁP - TIẾNG MIÊN

Dân nào cũng vậy có dùng tiếng nước ngoài xài thế tiếng nước mình, hoặc vì quen miệng, hoặc muốn lòe rằng mình biết tiếng ngoại quốc. Hoặc vì nước mình không có

chữ đó để phô diễn.

Tại tỉnh lỵ và mấy nơi có người đọc chữ Pháp, thì thường nghe nói:

mông be (mon père)	- ma me (ma mère)
ma phăm (ma femme)	- mỏa toa (moi, toi)
cúp tóc (coupe)	- áo bành tô (paletot)
giấy ăn phón (en France)	- bốc chinh (bottine)
cái son (casserole)	- cái bù lệch (gargoulette)
cửa phơ nết (fenêtre)	- banh công (balcon)
ăn banh (en panne)	- tà líp (tarif)
ba xí, ba tú	- parci, partout v.v...

Ở đồng quê, người Việt thường gần gũi người Huê Kiều (nhất là người Triều Châu) ở rải rác lập tiệm tạp hóa hoặc giao thiệp với người Miên, ta thường nghe nói:

- Về tiếng Tàu: hia (anh) chế (chị) củ (cậu, dượng) ý (cô dì) lứ, hóa (mầy, tao) ập (thối tiền) xính xái (chút đỉnh) ủ, bó (có, không) tiểu na má (chửi thề) chìa té (uống trà) chìa muối (ăn cháo) chìa bừng (ăn cơm) bồ xinh căn (không hề gì) cái ui ná (giỏ đựng đồ ăn) bánh chìa tuối (bánh giá hay bánh cống) tùa (lớn) hia khai (con cọp) tào cáo (tùa cảo: chó lớn con) tằng ní (một tuổi với mình) tằng khạo (người quản lý coi điền hay lò than) v.v...

- Về tiếng Miên: Bòn (anh) tâu na (đi đâu?) xi bai (ăn cơm) bò hốc (prây-hok: mắm trê) xà rông (cái chăn) cò bư (con trâu) tê (không) ngộp (chết) v.v...

Chúng ta nên canh tân cách nói chuyện, nghĩa là không

xen tiếng ngoại quốc vào tiếng Việt nữa, trừ khi nào không có chữ dùng mà diễn tả được như: Thay vì nói (mông be) thì nói: cha tôi (ập tiền lại) thì nói: thối tiền lại, (bò hốc) thì nói: mắm của người Miên.



Bài bổ túc
HỌC MƯỚN

Sau khi các thầy đồ xếp bút nghiêng và dẹp tất cả rương tráp lại, đúng vào lúc cụ Tú Xương đề cập đến thời kỳ: "đi học làm ông Phán".

"Thôi có ra gì cái chữ Nho,

Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co".

....

thì trẻ em mới vào trường học chữ Quốc ngữ đặng "tối rượu sâm banh sáng sữa bò".

Vào năm 1905, thì đã có trường học tại Cà Mau rồi, lúc ấy gọi là trường tổng, chỉ có hai ông thầy dạy. Nhiều học trò đã ngồi lớp nhất (lúc ấy là lớp tư của ban tiểu học bây giờ) đến 3, 4 năm và cứ nhai đi nhai lại chương trình cũ. Và cũng nhờ đó, nên nét chữ viết của học trò bao giờ cũng tốt.

Bởi trong quận chỉ co một trường duy nhất, nên làng nào cũng phải gởi ra chợ một em trai lối 14, 15 tuổi dăng học chừng 3, 4 năm, rồi khi trở về làng sẽ được cử làm biện cho làng, lãnh lương mỗi thang 4, 5 đồng bạc.

Mấy nhà giàu, không muốn cho con cháu mình bị bắt buộc đi học xa gia đình, (ra tận Cà Mau lúc ấy cho là xa xôi lắm) bèn mướn con nhà nghèo đi học thay thế. Những ai có bà con ở tại quận lỵ thường cho con tình nguyện đi

học mướn, vì chỉ đem gạo ăn mỗi tháng, chớ không trả tiền cơm. Thành thử mấy anh học trò ấy, chẳng những khỏi tốn tiền cơm mà lại còn được lãnh tiền học mướn, và ba bốn năm sau trở về làng, được làm biện có đồng lương tháng.

Lần lần, làng nầy kế xóm kia, mở trường học, thêm mấy thầy giáo làng (Instituteur communal) nên từ năm 1945 về sau, không còn lệ "Học mướn" nữa.

oOo

ĐẢO VÕ

Đôi khi trong mùa ruộng, trời ngưng mưa làm cho mạ hoặc lúa bị thiếu nước, trở nên vàng úa gần chết hay là có xảy ra đại hạn thì trong xóm, đồng bào tổ chức cuộc "Đảo Võ" không phải là bơi đua ghe với nhau, mà là tựu tập đông đảo dưới sông, ghe có, xuồng có, bơi tới bơi lui, cả giờ, la rền dậy xóm ấp, la lớn chừng nào tốt chừng ấy, đặng cầu trời mưa xuống cho có nước uống và cứu vãn mạ lúa sắp chết khô.

Đôi khi, bữa sau, hoặc vài giờ sau, nhờ động lòng trời? mưa tuôn xuống như cầm tĩn mà đổ.

Lắm lúc sau khi bơi và la như thế có khi mây trên trời kéo đến đen nghịt, hình như khuyến khích đồng bào hăng hái bơi và la lớn thêm nữa.

Nhiều khi, không mưa giọt nào hết, một luồng gió ác nghiệt thổi tới thình lình đuổi mây về hướng Nam và trời trở lại quang đãng như cũ

Rồi... ngày mai, ngày mốt, bữa kia, dân cư trong xóm vẫn tiếp tục đảo võ hoài, cho đến chừng nào mưa xuống mới chịu thôi.

Ấy là chuyện dị đoan mà đồng bào ở thôn quê chưa bỏ hẳn được, nhưng đôi khi cũng đem được chút ích lợi cho mùa màng.

oOo

DÁN LIỄN

Sau khi cúng lễ đưa Táo quân về trời, ngày 23 tháng chạp âm lịch, nhà nào nhà nấy đều chuẩn bị ăn Tết, đàn bà lo bột đường cho sẵn đặng làm bánh trái: bánh ít, bánh tét, bánh men, bánh gừng, bánh thửng, bánh bông lan nhất là bánh ổ còn đàn ông thì lo quét dọn nhà cửa, chùi lư và chân đèn thau trên bàn thờ. Điều chuẩn bị trước tiên là mua sẵn giấy hồng đào, mượn mấy ông đồ Nho viết liễn dán nhà.

Đỏ đen đôi ba ngày Tết,

Mặn lạt năm bảy ngày chay.

Chẳng những dán liễn trên cột nhà và bàn thờ, mà còn dán ngoài sân, trên cây cột cắm bàn ông Thiên, ngoài vườn, trên thân mấy cây cau, dừa, mít, ổi cho nó sai trái! Lại còn cúng ông Chuồng, bà Chuồng bằng bánh tét với đường, rồi cũng dán liễn khắp chuồng heo cho heo đực được mạnh giỡi và chóng lớn, heo nái đẻ sai con (?).

Mỗi cái lu, mái, đều dán một miếng [illegible] ghi lời 5

phân x 5 phân.

Dưới sông trên cột cầu nào cũng dán một miếng liễn chừng vài tấc bề dài. Thậm chí, trước mũi và sau lái mấy chiếc ghe cũng có dán nữa.

Tóm lại, dầu tới nhà giàu hay nghèo đều thấy đỏ nhà và đỏ vườn.

Sau này không còn thầy đồ viết liễn dùm nữa, nhưng có nhiều người viết mướn tại chợ: Ai muốn viết câu liễn nào hoặc những chữ gì, thì cứ mua giấy đem đến là xong việc le làng hoặc là mua những đôi liễn đã viết sẵn.

oOo

NGÀY TẾT Ở NÔNG THÔN - ĐI CUNG HỈ

Ba ngày Tết ở đồng quê Cà Mau khá rộn rịp, nhất là đêm giao thừa và ngày mồng một.

Nhà cửa được trang hoàng tử tế, ai ai cũng lo cúng kiến ông bà long trọng hơn ngày thường.

Đêm giao thừa, đúng 12 giờ "thường gọi là "giáp canh, giáp cư", nhà nào cũng lo cúng "đầu năm", thường là ở ngoài sân, bằng hoa quả, gà giò luộc và chè xôi.

Sau khi cúng, người ta cắt cặp giò gà đem treo trên giàn bếp, đặng mướn thầy xem vảy đoán vận mạng của mình trong năm mới. Vì vậy trong nhiều nhà bếp còn vài cặp giò và treo toòng teng nhiều năm bị đóng khói đen thui.

Sáng mồng một, trẻ con, giàu cũng như nghèo, đều mặc quần áo mới "làm tuổi" ông bà, cha mẹ, đặng chúc thọ, rồi được "lì xì" bằng tiền bạc gói trong giấy đỏ, sau đó mới đi chơi.

Người lớn thì lạy bàn thờ ông bà, kế đó, khăn đen áo dài sang mấy nhà thân bằng quyến thuộc cũng lạy bàn thờ luôn dịp "cung hỉ" nghĩa là trao cho chủ nhà một miếng thiệp bằng giấy hồng đào xếp tư, cỡ 10 phân x 10 phân, phía trước ghi tên họ mình, phía sau là 4 chữ Nho: cung chúc tân xuân, với con dấu cây khắc khéo léo.

Chủ nhà được người thân thiết đến chúc Tết và lạy bàn thờ ông bà mình, phải trả lễ lại: đến nhà những người ấy, nội trong ngày mồng một mà thôi đặng lạy bàn thờ của ông bà họ, chớ đừng đợi đến mồng 2 hay mồng 3.

Nhiều khi, vì có bà con và người thân thiết đông đảo, gia chủ phải đi khắp xóm lạy đến cả trăm lạy trong ngày mồng một, đầu gối rã rời, qua hai ngày sau không còn chân cẳng đi đâu nữa.

Ngày nay, tục lệ đi cung hỉ vẫn còn duy trì ở nông thôn Cà Mau, nhưng về phần lạy bàn thờ, phần đông đồng bào đã giảm bớt.

oOo

VẦN CÔNG

Ở nông thôn không ai làm công nhật. Nếu có, thì cũng một vài người mà thôi, không thể hoàn tất được việc lớn

như đào giếng, lợp nhà, gặt lúa trên thửa ruộng 5, 7 chục công v.v... trong một hai ngày.

Vì vậy, bà con trong xóm đi "kêu công". Rồi khi công việc đã xong , một ngày nọ, mình phải trả công lại: nên gọi là "Vần công".

Khi bà con đến giúp việc, chủ nhà lo cơm nước cho, tươm tất, một ngày ba bữa, thường là nước, vì công việc cực nhọc cần các loại thức ăn lâu đói.

Thường là cơm nếp trộn dừa nạo, bánh tét, bánh dừa bánh trôi nước.

Muốn dựng một ngôi nhà, ngoài thợ thầy còn phải đi kêu công thêm. Trong trường hợp này, chủ nhà phải vật heo, để cúng kiến, luôn dịp đãi đằng bà con bằng bữa linh đình.

Tục lệ này rất tốt, vì trong chòm xóm, bà con chẳng những có dịp tỏ tình đoàn kết và tương thân với nhau khi hữu sự, mà lại còn có cái lợi là ít tốn tiền hơn khi mướn người lạ và công việc làm chưa chắc được mỹ mãn.

Hiện nay, tục lệ này vẫn còn tồn tại, và ai cũng hoan nghinh, khi có người trong xóm đến kêu vần công.

oOo

THẦY PHÁP CHỮA BỊNH

Nhiều ấp xa xôi chưa có trạm y tế. Vì vậy khi đau ốm, đồng bào chỉ nhờ thầy lang chẩn mạch dùng thuốc Nam hoặc phải đi xuồng 5, 10 cây số đến tiệm bổ thuốc Bắc về sắc uống.

Ít khi gặp thầy giỏi coi mạch ra toa trúng căn bệnh nên miền nê địa Cà Mau còn nhiều người bệnh hoạn.

Đồng bào hay tin dị đoan: mỗi khi đau thì cho rằng bị ma quỉ phá hoặc ông bà khuất mất quở cần rước thầy pháp đến chữa bệnh, hoặc bà bóng đến cúng rỗi.

Thầy pháp lập trận để con bịnh nằm trên giường chung quanh treo cờ xí đủ màu, nhang đèn đốt lên sáng trưng. Tay mặt thầy cầm một cây gươm bén có cột lục lạc khua nghe rổn rổn, tay trái cầm một miếng vải trắng dài mặt vẽ rằn ri coi dữ tợn, miệng la hét om sòm và đọc thần chú liên miên đặng đuổi tà ma, hoặc yêu cầu ông bà khuất mất tha thứ cho thân chủ mình khỏi cơn bạo bệnh, rồi sẽ vật heo tạ ơn thánh thần. Trong khi đó đệ tử của thầy đánh trống lung tung.

Có khi thầy pháp dùng chén dĩa để trong thúng xốc lên xốc xuống, hoặc khua dao mác lẻng kẻng, khiến ai yếu bóng vía phải rởn óc rùng mình.

Sau rốt, con bệnh phải đeo bùa hoặc niệt đặng ếm tà ma, nhiều khi bị chết một cách oan uổng, vì không chịu uống thuốc trị bệnh.

Mong sao nền y tế hương thôn được mở mang thêm để dị đoan mê tín không tai hại cho đồng bào nữa.

oOo

ĐOÁN CON NƯỚC

Trước đây chỉ một số rất ít đồng bào sắm đồng hồ để xem giờ khắc: một là đắt tiền, hai là khi hư, phải ra tận Cà Mau mới có thợ sửa, nhưng chẳng bao lâu, lại hư nữa. Thành

thứ đồng hồ không cần thiết cho lắm.

Trong mùa hạn, khi trời trong, họ ngó mặt trời, rồi đoán giờ không sai cho mấy. Còn đoán con nước thì họ lại còn tài tình hơn.

Họ lần mấy ngón tay mà tính ngày, rồi nói trúng phong phóc: khi nào nước lớn, lúc nào nước ròng, chỉ sai chạy 5, 10 phút là cùng.

Họ thuộc lòng những con nước trong tháng, nước kém, nước ròng, nước đứng, nước lớn đầy mà nước ròng ương v.v...

Bằng chứng là câu vè, câu ca dao sau đây:

"Mồng mười nước chảy,
Mười bảy nước rông".

hoặc:

"Bìm bịp kêu nước lớn anh ôi!
Mua bán chẳng lời, chèo chống mỏi mê".

hay là:

"Sông sâu nước chảy, mồng bảy kém rồi,
Tảo tần chi cho lắm, cái nồi cũng ra ơ".

oOo

CHÚ Ý. Mấy câu ca dao kể trong chương nầy đều thường nghe đàn bà ru con, hoặc con gái hát ầu-ơ đưa em kèn kẹt trên võng, mà nhà nào cũng có 1 hay 2 cái, nhất là ở Cái Rắn, Trèm Trẹm và ông Trang

KẾT LUẬN

Chúng tôi xin tạm tổng kết.

Tỉnh An Xuyên về địa thế chiếm được vị trí rất thuận tiện; hai phía ngó ra biển cả, hai mặt giáp với đồng ruộng bao la và rừng cấm dày đặc.

Về chánh trị, dân số không được đông đảo, nhưng tánh tình hiền hậu và làm ăn chất phác.



Đường rộn dịp nhất tỉnh lỵ

Về phương tiện kinh tế, thì nông ngư nghiệp phồn thịnh, ruộng đất phì nhiêu cò bay thẳng cánh, rừng cấm rất nhiều cây cối và lâm sản khác, mé biển dài và giàu hải sản. Còn sông rạch và kinh xáng khắp tỉnh làm khiến thuận tiện đường giao thông, nguồn thủy lợi được dồi dào.

Công nghệ và kỹ nghệ còn trong vòng phôi thai nhưng cũng tạm đủ.

An Xuyên là tỉnh mới thành lập trong lúc nước nhà gặp cơn khói lửa nên cần kiến thiết thêm nữa, chúng tôi đinh ninh rằng: Sau ngày hòa bình vãn hồi lối 5, 7 năm, An Xuyên sẽ vượt qua nhiều tỉnh miền Tây về mọi phương diện.

Như vậy tương lai tỉnh An Xuyên đầy hứa hẹn, đồng bào trong tỉnh ước mong ngày huy hoàng ấy sớm đến.

Và chúng tôi xin kết thúc quyển sách nầy bằng hai bài thơ thất ngôn đặng so sánh tình trạng quận Cà Mau xưa kia và tỉnh An Xuyên hiện nay:

BÀI SỐ 1

Cà Mau lúc trước thấy mà ghê!

Ai muốn làm ăn, đến, phải về.

Dưới nước đỉa lền, sấu lểnh nghểnh,

Trên bờ cọp rống, muỗi vo ve.

Thị thành lụp xụp, nhà thưa thớt,

Đường sá bùn sình, bệnh rét tê.

Vẫn biết quận nầy là địa lợi.
Nhìn trông cảnh khí hết ham mê.

BÀI SỐ 2

An Xuyên nay khác mấy năm trên,
Một tỉnh phồn hoa đã nổi lên,
Đường sá dọc ngang cùng bốn mặt,
Lâu đài đồ sộ cả hai bên.
Phố phường tấp nập người lui tới,
Sông rạch tưng bừng kẻ xuống lên.
Sản vật thôn quê la liệt đủ...
Ăn làm náo nức, tiếng tăm rền.



CÀ MAU XƯA

Tác giả: NGHÊ VĂN LƯƠNG – HUỲNH MINH

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập

NGUYỄN TRƯỜNG

Sửa bản in

SONG PHƯƠNG

Trình bày bìa

PHÚ CƯỜNG

In 800 cuốn, khổ 13 × 19 cm, Giấy phép xuất bản số: 252/65/CXB–QLXB do Cục Xuất bản cấp ngày 16/01/2003. Giấy trích ngang số: 49/ KHXB ngày 03/3/2003. In tại Công ty Cổ phần Bến Tre, nộp lưu chiểu quý I năm 2003.

KIẾN HÒA (BẾN TRE) XƯA

CẦN THƠ XƯA

TÂY NINH XƯA

VŨNG TÀU XƯA

VĨNH LONG XƯA

BẠC LIÊU XƯA

GIA ĐỊNH XƯA

GÒ CÔNG XƯA

TÂN CHÂU XƯA

ĐỊNH TƯỜNG (MỸ THO) XƯA

Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú, Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hào hùng bất diệt, có những anh hùng làm rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta....

Bộ sách "Sưu khảo các tỉnh, thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch sử, Địa lý, Nhân vật, Giai thoại, Huyền thoại, di tích, thắng cảnh cũng như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần tô điểm thêm non nước cẩm tú của chúng ta

Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dành trọn đời mình cho công việc sưu khảo, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và đã được gặp nhiều nhân vật năm xưa như: Cựu Hoàng Thành Thái...

Bộ sách "Sưu khảo các tỉnh, thành năm xưa" là bộ s ng tủ sách gia đình của các độc giả.





NHÀ SÁCH THÀNH NGHĨA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
288B AN DƯƠNG VƯƠNG, Q.5 - ĐT/FAX: 8392516

Giá: 25.000đ